

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

THI LÝ PHỤC

**TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA LÃO TỬ  
TRONG TÁC PHẨM ĐẠO ĐỨC KINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

**2014 | PDF | 102 Pages**  
**[buihuuhanh@gmail.com](mailto:buihuuhanh@gmail.com)**

Đà Nẵng- Năm 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

---

**THI LÝ PHỤC**

**TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA LÃO TỬ  
TRONG TÁC PHẨM ĐẠO ĐỨC KINH**

**Chuyên ngành: TRIẾT HỌC**

**Mã số: 60.22.80**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. TRẦN HỒNG LƯU**

**Đà Nẵng – Năm 2014**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.*

*Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

*Tác giả luận văn*

**THI LÝ PHỤC**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	2
4. Phương pháp nghiên cứu .....	2
5. Bộ cục đề tài .....	2
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu .....	2
<b>CHƯƠNG 1. LÃO TỬ VỚI TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH” .....</b>	<b>6</b>
1.1. LÃO TỬ VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH” .....	6
1.1.1. Cuộc đời và sự nghiệp của Lão Tử .....	6
1.1.2. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm “Đạo Đức Kinh” .....	10
1.2. TỔNG QUAN VỀ TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH” .....	16
<b>CHƯƠNG 2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH” CỦA LÃO TỬ.....</b>	<b>26</b>
2.1. VỀ ĐẠO VÀ ĐỨC .....	26
2.2. VỀ THUYẾT VÔ VI .....	36
2.3. LÝ THUYẾT QUÂN BÌNH VÀ PHẢN PHỤC .....	41
2.3.1. Luật quân bình.....	44
2.3.2. Luật phản phục .....	49
2.4. VỀ ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ.....	53
2.5. QUAN ĐIỂM VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN SINH.....	59



<b>CHƯƠNG 3. NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀ HẠN CHẾ CỦA TRIẾT</b>	
<b>HỌC LÃO TỬ TRONG TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH”.....</b>	<b>71</b>
3.1. CÁC ĐÁNH GIÁ VỀ TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH” .....	71
3.2. NHỮNG ĐÓNG GÓP .....	77
3.3. NHỮNG HẠN CHẾ .....	86
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>92</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (Bản sao)</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay loài người đã và đang có những bước tiến vượt bậc trong sự phát triển mọi mặt về đời sống kinh tế- xã hội. Những thành tựu phát triển kinh tế- xã hội đó, một mặt đem lại sự phồn vinh trong đời sống vật chất của con người, song mặt khác trong đời sống tinh thần con người lại có sự bất ổn, nhất là sự phát triển không bền vững.

Do vậy, không phải ngẫu nhiên mà nhiều nước phương Tây có đời sống vật chất rất cao, song họ lại quay lại nghiên cứu vì sao phương Đông tuy đời sống vật chất thấp hơn nhưng đời sống tinh thần lại khá ổn định. Việc tìm về những cội nguồn tư tưởng ở phương Đông, từ Trung Quốc, Ấn Độ cổ xưa - nơi tạo ra những gốc rễ cho sự phát triển bền vững đó là nhằm tìm ra lời giải đáp nói trên. Chính vì thế, việc nghiên cứu những tư tưởng triết học của các nhà triết học phương Đông cổ đại, vẫn có tính thời sự và cấp bách. Trong số các triết gia vĩ đại đó, việc nghiên cứu Lão Tử để hiểu sâu hơn những tinh hoa trong tác phẩm “Đạo đức kinh” cũng là một trong những chủ đề của sự tìm kiếm đó. Việc “đứng trên vai” những người không lồ để kế thừa, phát triển những tinh hoa đó phù hợp với thời đại ngày nay chính là công việc của người đời sau.

Đó cũng là lý do để tôi chọn đề tài: *“Tư tưởng triết học của Lão Tử trong tác phẩm “Đạo đức kinh”* làm đề tài nghiên cứu luận văn cao học của mình.

### 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

#### a. Mục đích

Trên cơ sở phân tích nội dung cơ bản của tác phẩm “Đạo đức kinh”, qua đó làm rõ những tư tưởng triết học, chỉ ra những giá trị có ý nghĩa đối với thời đại ngày nay, đồng thời vạch ra những yếu tố hạn chế của tác phẩm.

### ***b. Nhiệm vụ***

- Trình bày khái quát về cuộc đời của Lão Tử và hoàn cảnh ra đời tác phẩm “Đạo đức kinh”.

- Làm rõ những nội dung chủ yếu của tác phẩm “Đạo đức kinh”.

- Tìm hiểu những góc nhìn về tác phẩm, từ đó chỉ ra những yếu tố hợp lý và những hạn chế của tác phẩm.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là những tư tưởng triết học qua tác phẩm “Đạo đức kinh” của Lão Tử.

Phạm vi nghiên cứu: luận văn tập trung làm sáng tỏ các tư tưởng triết học cơ bản nhất của Lão Tử qua tác phẩm *Đạo đức kinh*, từ đó chỉ ra những đóng góp và hạn chế của tác phẩm.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

#### ***a. Cơ sở phương pháp luận***

Luận văn nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật lịch sử, tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

#### ***b. Phương pháp nghiên cứu***

Luận văn sử dụng các phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử với các nguyên tắc như: quy nạp-diễn dịch, phân tích-tổng hợp, lịch sử-cụ thể, trừu tượng hóa, khái quát hóa.

### **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục, nội dung chính của luận văn gồm 3 chương, 10 tiết.

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Tư tưởng triết học không ngừng được bổ sung và phát triển theo thời gian. Trong mỗi thời đại, chịu sự chi phối trực tiếp của bối cảnh lịch sử mà có nhiều học thuyết của các nhà triết học ra đời. Đến nay, mặc dù hoàn cảnh lịch

sử xã hội đã thay đổi nhưng có những tư tưởng triết học thời cổ đại vẫn còn nguyên giá trị về lý luận và thực tiễn.

Những tư tưởng triết học lớn của phương Đông như Nho giáo- người đi đầu là Khổng Tử, Mạnh Tử và nhiều trường phái, triết gia khác với nhiều luồng tư tưởng khác nhau, trong đó tư tưởng triết học của Lão Tử đến ngày nay vẫn còn là một vấn đề nóng cho nhiều đề tài nghiên cứu khác nhau. Có những tác phẩm xuất hiện từ thời cổ đại nhưng ngày nay, đọc lại vẫn thấy những tinh túy độc đáo mà người đời sau nhận thấy cần phải suy ngẫm vì ý nghĩa sâu xa của nó. Tác phẩm “Đạo đức kinh” thuộc loại như vậy.

Để đi đến tìm hiểu một học thuyết, xây dựng một công trình nghiên cứu khoa học nào đó thì bao giờ các nhà nghiên cứu cũng đi tìm hiểu các công trình nghiên cứu trước đó. Mặc dù có nhiều công trình nghiên cứu khác nhau nhưng do khuôn khổ của một luận văn cao học, nên chỉ có thể kể một số công trình nghiên cứu nổi bật sau đây.

Các công trình đã đi sâu nghiên cứu về nền triết học Trung Hoa cổ đại và triết học của Lão Tử như: “*Triết học phương Đông- Trung Hoa, Ấn Độ và các nước Hồi giáo*” của M.T. Stepaniants (NXB Khoa học xã hội, 2003); “*Những tư tưởng gia vĩ đại phương Đông*” của IAN. P. McGrean do Phạm Khải dịch (NXB Lao động, Hà Nội, 2005); “*Những kiệt tác của nhân loại*” của tác giả I. A. A-Bra-mốp và V. N. Đê-min (NXB Thế giới); trong đó cuốn sách đã đi sâu phân tích tư tưởng triết học của Lão Tử, tư tưởng Vô vi của ông để người đọc có cách hiểu đúng đắn trong từng trường hợp cụ thể như công trình “*Minh triết phương Đông và Triết học phương Tây*” của Francois Jullien (NXB Đà Nẵng, 2004).

Nói đến các công trình nghiên cứu về Lão Tử, về tác phẩm “Đạo đức kinh” cần phải nhắc đến hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, đây là phần không kém phần quan trọng cho sự hình thành tư tưởng triết học của Lão Tử. Đó

là: “*Đại cương triết học Trung Quốc*” của tập thể các tác giả Doãn Chính – Trương Văn Chung – Nguyễn Thế Nghĩa – Vũ Tình (NXB Chính trị quốc gia, 1999), các tác giả đã phân tích bối cảnh lịch sử Trung Hoa cổ đại, bởi vì đó là tiền đề để cho ra đời những tư tưởng chính trị, triết học của Lão Tử; và “*Đại cương Triết học sử Trung Quốc*” của Phùng Hữu Lan do Nguyễn Văn Dương dịch (NXB Thanh niên, 1999), trong công trình này tác giả đã trình bày về các giai đoạn phát triển của Đạo gia, về nhân vật Lão Tử và học thuyết của ông về tự nhiên, đạo đức con người và lý thuyết chính trị; tư tưởng triết học của Lão Tử cũng được nêu một cách tổng quát trong “*Lịch sử triết học*” do Nguyễn Hữu Vui chủ biên (NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004); trong “*Tư tưởng phương Đông – gợi những điểm nhìn tham chiếu*” của tác giả Cao Xuân Huy (NXB Văn học, 1995); “*Đại cương triết học phương Đông cổ đại*” do Doãn Chính biên soạn (NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998), qua đó các tác giả đã phân tích nội dung tư tưởng triết học của Lão Tử, chỉ ra những hạn chế cũng như sự ảnh hưởng của tác phẩm đến các nhà tư tưởng khác. Một số công trình nghiên cứu về nội dung tư tưởng của tác phẩm “Đạo đức kinh” của Lão Tử như: “*Lão Tử: tư tưởng và sách lược*”, do Trí Tuệ biên soạn (NXB Mũi Cà Mau, 2003), trong công trình nghiên cứu này tác giả trình bày lược sử Lão Tử, định nghĩa về Đạo, về Vô vi và sự tai hại của Hữu vi; trong “*Lão Tử tinh hoa*” của Thu Giang- Nguyễn Duy Cần (NXB thành phố Hồ Chí Minh) đã đề cập đến Đạo và Đức của Lão Tử, đặc biệt những tư tưởng chính trị về trị nước, về luật quân bình và phân phục; phần lớn các tác giả dịch và bình chú về tác phẩm “Đạo đức kinh” của Lão Tử như: “*Lão Tử: Đạo đức kinh*” của Nguyễn Tôn Nhan dịch và bình chú (NXB Văn học, 1999); “*Lão Tử: Đạo đức kinh*” của Thu Giang Nguyễn Duy Cần dịch và bình chú (NXB Tré, 2013); “*Lão Tử: Đạo đức kinh*” của Nguyễn Hiến Lê dịch và bình chú (NXB Văn hóa thông tin)....

Đi sâu hơn nữa về tư tưởng triết học của Lão Tử thì phải nói đến “*Triết lý trong văn hóa phương Đông*” của Nguyễn Hùng Hậu (NXB Đại học sư phạm), tác giả đã đem Vô của Lão Tử so sánh với Không trong đạo Phật, cả hai đều thâm trầm, huyền ảo; Trần Hồng Lưu, 2004, “Đạo- triết lý vô vi, tri chi trong Đạo đức kinh của Lão Tử” (*Khoa học xã hội*, số 8), đã sơ lược phân tích triết lý sống của Lão Tử và chỉ ra những nét tích cực và hạn chế của triết lý đó... Và gần đây nhất, luận văn cao học năm 2013 của Lê Thị Liệu đã góp phần làm rõ giá trị nhân sinh trong học thuyết Vô vi của Lão Tử trong “Học thuyết Vô vi của Lão Tử và vấn đề giáo dục ý thức và lối sống bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay” của mình, đây là một công trình nghiên cứu biểu hiện rõ tư tưởng triết học của Lão Tử vẫn còn giá trị không nhỏ đến thời đại ngày nay.

*Nhìn chung*, các công trình trên nghiên cứu về Lão Tử, về tác phẩm “Đạo đức kinh” của ông chủ yếu nghiên cứu về cuộc đời của Lão Tử hay về một khía cạnh nào đó trong tư tưởng triết học của ông, ít đề cập có tính hệ thống đến sự đóng góp to lớn của ông cho lịch sử triết học, cho cuộc sống của con người trong thời đại ngày nay, đặc biệt là về đời sống tinh thần của con người trong thời đại nhiều biến cố như hiện nay. Đó cũng là lý do để tôi tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này.

## CHƯƠNG 1

### LÃO TỬ VỚI TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH”

#### 1.1. LÃO TỬ VÀ HOÀN CẢNH RA ĐỜI TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH”

##### 1.1.1. Cuộc đời và sự nghiệp của Lão Tử

Trong lịch sử bất kỳ một nền tôn giáo nào cũng đều bắt nguồn từ một triết thuyết nhất định. Đạo giáo cũng không ngoại lệ, được sinh ra và phát triển ở Trung Hoa, bắt nguồn tư tưởng từ năm ngàn lời kinh điển của tác phẩm “Đạo đức kinh” của Lão Tử, cho nên tín đồ Đạo giáo gọi ông-Lão Tử là Lão Quân, là Thái Thượng Lão Quân, xưng ông là tổ sư sáng lập nên Đạo giáo, là người khởi xướng tư tưởng Đạo gia. Lão Tử được tín đồ thần thánh hóa, ông trở nên thần bí, làm cho dân chúng bình thường kính trọng nhưng không dám gần.

Lão Tử là một triết gia vĩ đại của thời Xuân Thu Chiến Quốc. Ông dùng ánh mắt độc đáo quan sát hiện tượng xã hội, quan sát sự phát triển của giới tự nhiên, tìm hiểu quy luật tự nhiên, mở rộng phạm vi suy nghĩ của con người từ nhân sinh đến vũ trụ, xây dựng nên học thuyết của mình. Học thuyết của ông có địa vị rất quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến các đời sau.

Trong dân gian, miếu thờ Khổng Tử thật đồ sộ, còn cung điện của Lão Tử thì hun hút, vơi vơi. Khổng Tử chú trọng lý luận chính trị, còn ông thì đi sâu vào tự nhiên, vũ trụ. Mọi người đều quen biết Khổng Tử, đời trước, hậu thế hoặc môn sinh đệ tử, có thể kể nhiều câu chuyện lúc sinh thời. Còn Lão Tử, một “Quân tử ẩn cư”, nhiều câu chuyện lúc sinh thời còn nấu mình trong lớp mây mù của lịch sử. Khi nói về tiểu sử của Lão Tử thì hết sức phức tạp, phức tạp đến độ có nhiều học giả nghi ngờ sự chính xác của nó và nghi ngờ luôn sự có mặt của một người tên Lão Tử. Tư liệu xưa nhất liên quan đến Lão Tử là *Sử ký Tư Mã Thiên*. Thái sử Tư Mã Thiên làm liệt truyện về Lão Tử trong sách *Sử ký* có nói rõ về Lão Tử. Thái sử Tư Mã Thiên nói Lão Tử họ Lý

tên Nhĩ, tự là Bá Dương, thụy là Đàm, quê quán ở xóm Khúc Nhân, làng Lê, huyện Khổ, nước Sở, tức thuộc về tỉnh Hồ Nam bây giờ, ông từng giữ chức văn thư ở tàng thất nhà Chu. Có người nói Lão Tử là người nước Trần, theo Sử ký Ân Chính Nghĩa thì nước Trần bị nước Sở diệt mà huyện Khổ thuộc về nước Trần. Lúc Lão Tử sinh ra nước Trần chưa thuộc về nước Sở. Thời Xuân Thu, nước Sở diệt nước Trần, huyện Khổ mới thuộc về Sở.

Nơi sinh ra ông lúc trước, nay thuộc phía bắc sông Qua, trấn Hào Châu, An Huy. Được biết thì Lão Tử sống với ông nội. Cha đã bỏ đi nơi khác khi mẹ đang mang thai ông, về sau không còn tin tức gì nữa. Truyền thuyết kể rằng, khi một thánh nhân ra đời, thường có những điềm lành báo trước, như trước khi sinh ra Khổng Tử, mẹ của ông đã từng nằm mơ thấy một tiên nữ dắt kỳ lân đến tặng, ít lâu sau Khổng Tử được sinh ra. Và Lão Tử cũng tương tự như vậy, mẹ ông đã từng cảm thấy có ngôi sao băng trên bầu trời lồng lộng nhập vào người, bà mang thai suốt trong mười một tháng và sinh ra Lão Tử dưới gốc cây Lý ở trong sân. Do sinh khó nên không lâu sau mẹ ông qua đời. Thần thoại nói khi ông được sinh ra thì đầu tóc bạc phơ, điều đó thì không xác định được nhưng có điều lúc ông sinh ra thì cũng có mấy sợi râu mép bạc trắng. Khi nói về tên của ông - “Nhĩ” thì cũng được bắt nguồn từ một nguyên do. Lúc ra đời, ông có mấy sợi ria mép trắng, còn có đôi tai rất lớn, lớn quá khổ. Bây giờ cả cha lẫn mẹ đã không còn bên ông. Người thân duy nhất của ông là ông nội. Ông nội đã già, là người được tôn trọng nhất trong họ, nên phải đặt tên cho cháu. Ông nội ông cho rằng, người có tai to là người nhân hậu, có phúc có phần, đại phú đại quý. Và trong trời đất có nhiều thứ có thể lấy để đặt tên, nhưng không thứ gì bao quát được đôi tai to của ông. Một điều khác, khi mẹ ông sinh ông ra dưới gốc cây lý, tổ tông họ Lý đã vun trồng nó từ mấy đời. Hàng trăm năm nay, trái đu xuân, hạ, thu, đông, dãi dầu mưa nắng, cây lý đã chứng kiến bao cảnh tượng tang thương của người đời. Cho



nên ông nội ông coi ông là báu vật mà trời xanh đã ban tặng, cho nên ông được đặt tên là Lý Nhĩ, tự Đam. Đam có nghĩa là tai to.

Về năm sinh, năm mất chỉ biết mơ hồ Lão Tử sống cùng thời với Khổng Tử, *Sử ký của Tư Mã Thiên* nói Lão Tử có khuyên răn Khổng Tử khi Khổng Tử đến để học hỏi về lễ nhà Chu, Lão Tử nói: “Những người ông nói đều tan xương nát thịt cả rồi, chỉ còn lời nói của họ thôi. Và lại, người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghênh ngang; không gặp thời thì như cò bông xoay chuyển. Tôi nghe nói: “Người buôn giỏi thì biết giấu của báu, khiến người ta thấy dường như không có, những người quân tử có đức tốt thì diện mạo dường như ngu si”. Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng cái lòng ham muốn nhiều, cái vẻ hăm hờ cùng cái chí tham lam đi. Những cái ấy đều không có ích gì cho ông. Tôi chỉ bảo ông có thể thôi”. [41, tr. 299]

Khổng Tử đi ra, bảo học trò: “Con chim ta biết nó bay; con cá ta biết nó lội; con thú ta biết nó chạy. Đối với loài chạy thì ta có thể dùng lưới để săn; đối với loài lội thì ta có thể dùng câu để bắt; đối với loài bay thì ta có thể dùng tên để bắn; đến như con rồng cưỡi mây cưỡi gió lên trời, ta không sao biết được! Hôm nay gặp Lão Tử, ông ta có lẽ là con rồng chăng?” [41, tr. 299]

Khổng Tử hết lòng vì cứu thiên hạ, đã du thuyết chư hầu, nhưng tiếc là đã không có kết quả. Chu lễ đã hết cách cứu vãn. Khổng Tử yêu cầu các nước chư hầu trị thiên hạ bằng nhân nghĩa, nhưng đã không được tin dùng. Ngược lại, thiên hạ ngày một hỗn loạn, nhân tâm ly tán, dân phong suy thoái.

Qua việc Khổng Tử như vậy, Lão Tử đã nhìn lại mình cũng thấy xót xa. Lũ thống trị thì hư bại, ngu xuẩn, dâm loạn; Chu vương triều ngày một suy vi, đại quyền rơi vào tay kẻ khác, lê dân thiên hạ gặp nạn, sinh linh khốn khổ, lầm than. Từng việc trong quá khứ cứ thể hiện ra trước mắt, khiến ông vô cùng thất vọng. Ông đã thu xếp qua loa mấy việc trong nhà rồi quyết tâm ra đi. Ông ngồi trên lưng một con bò rồi đi về hướng tây, rời xa quê hương khôn

khô, nơi từng có bao việc thị phi.

Trong Sử Ký Tư Mã Thiên từng ghi về Lão Tử: “Tu đạo đức, học hành mà chẳng thấy có lợi lộc gì. Lâu ngày sống với triều Chu, thấy Chu ngày một suy yếu, đã đi đến quan”. [41, tr. 300] tức là Hàm Cốc quan, nay thuộc phía nam huyện Linh Bảo, Hà Nam. Sau khi tới quan, ông tới thăm người bạn cũ, quan lệnh doãn Hi, thông báo rằng, ông muốn vào ẩn cư ở Tần. “Quan lệnh doãn Hi” tức là quan lệnh họ Doãn tên Hi, đó là người bạn tri giao của Lão Tử. Quan lệnh là quan lại giữ cửa quan; lệnh doãn là tên gọi một chức quan ở Sở; địa vị ngang như tể tướng.

Lão Tử trau dồi đạo đức, học thuyết của ông cốt ở chỗ giấu mình, kín tiếng. Sau bao nhiêu năm xa cách, khi gặp lại Doãn Hi. Ông và Doãn Hi lại bàn đến quan điểm học thuật. Nhân lúc trò chuyện với Doãn Hi, Lão Tử nói dự định của mình là sẽ quy ẩn, nhưng vì Doãn Hi cứ khuyên nhủ ông viết lại những quan điểm học thuật của mình, Doãn Hi nói rằng: “Ông sắp đi ẩn rồi, hãy vì ta mà làm sách” [41, tr. 300]. Nên ông đã gắng công trong mấy tháng viết được năm ngàn lời, chia thành hai quyển thượng và hạ. Mở đầu quyển thượng nói về “Đạo”, ông viết:

“Đạo khả đạo, phi thường Đạo;

Danh khả danh, phi thường Danh.

*Nghĩa là, Đạo mà nói được không phải là đạo thường; danh mà gọi được không phải là danh “thường”*. [6, tr. 37-38]

Mở đầu quyển hạ, ông nói về “Đức”, ông viết:

“Thượng đức bất đức,

Thị dĩ hữu đức;

Hạ đức bất thất đức,

Thị dĩ vô đức.

*Nghĩa là, Đức mà cao là không có đức, bởi vậy mới có đức; Đức mà thấp là không mất đức; nên không có đức”* [6, tr. 189-191]. Đức cao không phải là những đức tính bình thường (đã mất), nên vẫn có đức và là đức gần với đạo; còn đức thấp thì không mất, nhưng không phải là đức của đạo, nên bảo là không có đức. Tất cả hợp thành “Đạo đức kinh”.

Sau khi viết xong, ông từ biệt quan Doãn Hi, rồi đi, chẳng ai biết chết ở đâu.

Cuốn *Liệt truyện* của Lão Tử, Tư Mã Thiên còn nói thêm rằng, có người cho rằng Lão Tử là Lão Lai Tử, đồng thời với Khổng Tử. Đại khái Lão Tử sống hơn một trăm sáu mươi tuổi, có người nói ông hơn hai trăm tuổi, vì ông tu đạo để kéo dài tuổi thọ [41, tr. 300].

### **1.1.2. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm “Đạo Đức Kinh”.**

Tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh xã hội có nhiều biến đổi lớn.

*Một là, về tình hình chính trị*

Năm 770 trước công nguyên (trCN), Chu Bình Vương dời đô sang Lạc Ấp ở phía đông, giai đoạn Đông Chu bắt đầu. Đến năm 256 trCN, Chu bị nước Tần thôn tính, nhà Chu diệt vong.

Giai đoạn Đông Chu tương đương với hai thời Xuân Thu và Chiến Quốc. Niên đại của sách Xuân Thu bắt đầu từ năm 722 trCN và kết thúc năm 481 trCN. Do đó thời Xuân Thu cũng tính theo niên đại ấy. Còn thời Chiến Quốc có thể lấy năm 403 trCN tức là năm ba nước Triệu, Ngụy, Hàn được nhà Chu công nhận là chư hầu làm mốc mở đầu và kéo dài đến năm 221 trCN là năm nước Tần thống nhất Trung Quốc.

Thời Xuân Thu – Chiến Quốc là thời nhà Chu ngày càng suy yếu, trái lại một số nước chư hầu ngày càng lớn mạnh, do đó giữa các nước chư hầu đã diễn ra những cuộc chiến tranh để giành quyền bá chủ, thống nhất Trung Quốc.

Thời Xuân Thu, sau khi Bình Vương dời đô sang Lạc Ấp không lâu, trong cung đình đã xảy ra việc cha con tranh nhau ngôi vua làm cho thế lực nhà Chu ngày càng thêm yếu. Mặt khác, do uy thế chính trị của nhà Chu bị giảm sút, nhiều nước chư hầu không chịu triều cống cho vua Chu nữa. Bị suy yếu về chính trị và gặp nhiều khó khăn về kinh tế như vậy, nên về danh nghĩa tuy vẫn là vua chung của cả nước, nhưng thực tế thì không đủ sức để điều khiển các nước chư hầu nữa. Nhân thế lực của nhà Chu suy yếu, một số nước chư hầu không tuân theo mệnh lệnh của Thiên tử mà còn xâm phạm lãnh địa của nhà Chu. Hơn nữa, họ còn muốn “khống chế Thiên tử để chỉ huy các nước chư hầu”. Do vậy, từ thế kỷ VII đến đầu thế kỷ V trCN, trên vũ đài chính trị Trung Quốc đã diễn ra tấn tuồng các nước đánh nhau để tranh quyền bá chủ.

Đến thế kỷ IV trCN, những cuộc chiến tranh đê thôn tính lẫn nhau giữa các nước ở Trung Quốc lại bùng lên với mức độ ngày càng ác liệt. Chính vì thế, thời kỳ này gọi là thời Chiến Quốc. Hệ quả xã hội của xu hướng này thật tàn khốc. Những cuộc nội chiến kéo dài diễn ra. Thời Xuân thu có hơn 438 cuộc chiến phạt lẫn nhau giữa các thế lực chính trị, đó được coi là thời kỳ là “ngũ bá đồ vương” sang thời Chiến quốc có “thất bá tranh hùng”. Những cuộc chiến tranh như vậy đã làm đảo lộn các thiết chế, nghi lễ truyền thống nhà Chu; làm cho xã hội ở tình trạng loạn lạc, phá hoại sức sản xuất ghê ghớm. Đương thời, Khổng Tử đã than rằng: “Vua không ra đạo vua, bề tôi không làm đúng đạo bề tôi, cha chẳng ra đạo cha, con chẳng làm đúng đạo làm con”. Còn Mạnh Tử thì nhận xét: “Đánh nhau tranh thành thì giết người thây chất đầy thành; đánh nhau giành đất thì giết người thây chất đầy đồng”. Như Hồ Thích đã miêu tả tình hình chính trị hồi đó bằng những hiện trạng sau: Chiến tranh lâu quá, khiến cho dân chúng chết hại, phiêu bạt, đau khổ, không chịu nổi.

*Hai là, về tình hình kinh tế- xã hội*

Thời kỳ này kinh tế có sự phát triển hơn trước rất nhiều, tiến bộ mới quan trọng nhất trong lĩnh vực kinh tế thời kỳ này là sự ra đời của đồ sắt. Các nhà khảo cổ học đã phát hiện được một số đồ sắt cuối thời Xuân Thu ngày xưa thuộc đất nước Sở. Đến thời Chiến Quốc, đồ sắt càng được sử dụng một cách phổ biến. Nhiều loại công cụ bằng sắt như lưỡi cày, lưỡi cuốc, xẻng, liềm, búa và một số khuôn đúc sắt thuộc thời kỳ này đã được phát hiện. Đồng thời với việc sử dụng đồ sắt, đến thời Xuân Thu, người Trung Quốc đã biết dùng sức vật làm sức kéo. Vấn đề thủy lợi thời kỳ này cũng được coi trọng. Đến thời Chiến Quốc, các công trình thủy lợi lớn lại càng nhiều hơn.

Ngành công nghiệp đến thời Xuân Thu cũng phát triển hơn trước. Trong các nghề thủ công truyền thống, nghề đúc đồng thau có nhiều cải tiến rõ rệt. Nhờ có công cụ bằng sắt, nghề mộc cũng tiến bộ rất nhiều. Đến thời Chiến Quốc, các nghề thủ công lại càng có những bước tiến mới.

Nền thủ công nghiệp tư doanh đến thời Xuân Thu – Chiến Quốc cũng phát triển. Hoạt động thương nghiệp đến thời Xuân Thu cũng khá sôi nổi. Việc lưu thông hàng hóa mở rộng làm cho tiền tệ ngày càng phát triển.

Cùng với sự phát triển của công thương nghiệp, nhiều thành phố vốn là nhưng đô thị trung tâm chính trị đã trở nên phồn hoa đông đúc.

Trong giai đoạn trước đây, toàn bộ ruộng đất ở Trung Quốc đều thuộc quyền sở hữu của nhà nước, nhưng bắt đầu từ thời Xuân Thu, chế độ ruộng đất của nhà nước dần dần tan rã, ruộng tư xuất hiện ngày một nhiều.

Do công cụ sản xuất tiến bộ và số dân lao động tăng lên, người ta có khả năng khai khẩn thêm nhiều đất hoang. Vì vậy, một số nông dân đã khai phá thêm được một ít ruộng đất ngoài phần đất được chia, do đó sự chênh lệch về tài sản trong hàng ngũ nông dân cũng ngày càng rõ rệt. Đồng thời xuất hiện hiện tượng mua bán ruộng đất, cho nên chế độ ruộng tư phát triển nhanh chóng.

Đến thời Chiến Quốc, chế độ ruộng tư càng phát triển mạnh mẽ, chế độ Tỉnh điền đang đi đến chỗ tan rã hoàn toàn. Trong hoàn cảnh ấy, ruộng đất ngày càng tập trung vào tay các địa chủ lớn, nông dân nhiều người bị mất ruộng đất.

Sự phát triển của các ngành kinh tế và thay đổi về quyền sở hữu ruộng đất làm cho cơ cấu giai cấp trong xã hội cũng thay đổi. Sự xuất hiện chế độ ruộng tư đã dẫn đến sự phân hóa trong giai cấp thống trị. Giai cấp nô lệ cũng ít nhiều thay đổi. Nguồn nô lệ vẫn là tù binh, những người phạm tội và những người phá sản phải bán vợ con hoặc bản thân làm nô lệ. Nói chung, nô lệ vẫn bị áp bức bóc lột tàn khốc như trước.

*Tóm lại*, thời Xuân Thu – Chiến Quốc là thời kỳ chế độ lãnh địa thái ấp dựa trên sự bóc lột công thuế của nông dân công xã dần dần tan rã, trong khi đó quan hệ địa chủ tá điền xuất hiện và ngày càng có vai trò quan trọng. Xã hội Trung Quốc đang chuyển sang hình thức bóc lột mới: chế độ phong kiến hình thành.

*Ba là, về tư tưởng*

Khoảng giữa đời Xuân Thu thì sắt được phát hiện, do đó sức sản xuất dần dần phát triển mạnh mẽ. Nhờ sự phát triển của thương nghiệp, đã có những phú thương đi lại giữa các nước. Tiền tệ đúc ra ngày càng nhiều. Chế độ sở hữu ruộng đất chuyển dần sang giai đoạn tư hữu. Thị tộc bắt đầu tan rã. Việc học tập từ chỗ là độc quyền của quan lại quý tộc được nới rộng đến cả thứ dân, nên trường tư mở ra, gọi là giai đoạn “học hạ tư nhân” (việc học xuống đến tư nhân). Trong bọn quý tộc phá sản, có những kẻ trước kia làm quan chức văn hóa thì nay phải đi dạy học để mưu sinh. Những người ấy gọi là “tấn thân tiên sinh”, sau đó gọi là “nho”. Tấn thân tiên sinh là những con người chuyển tiếp từ quan học đến tư học, mà cũng là những con người bảo tồn văn hóa Tây Chu ở đời Xuân Thu.

Lúc bấy giờ tư tưởng chi phối của nhà Tây Chu đã trở nên hình thức và giáo điều. Chẳng hạn, ở đời Tây Chu, “Lễ” là điển chương thần thánh, là công

cụ thống trị của quý tộc thị tộc; “Thi” là huyết mạch tư tưởng của giai cấp thống trị. Thế mà đến thời Xuân Thu thì “Lễ” đã trở thành nghi thức giao tế của quý tộc hay đã trở thành nghi tiết của các việc quan, hôn, tang, tế; “Thi” thì đã trở thành những lời thù tạc trong trường giao tế của quý tộc hay đã trở thành từ lệnh bang giao giữa các nước.

Do những sự thay đổi kinh tế và phân hóa giai cấp và do cái tư tưởng bi kịch của “biến phong” và “biến nhã” ở cuối đời Tây Chu, cho nên ta thấy, mầm mống tư tưởng duy vật chủ nghĩa xuất hiện từ đời Xuân Thu là việc đương nhiên. Tác phẩm đầu tiên nói về thuyết “ngũ hành” ở đời Xuân Thu là sách Tả truyện và sách Quốc ngữ (Thiên Hồng phạm của Kinh thư cũng có nói đến “ngũ hành”, nhưng Hồng phạm là một tác phẩm của đời Chiến Quốc). Ngũ hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, năm nguyên tố tạo thành vạn vật. Và trong một số sách khác cùng thời cũng có nói đến “ngũ hành”. Ngoài ra còn có nhiều nhân vật tuy không dùng chữ “ngũ hành”, nhưng cũng có quan niệm tương tự với thuyết “ngũ hành”.

Theo sau thuyết “ngũ hành”, đời Xuân Thu cũng đã sản sinh ra tư tưởng vô thần, phủ định thiên mệnh, phủ định quý thần. Tuy nhiên, tư tưởng duy vật chủ nghĩa ở đời Xuân Thu đang còn trong tình trạng lẻ tẻ, rời rạc, chưa thành hệ thống, và đang trà trộn với những hình thức tôn giáo, nó chưa dám phủ định Thượng đế một cách công khai, chưa dám ra mặt phản đối chữ “Lễ”.

Đến cuối đời Xuân Thu, đầu đời Chiến Quốc, “tư học” mới trở thành một hiện tượng phổ biến. Khổng Tử và Mặc Tử là hai vị đại sư xuất hiện ở giai đoạn này. Khổng Tử không hoàn toàn bảo tồn hình thức nhà Chu, như bọn “Tấn thân tiên sinh” (nhà Nho nguyên thủy), mà lại phê phán hình thức Lễ, Nhạc, và cường điệu nội dung của Lễ, Nhạc. Khổng Tử vẫn dựa vào toàn bộ hình thức Thi, Thư, Lễ, Nhạc của nhà Tây Chu mà theo đuổi cái mục đích cải lương tôn giáo cổ đại.

Mặc Tử thì dựa vào Thi, Thư mà phân đối Lễ, Nhạc, cho rằng Lễ là phiền nhiễu, hậu táng là hại của và thương sinh; cho rằng Nhạc làm hao mòn khí lực của con người và có hại cho sinh nghiệp. Tư tưởng xã hội của Mặc Tử hướng về quần chúng nhân dân, nông, công, thương .

Đời Chiến Quốc, sự phân công càng ngày càng trở thành phát đạt, giai cấp quốc dân mỗi ngày một lớn lên (giai cấp quốc dân tức là dân tự do, tức là quốc nhân. Giai cấp quốc dân ở Trung Quốc không được đầy đủ, điển hình như ở Hy Lạp) và chế độ tư hữu ruộng đất cũng không hoàn toàn chiến thắng. Đấu tranh giai cấp tiến lên một bước và quyết định sự hình thành cái học “chư tử”, “bách gia”. Sự phân hóa ý thức ấy phản ánh sự phân tán đất đai, phản ánh cái quá trình chuyển hóa từ chế độ quốc hữu thị tộc đến chế độ tư hữu đa nguyên địa vực hóa, và sự phát đạt của công nghiệp, thương nghiệp. Ở các nước thời Chiến Quốc, chế độ chính trị không còn là sự chuyên chính của thị tộc như thời Tây Chu nữa, mà đã trở nên tương đối dân chủ, có phần nào giống với chế độ dân chủ ở Hy Lạp cổ. Do sự cạnh tranh về kinh tế, chính trị, quân sự, v.v..., các nước đua nhau trọng dụng những kẻ sĩ (xuất thân bình dân) có tri thức chuyên môn. Cái phong khí “Lễ hiền hạ sĩ” được gây nên từ đó. Địa vị của các nhà tri thức chuyên môn trở nên rất cao và họ được tự do nghị luận chính sự.

Phong khí tự do học thuật của thời đại này được đẩy lên cao. Những hình thức “chiêu hiền đãi sĩ” rộng rãi làm cho kẻ sĩ càng được trọng dụng, có thể tự do đi từ nơi này đến nơi khác làm du thuyết, không phải bó buộc luôn cúi một vị nhân chủ nào. Các kẻ sĩ văn học du thuyết không làm chính sự mà chỉ nghị luận, vì vậy ở Tắc Hạ nước Tề, học sĩ lại thịnh lên.

Ở Tắc Hạ, các học phái dù to, dù nhỏ, dù mới, dù cũ, đều có đại biểu tham gia vào cuộc nghị luận. Cho nên người ta dùng những chữ “Chư tử”, “Bách gia” để chỉ toàn bộ các học phái ở đời Chiến Quốc.



Chính trong hoàn cảnh đó đã nảy sinh những nhà tư tưởng lớn, hình thành nên những hệ thống triết học khá hoàn chỉnh như: Nho gia, Mặc gia, Âm dương gia, Danh gia, Pháp gia, Nông gia, Đạo gia.

Đạo gia là do Lão Tử khai sáng. Lão Tử là người đời Xuân Thu nhưng sách Lão Tử thì đến thời Chiến Quốc mới xuất hiện. Lão Tử là một trong những nhà triết học vĩ đại nhất của Trung Quốc, có một hệ thống triết học tự nhiên cũng thâm thúy như các hệ thống của Ấn Độ và Hy Lạp.

Lão Tử là nhà triết học lớn với tác phẩm “Đạo đức kinh”. Ông là người sáng lập ra trường phái triết học Đạo gia, một trong ba trường phái triết học lớn thời Xuân Thu. Ông đã đúc kết nhiều tư tưởng phổ biến từ thời nhà Chu như vũ trụ luận về thiên địa, ngũ hành, chân khí, thuyết âm dương và Kinh Dịch, ông đã học thuyết hóa những tư tưởng triết lý của truyền thống văn hóa phương Nam. Triết lý của ông có ảnh hưởng rất lớn đến xã hội đương thời và sau này được các học trò của ông phát triển lên. Trong lĩnh vực nhận thức, phát triển tư tưởng biện chứng của Lão Tử, Trang Tử đã tuyệt đối hóa sự vận động, xóa nhòa mọi ranh giới giữa con người với tự nhiên, giữa phải với trái, giữa tồn tại và hư vô. Đến cuối thời Đông Hán, tư tưởng của Lão Tử cộng với chất duy tâm mà Trang Tử đưa vào đã trở thành cơ sở cho việc thần bí hóa Đạo gia thành Đạo giáo.

## **1.2. TỔNG QUAN VỀ TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH”.**

Tác phẩm “Đạo đức kinh” của Lão Tử dài khoảng năm nghìn chữ, vốn được phân làm hai thiên khác nhau là thiên Thượng và thiên Hạ. Thiên Thượng thường được gọi là “Đạo kinh” (từ Chương 1 đến Chương 37), thiên Hạ là “Đức kinh” (từ Chương 38 đến Chương 81) hợp lại thành “Đạo đức kinh”. Về sau, toàn bộ sách được hợp lại thành 81 chương, và là trở thành sách “Lão Tử” mà chúng ta thấy ngày nay.

Khái niệm Đạo và Đức mà đã được phân chia ở trên thì thực ra nó không dễ dàng tách biệt ra như vậy được, vì ở Chương 2, Lão Tử đã báo trước là

trong ngôn ngữ tương đối, nói về cái này là tức khắc nảy sinh ra khái niệm tương phản với cái khác y như viết phần trắng trên bảng đen: bảng càng đen thì chữ càng trắng, như ở chương 51, Lão Tử cũng đã nói:

“Đạo sinh chi

Đức súc chi

*Nghĩa là, Đạo sinh ra, Đức nuôi nấng*”. [37, tr. 179]

Quả thực, có sinh mà không nuôi thì làm sao sống được. Tuy nhiên, xét về mặt khái niệm thì cái nào vẫn ra cái đó. Đạo có trước, Đức thì theo Đạo.

*Đạo đức kinh* là một quyển sách nhỏ, nhưng nổi tiếng là khó hiểu xưa nay. Mỗi người bình giải một cách, Tây có, Tàu có, Việt có, không biết cơ man nào là người bình, mà bức màn bí mật nhiều khi vẫn còn nguyên vẹn.

Như trên đã nói, *Đạo Đức Kinh* gồm 81 chương, tất cả gồm khoảng 5.000 chữ, nhưng chỉ có khoảng 50 chương độ 3.000 chữ là quan trọng, còn những chương kia hoặc lặp lại, hoặc diễn thêm ý trong các chương trước, không có gì đặc sắc. Các chương lại sắp đặt rất lộn xộn, tuy nhiên học thuyết của Lão Tử vẫn được coi là một triết thuyết hoàn chỉnh nhất, có hệ thống nhất thời Tiên Tần do mức độ trừu tượng và thâm sâu của nó. Hoàn chỉnh nhất vì chỉ Lão Tử mới trình bày rõ ràng một vũ trụ quan làm cơ sở cho một nhân sinh quan và một chính trị quan mới mẻ, ba phần đó quan trọng ngang nhau; có hệ thống nhất vì phân nhân sinh quan và chính trị quan chỉ là tự nhiên qui kết của phần vũ trụ quan; tư tưởng gắn bó với nhau một cách mật thiết tới nỗi trong một chương dù rất ngắn, câu trên hay đoạn trên nói về vũ trụ quan thì câu dưới hay đoạn dưới nói ngay về nhân sinh quan hay chính trị quan; mà rất nhiều chương nói về nhân sinh quan tức cũng là nói về chính trị, hay ngược lại, không thể tách được đâu là chính trị, đâu là nhân sinh, đâu là đạo của nhà cầm quyền, đâu là đạo của dân, cả hai đều phải thuận tự nhiên, đều là những áp dụng của phần vũ trụ quan cả.

Triết học của Lão Tử trình bày trong “Đạo đức kinh” bao gồm ba nội dung triết học lớn, căn bản:

*Thứ nhất:* Học thuyết về Đạo.

Đạo của Lão Tử là gì? Nó có khác gì với “thiên đạo”, “nhân đạo” hay “đại đạo” vốn được đề cập rất nhiều trong Kinh thi, Thượng thư, trong những văn bản cổ ra đời trước thời Lão Tử? “Đạo” nói trên là “con đường”. “Đạo” của Lão Tử được coi là một phạm trù triết học quan trọng nhất trong hệ thống tư tưởng triết học của ông. Đạo của Lão Tử được thể hiện ở ba phương diện:

*Một là,* phương diện thể. Phương diện thể không tương đồng với phạm trù bản thể của các triết gia Hy Lạp cùng thời với ông như nước của Thales, lửa của Heraclit,...vốn được coi là bản thể của vạn vật. Nó là cái “tổng nguyên thể” chi phối sự hình thành và biến thiên của trời đất, là cái cực diệu cực huyền để vạn vật noi theo, là thực thể không xác định rõ ràng, nó mờ mờ ảo ảo nhưng lại có hình tượng. Nó mờ mờ ảo ảo nhưng lại có vật thực.

Có nhiều thuật ngữ được dùng để diễn đạt như đạo huyền, đạo thường, đại đạo,...nhưng hết thảy đều đồng nhất với Đạo dù chúng chỉ những hình thức khác nhau của “từng đạo”. Đó là tính khách quan, thuần phác của Đạo. Nó là tự nhiên thuần phác như thế không bị nhào nặn, gọt dũa bởi bất kỳ ai và hoàn toàn độc lập với ý thức chủ quan, ước vọng của con người, không có mục đích cũng không có dục vọng. Đạo sinh ra vạn vật nhưng không cho vạn vật là của mình.

*Hai là,* về phương diện tướng. Có nhiều từ ngữ, hình ảnh vẽ lên chân dung và trạng thái của Đạo. Đạo là cơ sở đầu tiên của vạn vật, thực thể của khối hỗn độn, ngoài tính khách quan, tự nhiên, chất phác, trống rỗng và huyền diệu thì không có tính quy định nào. Nó là cái tồn tại tuyệt đối thấp thoáng, sâu kín, mập mờ..., là thể thống nhất hòa hợp không thể phân chia giữa sáng – tối, hư – vô, nhìn không thấy, nghe không thấy, nắm không được, đón

không thấy đầu mà theo không thấy cuối, ở trên không sáng tỏ, ở dưới không mờ tối. Đạo không bao giờ mất, tồn tại vĩnh viễn, hiện diện khắp nơi, không diễn tả được bằng lời, không gọi được bằng tên thường.

*Ba là, về phương diện dụng, đó là công dụng, là năng lượng. Đó là trạng thái vận động, là sự tuần hoàn của vũ trụ.*

*Thứ hai: tư tưởng về phép biện chứng.*

Theo Lão Tử thì do sự chi phối của Đạo cho nên vũ trụ luôn luôn và không ngừng biến hóa – vận động: có cái tiến lên, có cái lùi lại, có cái lớn lên, có cái bé đi, có vật đang hình thành, có vật đang mất đi.

*Thứ ba: học thuyết “vô vi”*

Quan điểm chủ đạo của “Đạo đức kinh” là Vô vi. Theo Lão Tử, người ta thường vì muốn làm cho đời trị mà thành ra làm cho đời loạn và càng muốn trị bao nhiêu ta càng làm cho đời loạn bấy nhiêu, vì thế hành động hay nhất là đừng có ham can thiệp đến việc đời. “Vô vi” thường được người đời hiểu là không làm gì cả, đó là cách hiểu sai, mà theo Lão Tử là làm một cách kín đáo, đem cái tự nhiên mà giúp một cách tự nhiên, không tư tâm, không vị kỷ, bậc thánh nhân trị nước mà dùng đến “vô vi” dân không hay là mình bị trị.

Trong phép xử thế, Lão Tử khuyên con người luôn luôn giữ phận thấp kém, trên đường đời sở dĩ thường xảy ra những cảnh tranh giành xâu xé, thù oán chông chất chỉ vì người người thì muốn đua khôn cạy khéo, ăn trên ngồi trước, chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ đến người, như nếu ta mạnh mà biết giữ phần yếu, khôn mà biết giữ phần dại, sáng mà biết giữ phần ngu, vinh mà biết giữ phần nhục thì thiên hạ làm gì có loạn.

Trong quan niệm của Lão Tử, kẻ hiểu và theo đạo giống như nước, tính của nước là yếu mềm, gặp chỗ trống, thiếu thì chảy vào, gặp chỗ đầy, dư thì chảy ra, lánh cao mà tìm thấp, ngày đêm chảy mãi không ngừng, bị cản thì dừng, mở đường thì chạy, ống thẳng bầu tròn chẳng hề kháng cự nhưng không

mắt bản chất bao giờ. Dưới trời yếu mềm không gì hơn nước và đánh đổ cứng mạnh cũng không gì hơn nước. Nói về nguồn gốc của tất cả mọi tai họa của con người Lão Tử cho rằng, đó là do lòng ích kỷ, con người sở dĩ có nhiều lo lắng, đau thương là vì quá lo nghĩ đến mình, quá yêu cái tiểu ngã của mình. Đạo trời thì bớt chỗ thừa bù chỗ thiếu, con người lại bớt chỗ thiếu bù chỗ dư đã gây ra không biết bao nhiêu là điều bất công, bất chính. Vì vậy khuyên con người ta một chữ “từ”, là lòng yêu thương con người bất luận là người thiện kẻ ác, lấy oán báo oán là việc thường tình nhưng lấy đức báo oán, tha thứ và yêu thương kẻ đã làm hại ta là bậc đại dũng trên đời. Lấy “từ” mà tranh đấu là thắng, lấy “từ” mà cố thủ thì vững, trời mà muốn cứu ai lấy “từ” mà giúp đó.

“Vô vi” không phải là không làm gì cả mà đó là “sự làm” ưu việt nhất. Với thuyết “vô vi”, Lão Tử đã đề cập khá sâu về đạo đức nhân sinh và chính trị xã hội. Lão Tử đã nâng vô vi thành học thuyết về nghệ thuật sống của con người trong sự hòa điệu với vũ trụ.

*Có thể tóm tắt nội dung cơ bản của tác phẩm ở những nét chính sau đây:* Trước hết, về mặt *bản thể luận*, Lão Tử coi đạo là nguyên lý chi phối sự vận hành của vạn vật. Đạo được xét trên ba mặt: *thể, tướng và dụng*. *Thể của đạo là nguồn gốc tối cao sinh thành ra thế giới, là tính tự nhiên, mộc mạc, thuần phác*. Ông viết: “Nhân địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên” (Đạo đức kinh, chương 25). Đạo sinh ra vạn vật nhưng không coi vạn vật là của mình mà lạnh lùng coi vạn vật “như loài chó rơm” (Đạo đức kinh, chương 5). Đạo là bản tính tự nhiên chứa đựng tất cả: tồn tại và không tồn tại, cái siêu hình và hữu hình. Vì thế không thể kết luận đạo của Lão Tử là duy vật hay duy tâm. Tính chất của đạo là trống rỗng và lặng yên, là: “hết sức trống rỗng cùng cực. Giữ lặng dốc một lòng. Trở về gốc rễ gọi là yên lặng..” (Đạo đức kinh, chương 16). Đạo là mẹ của vạn vật, là chủ của muôn loài. Là cái “ngón ngang rồi rít” nhưng “pha trộn vào ánh sáng”, “hoà chung vào bụi

bặm”. Đạo là cái sâu kín huyền diệu của vũ trụ, lớn vô cùng và nhỏ vô cùng, tràn lan khắp nơi không ở đâu là không có sự tồn tại của đạo.

Khi nói về mặt *tương* của đạo, Lão Tử coi đạo là một khối hỗn độn, thống nhất giữa sáng và tối, nông và sâu “nhìn không thấy, nghe không thấy, nắm không được, đón không thấy đầu mà theo không thấy cuối, ở trên không sáng tỏ, ở dưới không mờ tối”( Đạo đức kinh, chương 14). Đạo là cái không thể đặt tên vì nó biến hoá khôn lường, chỉ có thể tạm gọi là đạo vô danh. Đạo không phải là một sự vật hiện hữu cụ thể nhưng nó tồn tại ở trong tất cả mọi sự vật, không bao giờ mất đi vì nó là mẹ của muôn vật, là đầu của trời đất. Đạo là cái nguyên sơ tự nhiên, mộc mạc “Đạo thường vô danh như gỗ chưa đẽo, khi làm ra mới có danh” (Đạo đức kinh, chương 32). Lão Tử thường lấy nước để so sánh tính mềm mại, biến hoá khôn lường của đạo. Ông viết: “Trong thiên hạ không có cái gì mềm yếu hơn nước mà công phá vật rắn mạnh thì không gì hơn nó, không lấy gì thay thế được nó.”( Đạo đức kinh, chương 78). Nước mềm mại, không ganh đua và khiêm tốn nên nó có thể len lỏi khắp mọi nơi, nên có thể làm vua của các dòng nước, vì: “Nước lớn là dòng nước thấp, nơi thiên hạ họp về” (Đạo đức kinh, chương 61).

Về mặt *dụng* của đạo, đó là năng lực sản sinh, biến đổi, sáng tạo vô tận của đạo. Đạo sinh thành nuôi dưỡng vạn vật nhưng thân nhiên như không. Lão Tử viết: “Đạo thường không làm nhưng không gì không làm” (Đạo đức kinh, chương 37). Đạo là thể của đức, đức là dụng của đạo. Đạo ban đầu không có tên, đức là tên mới bắt đầu có, do đức chứa không đều mà sinh ra đối chọi, so sánh hơn thua. Cho nên: “Mất đạo rồi mới có đức, mất đức rồi nhân sinh, mất nhân rồi nghĩa sinh, mất nghĩa thì lễ sinh ra vậy” (Đạo đức kinh, chương 38). Như vậy, nhân, lễ, nghĩa, trí, tín chỉ là hình thức bề ngoài của đạo và đức. Lão Tử chủ trương quay trở lại cái gốc của vạn vật là đạo chứ không tham ngọn mà bỏ gốc. Ông đưa ra sự so sánh rất hay: “Thiên hạ có cái khởi thủy, coi như

là mẹ của thiên hạ, hễ giữ được mẹ thì được con, đã biết được con trở về giữ mẹ thì đến chết cũng không nguy” (Đạo đức kinh, chương 42).

Trong lĩnh vực *nhận thức luận*, Lão Tử quan niệm, đối tượng nhận thức *không phải là thế giới khách quan mà là đạo*. Muốn nhận thức đạo phải dựa vào thể nghiệm trực quan chứ không cần thực tiễn. Chính ở đây, càng biểu hiện sự khác thường của ông trong nhận thức không theo logic thông thường. Theo Lão Tử: “Không ra khỏi nhà mà biết đại sự của thiên hạ. Không nhìn ra cửa sổ mà biết được đạo trời. Thánh nhân càng đi xa thì biết được đạo càng ít”, nên “Thánh nhân không ra ngoài mà biết, không thấy mà gọi được tên, không làm mà nên tất cả” (Đạo đức kinh, chương 47). Ông phủ nhận quá trình nhận thức thông thường của con người. Dưới mắt Lão Tử, tri thức là điều có hại cần phải loại bỏ ngay vì: “Trí tuệ sinh thì có đại nguy” (Đạo đức kinh, chương 18). Ông tự nhận mình là mù tịt và chủ trương dứt thánh bỏ trí, “tuyệt học vô ưu” (Đạo đức kinh, chương 48), để trở về với trạng thái nguyên sơ của trời đất, mọi người đều ngây thơ thật thà như đứa trẻ con. Do quan niệm như vậy, nên Lão Tử gạt bỏ giáo dục, đào tạo vì theo ông giáo dục càng nhiều càng làm cho người ta lừa đảo nhiều hơn. Vì thế, tốt hơn hết là hãy: “bỏ hẳn cái học đi thì không lo lắng gì cả, hiện ra cái nồn nà, ôm lấy cái chất phác, ít lòng tư, bớt lòng dục” (Đạo đức kinh, chương 20).

Bằng cách nhìn biện chứng, ngay từ thời cổ đại, Lão Tử đã thấy được sự tương tác đơn giản giữa hai mặt đối lập trong cùng một sự vật. Chẳng hạn, theo ông: “Thiên hạ đều biết đẹp là đẹp nên có cái xấu, đều biết thiện là thiện nên có cái ác. Cho nên, có không cùng sinh ra nhau, khó dễ cùng làm thành nhau, dài ngắn cùng so sánh với nhau, cao thấp cùng nghiêng úp nhau, âm thanh cùng hoà trộn nhau, trước sau cùng theo nhau” (Đạo đức kinh, chương 2). Lão Tử còn thấy được sự chuyển hoá của các mặt đối lập như: “Hoạ là chỗ tựa của phúc, phúc là chỗ nấu của hoạ. Ai biết được đâu là cái cuối cùng của

phúc hoạ” (Đạo đức kinh, chương 58). Tuy nhiên, đây chỉ là sự chuyển hoá vòng quanh, không thấy được sự phát triển về chất của sự vật.[32, tr. 19-23].

Trong cách nhìn thế giới của ông cũng hết sức thú vị, năng động, khác với tầm nhìn của người bình thường. Vũ trụ tuân theo hai qui luật cơ bản, đó là luật quân bình và phản phục. Luật quân bình, làm cho vạn vật đi theo một trật tự cân bằng, điều hoà một cách tự nhiên, không có gì thái quá: “Gãy thì liền, cong thì thẳng, trống thì đầy, cũ thì mới, ít thì được, nhiều thì mất” (Đạo đức kinh, chương 22). Hay: đạo của trời bớt chỗ dư thừa bù chỗ thiếu, chỗ cao thì ép xuống thấp, chỗ thấp thì nâng lên cao, có dư thì bớt đi, không đủ thì bù vào (Đạo đức kinh, chương 42). Nếu phá vỡ luật quân bình thì vạn vật sẽ rối loạn, mất cân bằng: “Nhón gót lên thì không đứng vững. Xoạc chân ra thì không bước được. Tự xem là sáng thì không sáng” (Đạo đức kinh, chương 40).

Ngoài ra, vũ trụ còn tuân theo luật phản phục. Theo đó thì cái gì phát triển đến hết mức thì quay trở lại cái đối lập với chính bản thân nó như: “ít thì được, nhiều thì mất” hay: “Vật hễ thêm nó thì nó bớt, bớt nó thì nó thêm” (Đạo đức kinh, chương 22 và 42). Trở về với đạo tự nhiên, vô vi là trở về cái trường tồn, vĩnh viễn. Vì thế, theo Lão Tử: “Nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của động”( Đạo đức kinh, chương 26). Hãy để cho sự vật ở trạng thái tự nhiên, làm trái với đạo pháp tự nhiên tất yếu sẽ thất bại vì: “Nếu trời không trong sẽ vỡ. Đất không yên sẽ lở. Hang không đầy sẽ cạn. Vạn vật không sống sẽ dứt” (Đạo đức kinh, chương 39).

Từ luật quân bình và phản phục của tự nhiên, Lão Tử đã áp dụng vào xem xét các vấn đề xã hội, Ông coi việc con người đem áp dụng luật pháp, giáo dục, hay nhân, lễ, nghĩa ..vào cai trị xã hội là trái với tự nhiên, làm trầm trọng hơn căn bệnh của xã hội. Lão Tử, chủ trương xây dựng một xã hội: “Không xa thường đức, trở lại thời trẻ nít”( Đạo đức kinh, chương 28), vì chỉ có trẻ mới sinh mới có được đức dày. Ông viết “Thánh nhân coi trăm họ như



trẻ nhỏ” (Đạo đức kinh, chương 49). Thánh nhân “không làm cho dân sáng, mà làm cho dân ngu” (Đạo đức kinh, chương 65). Phùng Hữu Lan giải thích ngu ở đây được hiểu là sự giản dị ở dạng nguyên sơ. Với Lão Tử ngu không phải là khuyết điểm mà còn là một đức lớn [26, tr.115]. Thánh nhân không chỉ muốn dân ngu mà còn muốn mình ngu nhiều hơn thế. Lão Tử tự nhận: “Riêng ta là mù tịt” (Đạo đức kinh, chương 20). Theo Lão Tử, pháp luật càng tăng thì trộm cắp càng lắm, quân đội càng mạnh thì càng mau bị tiêu diệt. Ông kịch liệt phản đối việc dùng pháp luật hay đạo đức vào cai trị xã hội, vì: “Nước nào chính sự mờ mờ thì dân thuần phục. Nước nào chính sự rành rọt thì dân lao đao” (Đạo đức kinh, chương 57). Và: “Đạo lớn mất mới có nhân nghĩa. Trí tuệ sinh mới có đối trá..quốc gia hỗn loạn mới có bề tôi trung” (Đạo đức kinh, chương 18). Khác hẳn với chủ trương *hữu vi* của Nho gia và Pháp gia hay Mặc gia, để cai trị xã hội, Lão Tử đưa ra đường lối cai trị đất nước, dường như là không tương, đó là đạo *vô vi*: “Ta vô vi mà dân tự hoá. Ta vô tình mà dân tự chính. Ta vô sự mà dân tự giàu. Ta vô dục mà dân chất phác” (Đạo đức kinh, chương 57). Để xã hội được yên bình, Lão Tử chủ trương gạt bỏ đạo đức, pháp luật, giáo dục, kỹ thuật, tức những cái mà ông cho là trái với tự nhiên, do: “dân nhiều khí giới thì nhà nước càng loạn, người nhiều tài khéo vật xáo càng thêm, pháp lệnh càng tăng trộm cắp càng nhiều” (Đạo đức kinh, chương 57). Và cần phải: “dứt thánh bỏ trí, dân lợi gấp trăm, dứt nhân bỏ nghĩa, dân quay về lòng hiếu thảo và từ ái, dứt kỹ xảo bỏ lợi, trộm cắp không còn” (Đạo đức kinh, chương 19). Chiến tranh chỉ gây ra tàn phá, chết chóc, do “ở đâu có quân lính đóng thì ở đó gai góc sinh sôi. Sau trận chiến lớn ắt có năm mất mùa” (Đạo đức kinh, chương 30).

Với triết lý vô vi, Lão Tử mơ ước đưa xã hội trở về trạng thái: “Nước nhỏ dân ít. Dù có khí cụ gấp trăm gấp chục sức người cũng không dùng đến. Ai nấy đều coi sự chết là hệ trọng nên không đi đâu xa. Có xe thuyền mà

không ai ngồi. Có gương giáo mà không bao giờ dùng. Bỏ văn tự, bắt người ta trở lại dùng lối thắt dây ghi dấu thời thượng cổ. Ai nấy đều chăm chú vào việc ăn no, mặc ấm, ở yên, vui với phong tục của mình. ở nước này có thể nghe thấy tiếng gà gáy chó sủa ở nước kia, nhân dân trong những nước ấy đến già chết mà không qua lại lẫn nhau”( Đạo đức kinh, chương 80). Đó là một xã hội không còn trộm cắp, đêm đêm nhà nhà không cần đóng cửa, thấy của rơi ngoài đường không ai thềm nhặt, mọi người đều ngây thơ thật thà như trẻ con. Lão Tử cho rằng: “Cái hay của thánh nhân trong việc thi hành đạo là ở chỗ không phải làm cho dân phát triển về trí khôn mà phải làm sao cho dân trở thành tự nhiên thuần phác” (Đạo đức kinh, chương 65).

Trong quan niệm về con người, Lão Tử đưa ra *triết lý tri túc (biết đủ)* và *tri chi (biết ngừng)*. Theo ông, đó là triết lý làm cho con người có thể sống hạnh phúc, không so sánh, không lo nghĩ, làm cho tâm hồn con người luôn cảm thấy cân bằng, an toàn, phẳng lặng tuyệt đối. Theo ông: “Hoạ không lớn gì bằng không biết đủ. Lỗi không lớn gì bằng muốn cho được. Cho nên đủ mà biết đủ thì thường không thấy đủ” và “Biết đủ thì không nhục, biết ngừng thì không nguy mà có thể trường cửu” (Đạo đức kinh, chương 44). Để đạt đến trạng thái tự nhiên như nhiên đó con người kết cục cần phải biết đạo, vì: “Biết đạo thường gọi là sáng. Không biết đạo thường, làm càn làm điều giữ. Biết đạo thì khoan dung, khoan dung thì công bình. Công bình thì chu toàn. Chu toàn thì rộng lớn. Rộng lớn là trời là đạo, cùng với đạo thì lâu dài, suốt đời không hư” (Đạo đức kinh, chương 16). Cũng theo Lão Tử, càng ham chuộng nhiều thì càng phí tổn, dành dụm nhiều thì mất nhiều, người biết tự túc thì không bao giờ bị nhục, người hạn chế lòng ham muốn của mình thì không nguy, có thể trường cửu. Con người cần phải bằng lòng với cái mình có, đừng nhìn ngang, nhìn ngược để nảy sinh sự so sánh hơn thua lại sinh ra lo lắng bất an để theo đuổi người khác như thế là không hạnh phúc.

**CHƯƠNG 2**  
**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN**  
**CỦA TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH” CỦA LÃO TỬ.**

Để đi sâu và nắm bắt được tinh thần cốt lõi của tác phẩm *Đạo Đức Kinh*, chúng ta sẽ tìm hiểu những nội dung sau:

**2.1. VỀ ĐẠO VÀ ĐỨC**

Lão Tử là nhà triết học đầu tiên của Trung Quốc đã đem danh từ Đạo để chỉ cho Thực Thể Tuyệt Đối. Mở đầu, ông nói ngay về sự bất đắc dĩ của mình phải dùng đến chữ Đạo để chỉ cho thực tại, cái thực tại tuyệt đối mà tri thức khái niệm không thể nào đạt tới được. Thực tại ấy, ông đã cảm thông trong một trạng thái thuần túy kinh nghiệm của ý thức siêu thần nên ông thấy khó mà truyền bá ra bằng ngôn ngữ diễn dịch. Ngay vào đầu Chương 1, ông nói:

“Đạo khả đạo phi thường đạo

Danh khả danh phi thường danh.

*Nghĩa là, Đạo có tên không là Đạo. Tên được gọi không là tên*. [37, tr. 13]

Cái Đạo mà có thể lấy danh từ bình thường đơn điệu mà diễn giải được thì không còn là cái Đạo vĩnh cửu. Cái tên đích thực của vật nếu có thể lấy danh hiệu mà gọi được thì không còn là cái danh bất biến không thay đổi. Đối với ông, biết là gán cho sự vật thực những danh hiệu, và tất cả sự tiến bộ của tri thức nhân loại chỉ là chồng chất những danh từ.

Chương 32, ông viết:

“Thi chế hữu danh,

Danh diệc ký hữu.

Phù diệc tương tri chi,

Tri chi khả dĩ bất đãi.

*Nghĩa là, pháp độ bày ra, thì mới có tên. Tên kia đã có, Cũng phải biết dừng. Biết dừng, không hại”*. [6, tr.167-168]

Ý của Lão Tử được hiểu, bắt đầu chế tác có danh phận. Danh phận cũng đã có, cũng nên biết ngừng lại. Biết ngừng lại thì có thể đỡ nguy hại. Cái công việc chế tác danh từ để gán thuộc tính cho vật chỉ làm cho chúng ta xa mãi cái thực thể “vô danh phúc”, bởi vì danh hiệu chỉ thích hợp cho hiện tượng sai, biến đổi chứ không thể thích hợp cho cái thực thể đồng nhất và vĩnh cửu.

Trong thế giới, hiện tượng cái gì cũng tương đối không có gì là tuyệt đối cả, vì lẽ cái gì cũng biến đổi, dịch hóa không ngừng. Không một danh hiệu nào, không một ý tưởng nào, một phán đoán về giá trị nào có thể có được tính cách tuyệt đối, bởi vì chúng đã là sản vật tương đối, chúng luôn luôn ôm ở trong bản thân cái đối đãi phản nghịch của chúng vì lẽ biến dịch Âm Dương. Cái xấu, cái đẹp, cái thiện, cái ác, cái chân, cái nguy, cái dài, cái ngắn, cái cao, cái thấp, cái sướng, cái khổ, hết thảy chỉ là những danh từ trái ngược theo nhau cái nọ liên đới với cái kia, cái này ngược cái khác, chính vì điều đó cho nên chương 2 ông nói rõ:

“Thiên hạ

Giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ;

Giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ.

Cố

Hữu Vô tương sanh,

Nan Dị tương thành,

Trường Đoản tương hình,

Cao Hạ tương khuynh,

Âm Thinh tương hòa,

Tiền Hậu tương tùy.

*Nghĩa là, thiên hạ đều biết tốt là tốt, thì đã có xấu rồi; Đều biết lành là lành, thì đã có cái chẳng lành rồi. Bởi vậy, Có với Không cùng sanh, Khó và Dễ cùng thành, Cao và Thấp cùng chiều, Giọng và Tiếng cùng họa, Trước và Sau cùng theo.” [6, tr.43-45]*

Ở chương 20, ông nói:

“Tuyệt học vô ưu  
Duy chi dữ a, tương khứ kỳ hà?  
Thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà?

*Nghĩa là, Dứt học, không lo.. “Dạ” với “ơ”, khác nhau chỗ nào? Lành với dữ, khác nhau ở đâu?”.[6, tr. 113-115]*

Tất cả chi là một trường đối đãi danh hiệu. Sự đối đãi ấy, tính cách mâu thuẫn ấy có thực một cách tuyệt đối không? Không làm gì có tuyệt đối thiện, ác, tốt, xấu, âm dương cả. Chúng có vẻ tuyệt đối chẳng qua chi là tuyệt đối đối với tri thức, vì tri thức hoạt động trong sự so sánh, đối đãi, tỉ giao, đối tượng hóa chủ khách, còn sự thực ở chỗ toàn thể tuyệt đối viên mãn thì chi có một sự đồng nhất huyền bí mà thôi. Cho nên Lão Tử có thái độ phản đối tri thức, ở chương 56:

“Tri giả bất ngôn,  
Ngôn giả bất tri.  
Tắc kỳ đoái, bễ kỳ môn,  
Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân,  
Hòa kỳ quang, đồng kỳ trần.  
Thị vị Huyền đồng.

*Nghĩa là, biết, thì không nói, Nói, thì không biết. Thường ngậm miệng, Bít mắt tai, Nhụt bén nhọn, Bỏ chia phân. Hòa ánh sáng, Đồng bụi bặm, Ấy gọi là Huyền đồng”. [ 6, tr.271-273]*

Thái độ phân đôi trí thức của Lão Tử là do tư tưởng tâm linh thần thức đẻ ra. Trí thức không thể tới được tuyệt đối vì bản tính của trí thức là so sánh, cho nên tưởng rằng trí thức có thể biết được chân lý tuyệt đối là một sai lầm lớn. Người hiền chỉ có thể tìm tới chân lý tuyệt đối bằng cách hãy ý thức cái bệnh của trí thức rồi mới có thể tìm tới chân lý được.

Ở Chương 71, ông nói:

“Tri bất tri thượng  
 Bất tri tri bệnh  
 Phù duy bệnh bệnh,  
 Thị dĩ bất bệnh.  
 Thánh nhân bất bệnh,  
 Dĩ kỳ bệnh bệnh,  
 Thị dĩ bất bệnh.

*Nghĩa là, biết được cái không biết, là cao. Không biết cái biết đó, là bệnh, Biết đó là bệnh, Thì không bệnh nữa. Thánh nhân không bệnh, vì biết đó bệnh. nên không bệnh nữa”. [6, tr.356-357]*

Bởi vậy mà Lão Tử cho cái biết tối cao hiện ra cho nhân loại như là cái ngu vậy.

Chương 45, ông nói:

“ Đại thành nhược khuyết,  
 Kỳ dụng bất tệt.  
 Đại doanh nhược xung,  
 Kỳ dụng bất cùng  
 Đại trực nhược khuất,  
 Đại xảo nhược chuyết.  
 Đại biện nhược nột.

*Nghĩa là, thành tựu mỹ mãn dường như dờ dang, thì chỗ dùng của nó không hư được. Đầy tràn dường như trống không, thì chỗ dùng của nó là vô cùng. Rất ngay thẳng dường như cong queo, rất khéo léo dường như vụng về, rất hùng biện dường như áp úng”.[6, tr 221-222]*

Vì thế mà Lão Tử luôn luôn dùng đến lối nói nghịch thuyết mỗi khi đề cập đến cái thực tại tuyệt đối bằng khí cụ của thế gian tương đối, của thế giới hiện tượng ảo ảnh.

Bậc thánh nhân có thành tựu rất lớn nhưng luôn luôn làm ra vẻ giống như vẫn còn khuyết điểm vụng về, vì vậy mà dùng tới năng lực thì vô cùng. Chỗ nào quá đầy thì chẳng khác gì trống rỗng, dùng tới nó chẳng bao giờ hết. Cái gì quá thẳng giống như cong, cái gì khéo léo quá giống như vụng về, nói năng biện luận giỏi giống như áp úng, đây là cách lý luận “phản đề” mà Lão Tử vẫn thường áp dụng. Vì thế, chương 40, ông nói:

“Phản giả Đạo chi động;  
Nhược giả Đạo chi dụng.  
Thiên hạ vạn vật sanh ư Hữu;  
Hữu sanh ư vô.

*Nghĩa là, trở lại là cái động của Đạo; yếu, mềm là cái dụng của Đạo. Vạn vật dưới trời sanh nơi “Có”; “Có” sanh nơi “Không””.[6, tr.201]*

Theo ông “Yếu mềm là cái dụng của Đạo”. Yếu mềm, không phải là nhu nhược như người đời thường hiểu. Nhược ở đây là biết thuận theo, biết chiều theo mà dùng cố cưỡng, không chống lại với những luật bất di bất dịch của tạo hóa, của tự nhiên, không dùng ý chí mà cưỡng lại với Đạo, như người lội trong nước mà không cưỡng lại với nước nên không biết có nước. Tất cả đều được sinh ra từ một nguồn gốc, vạn vật do Trời Đất mà ra, Trời Đất lại do Đạo mà ra, mà Đạo là cái lẽ nhiệm mầu không sao hình dung được, nên gọi là “Vô”, đồng nghĩa với chữ Không của nhà Phật.

Theo danh từ ngôn ngữ, phạm trù của thể gian, Lão Tử gọi cái thực tại là Vô. Nhưng Vô không phải là vô hữu, hư vô, trống rỗng cả thực tại. Vô của Lão Tử chỉ là “vô danh phát” nghĩa là cái thực thể, “Di”, “Hi”, “Vi”. Không có thể biết, bất khả tri theo nghĩa tri thức về hiện tượng. Bởi vì nếu cái Thực Thể tuyệt đối ấy đối với chúng ta hình như không có thật, nhưng kỳ thực nó là nguồn gốc đẻ ra tất cả những cái đối với chúng ta là có thật vậy. Lão Tử muốn cho mọi người hiểu thấu cái nghĩa Vô của ông không phải là hư vô, cho nên ông lấy cái Vô của ổ trục bánh xe bò làm thí dụ:

“Tam thập phúc, cộng nhứt cố,  
 Đương kỳ vô, hữu xa chi dụng.  
 Duyên thực dĩ vi khí,  
 Đương kỳ vô, hữu khí chi dụng.  
 Tạc hộ dĩ dĩ vi thất,  
 Đương kỳ vô, hữu thất chi dụng.  
 Cố,  
 Hữu chi dĩ vi lợi,  
 Vô chi dĩ vi dụng.”

*Nghĩa là, ba chục cái, hợp lại một cái, nhưng nhờ chỗ “không”, mới có cái “dụng” của xe. Nhồi đất để làm chén bát, nhờ chỗ “không” mới có cái “dụng” của chén bát. Khoét cửa nẻo, làm buồng the, nhờ cái chỗ “không” mới có cái “dụng” của buồng the. Bởi vậy, lấy cái “có” đó để làm cái lợi, lấy cái “không” đó để làm cái dụng”.[6, tr. 80-81]*

Cả vũ trụ này cũng như thế mà thôi, không có gì khác.

Ở Chương 5, ông nói:

“Thiên địa chi gian,  
 Kỳ du thác thược hồ!  
 Hư nhi bất khuất,  
 Động nhi dĩ xuất.”



*Nghĩa là, cái khoảng giữa Trời Đất, giống như ống bẻ. Tuy trông không mà vô tận, càng động lại càng hơi ra”.*[6, tr. 57-58]

Với lối biện chứng suy luận phủ định ấy mà Lão Tử dùng để gán cho Thực Tại tất cả những thuộc tính không có trong thế giới đa nguyên biến dịch của hiện tượng. Tuy nhiên Lão Tử không đặt Thực Tại ấy ở ngoài, phân biệt hẳn một cách tuyệt đối với thế giới hiện tượng. Trái lại cái Thực Tại Tuyệt Đối tối cao ấy gọi là Đạo, Lão Tử quan niệm nó tiềm tại trong vũ trụ hiện hữu ví như bề hay sông đối với ngòi lạch. Chương 32, ông viết:

“Thí Đạo chi tại thiên hạ  
Du xuyên cốc chi ư giang hải”.

*Nghĩa là, Đạo trong thiên hạ. Chẳng khác sông với suối nguồn”.* [37, tr117-118]

Lão Tử nói về sự sinh thành của vạn vật hiện tượng một cách khó hiểu. Chương 42, ông viết:

“ Đạo sinh nhất.  
Nhất sinh nhị.  
Nhị sinh tam.  
Tam sinh vạn vật.  
Vạn vật phụ âm nhi bỗ dương.  
Xung khí dĩ vi hòa”.

*Nghĩa là, Đạo sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba, ba sinh ra vạn vật, vạn vật công âm bỗ dương, điều hòa bằng xung khí”.*[37, tr.151]

Ở đây chúng ta lại thấy quan niệm Âm Dương ở Kinh Dịch xuất hiện. Nhưng có khác là ở Kinh Dịch thì tư tưởng còn lưỡng lự giữa Nhất Nguyên và Nhị Nguyên.

Đạo là một thực thể nhiệm mầu, cho nên cái gì giữ được Đạo thì phát huy được trọn vẹn khả năng tốt đẹp và được trường tồn.

Ở chương 39, Lão Tử nói:

“Tích chi đắc Nhất giả  
 Thiên đắc Nhất dĩ thanh,  
 Địa đắc Nhất dĩ minh,  
 Thần đắc Nhất dĩ linh,  
 Cốc đắc Nhất dĩ doanh,  
 Vạn vật đắc Nhất dĩ sinh,  
 Hậu vương đắc Nhất dĩ vi thiên hạ trịnh.  
 Kỳ trí chi Nhất dã”.

*Nghĩa là, Những điều xưa đã đạt được Nhất, Trời được Nhất mà trong, Đất được Nhất mà an, Thần được Nhất mà linh, Khe được Nhất mà đầy, vạn vật được Nhất mà sinh, vương hậu được Nhất đứng đầu thiên hạ, đều là được Nhất mà thành”.[37, tr.140-141]*

Người ta thường hiểu Một (nhất) ở đây là Đạo. Nhưng căn cứ theo chữ nghĩa trong văn bản, Một cũng có thể được hiểu là một đại năng lực siêu nhiên thoát thai từ Đạo. Theo Lão Tử thì Một do Đạo mà có. Nhờ tiếp thu được năng lực Một từ Đạo cho nên bầu trời mới có thể trong xanh, trái đất mới có thể yên ổn, năng lực trong thiên nhiên mới có sức mạnh phi thường, hang sâu mới có sức chứa trữ, vạn vật mới có sự sống. Cũng vậy, bậc vua chúa nhờ duy trì được Một ở trong tâm tư mà có khả năng khiến cho thiên hạ trở nên chính đáng, bởi vì đã biết cai trị theo qui luật của Đạo. Nếu chẳng giữ được Một, tức là không có Đạo thì mọi cái đổ vỡ, mọi sự rối bời. Như vậy, Đạo sáng tạo ra vũ trụ vạn vật cho có trật tự ổn định.

Thế lực tiềm tại của Đạo ở thế giới, Lão Tử gọi là Đức, nghĩa đen cổ xưa là gieo hạt xuống đất, do đây mà có ý nghĩa siêu hình của chữ Virtus ở La Tinh, chứ không phải nghĩa luân lý. Nghĩa ấy tỏ ra ở chương 51:

“ Đạo sinh chi,  
 Đức súc chi,  
 Vật hình chi,  
 Thế thành chi.  
 Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn đạo  
 Nhi quý đức.  
 Đạo chi tôn,  
 Đức chi quý,  
 Phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên”.

*Nghĩa là, đạo sinh ra, đức nuôi nấng, vạn vật hình thành, hoàn cảnh tạo nên hình. Vậy nên vạn vật không gì không tôn đạo và quý đức. Sở dĩ đạo được tôn, đức được quý, vì điều hợp tự nhiên”. [37, tr. 179-180]*

Ý tưởng trên cần phải hiểu là: Đạo sinh ra vạn vật, Đức nuôi nấng vạn vật, rồi từ đó vạn vật lại tạo ra hình dáng các thể hệ sau theo chủng loại của mình, hoàn thành thể nào thì tùy thuộc vào cơ hội, tức là tùy thuộc vào tương quan giữa vạn vật thiên nhiên với nhau. Bởi vì vạn vật được sinh dưỡng bởi Đạo và Đức cho nên Đạo Đức có được tôn quý cũng là lẽ đương nhiên.

Cũng trong chương này, để làm sáng tỏ công năng huyền diệu của Đức, Lão Tử nói tiếp:

“ Cổ Đạo sinh chi,  
 Đức súc chi.  
 Trưởng chi dục chi,  
 Đỉnh chi độc chi,  
 Dưỡng chi phúc chi.  
 Sinh nhi bất hữu,  
 Vi nhi bất thị,  
 Trưởng nhi bất tể,  
 Thị vị huyền đức”.

*Nghĩa là, Nên Đạo sinh ra, Đức nuôi nấng. Trưởng thành dưỡng dục, nuôi lớn thành thực, chở che vạn vật, tuy nuôi mà không chiếm hữu, tuy làm mà không cậy công, cứ để tự nhiên không chủ động, đó chính là huyền đức.”*  
[37, tr.180-181]

Trong đoạn văn này, công năng của Đức đối với vạn vật được Lão Tử miêu tả không khác gì các chức năng của một người mẹ nhân từ, yêu thương chăm sóc một đứa con thơ bé. Người mẹ đó chỉ biết cho đi mà không giữ gì lại cho mình. Người mẹ đó hoàn toàn vì con mà không cần biết đứa con đó ngoan hay hư, có nhớ đến công ơn của mình hay không. Nhưng nếu là một người mẹ thì người ấy chỉ đủ sức nuôi nấng, chăm sóc vài đứa con. Đấng này, Huyền đức chăm sóc vạn vật thì đủ biết công năng của Đức quả thực vô biên. Đức còn được ông nói thêm ở chương 23:

“Đồng ư đức giả,  
Đức diệc lạc đắc chi.

*Nghĩa là, Không theo thì đồng với mất, đồng với Đạo thì vui theo đạo.”*  
[37, tr. 85-86]

Có nghĩa là người nào cũng có bản tính như Đức, cùng hành động như Đức: xả kỷ, vị tha, ra sức phục vụ, bảo dưỡng, chở che...những kẻ yếu đuối, kém cỏi hơn mình, “sinh mà không chiếm hữu, làm mà không cậy công, bậc trên mà không làm chủ”, thì đều được Đức vui vẻ tiếp nhận để cùng với Đức nên một.

Xét những câu đã được trình bày ở trên, Đức của Lão Tử trong ý nghĩa đặc biệt không phải là những đức hạnh thông thường như: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín; hay như: khoan dung, tha thứ, độ lượng, quảng đại, tiết kiệm,...Đức đi kèm theo Đạo phải được hiểu là đại năng lực hay hoạt lực phát sinh từ Đạo, là động năng của Đạo trong việc hình thành vạn vật, nâng đỡ cho vạn vật được tồn tại và phát triển. Đức thể hiện tiềm năng vô biên, tuyệt đối, thường tồn của Đạo trong cuộc đại hóa của vũ trụ vạn vật.

*Như vậy*, theo Lão Tử, Đức không phải là vạn vật có hình tượng cụ thể, mà là một năng lực huyền diệu siêu hình, đảm đương việc bảo tồn vạn vật sau khi Đạo đã sáng tạo.

## **2.2. VỀ THUYẾT VÔ VI**

Vô vi nguyên nghĩa là “không làm”. Nhưng “không làm” không phải là chẳng làm gì cả, hiểu theo nghĩa thông thường. Đạo học Đông phương thường phân biệt hai cách: cách làm “vô vi” và cách làm “hữu vi”.

“Vô vi” là cách làm tự nhiên theo Đạo, không phải gượng ép, không phải phần đấu, không có ý riêng, không bắt buộc tạo vật phát triển trái với quy luật tự nhiên, làm mà không biết rằng mình đã làm, làm mà không vương vấn hệ lụy vào công việc của mình. Cách làm “vô vi” được ví như hơi thở, nhịp tim của người khỏe mạnh: không cần phải cố gắng, lúc thức cũng như lúc ngủ, hơi thở vẫn nhẹ nhàng ra vào, nhịp tim vẫn đều đặn đưa máu đi và thu máu về. Những việc của phổi và tim ấy không phải do trí khôn con người thúc giục, trí khôn con người hơn nữa cũng không để ý đến công việc của phổi và tim. Cách làm “vô vi” cũng có thể ví như ánh sáng mặt trời không tự biết về việc làm của nó cần thiết cho vạn vật, đồng thời vạn vật lại không hề biết rằng nhờ ánh sáng mặt trời mà chúng có thể sinh hoạt, phát triển. Tuy vậy, nhờ ánh sáng mặt trời mà cây nào sinh hoa ấy tùy theo chủng loại.

Vô vi còn là cách làm không dùng đến ngôn ngữ, không dùng đến động tác tay chân, chỉ bằng năng lực dịu dàng tỏa ra mà mọi người rảnh rập sinh hoạt trong trật tự tốt đẹp đã được thiết định.

*Như thế*, vô vi là cách làm của Đạo, tuyệt đối cần thiết cho sự sống của vạn vật. Thánh nhân cũng thế, các ngài huyền đồng với Đạo nên làm một cách vô vi đối với xã hội nhân sinh. Các ngài làm mà vẫn tôn trọng tự do và ý nguyện độc lập của con người mãi lòng người mà không hề tự nhận là công của mình. Trong cách làm vô vi, mọi người được hưởng sự trị an nhưng không cảm thấy mình bị cai trị, bị áp đặt.

“Hữu vi” là cách làm theo tư ý tư dục, muốn mọi người, mọi vật phải tuân lệnh mình, phục tùng mình triệt để. Vì thế, cách làm “hữu vi” thường bày vẽ ra nhiều lễ lới phức tạp rắc rối, phiền toái, do đó, làm lợi cho mọi người cũng có, làm hại cho mọi người cũng không ít. Con người trong cách làm “hữu vi” thường bị vất vả, cực nhọc vì không hợp tự nhiên. Người ra tay làm thì mệt, thì lo, thì buồn...Mệt thì phải ứng phó với trở ngại, lo vì sợ thất bại, buồn vì người ta không hoàn toàn theo ý mình, không nhớ công ơn mình, hoặc chống đối, phản bội mình. Đẳng khác, đối tượng của công việc hữu vi cũng mệt, cũng lo, cũng buồn...Mệt vì phải đáp ứng yêu cầu, lo vì sợ bị chể tài, bị phạt, buồn vì không được tự do theo ý riêng...

Xưa nay, truyền thống Đông phương trường có khuynh hướng chung cho “Vô vi” là cách làm của phái Lão Trang, và cho “Hữu vi” là cách làm cho học phái Khổng Mạnh hay Mặc Dịch. Đặc biệt “Hữu vi cực đoan” là cách làm của Pháp gia (Thương Ưởng, Hàn Phi Tử, Lý Tư...) thường đặt ra nhiều phép tắc, hình luật khắc nghiệt để gò bó con người vào một khung khổ cứng nhắc nhất định.

Tuy nhiên, gán “Hữu vi” cho học phái Khổng Mạnh (Nho gia) thì cũng hơi quá, bởi vì “Hữu vi” chỉ đúng cho các Nho gia hương nguyện (đạo đức giả) gò bó con người vào khuôn khổ hiểu để, lễ nhạc...Thực ra, ở đỉnh cái học thành nhân trong cửa Khổng vẫn là cách làm “Vô vi”.

Ở đây chúng ta bàn đến cách làm “Vô vi” của Lão Tử. Chương 37, ông cho rằng:

“Đạo thường vô vi

Nhi vô bất vi.

*Nghĩa là, Đạo thường không làm, mà không gì không làm”. [37, tr. 131]*

Không ai thấy Đạo làm gì cả, nhưng mọi biến dịch của vạn vật đều do Đạo: các tinh cầu chuyển vận vùn vụt, mây bay, gió thổi, mưa đổ, sương rơi, chim bay, thú chạy, người sinh hoạt...Như thế là Đạo có làm, mà làm không

ngừng nghỉ, không biết mệt. Tuy nhiên, cách làm của Đạo kín đáo, tinh tế, nhiệm mầu, tự nhiên...không khoe khoang, không cậy công... Lão Tử đã gọi cách làm của Đạo là “Vô vi” và lấy “Vô vi” làm mẫu mực cho cách làm của con người. Ở chương 63, ông nói:

“Vi vô vi,  
Sự vô sự,  
Vị vô vị.

*Nghĩa là, Làm cái “không làm”, lo cái “không lo”, nếm cái “không mùi”.* [37, tr. 220]

“Vô vi” (không làm) là cách làm của Đạo. “Vô sự” (không việc), “Vô vị” (không mùi) là biểu hiện của Đạo. Đạo không hữu vi như cách làm của người thường nên bảo là “vô vi”. Đạo không bày việc như người thường nên bảo là “vô sự”. Đạo không ưa thích hoặc kén chọn mùi nọ, mùi kia như người thường nên bảo là “vô vị”. Như thế, làm vô vi, thờ vô sự, nếm vô vị là bắt chước hoàn toàn theo Đạo. Con người bắt chước hoàn toàn theo Đạo được Lão Tử gọi là thánh nhân. Thánh nhân làm tự nhiên, không khoe khoang, không cậy công...(vô vi); thánh nhân không bày việc làm khổ thiên hạ (vô sự); thánh nhân điềm đạm, đôn sơ...không tìm mùi vị cho khoái khẩu (vô vị).

Lão Tử đã triển khai cách làm “Vô vi” của thánh nhân, nó được thể hiện rõ trong chương 2:

“Thị dĩ Thánh nhân.  
Xử vô vi chi sự.  
Hành bất Ngôn chi giáo.  
Vạn vật tác yên nhi bất từ.  
Sinh nhi bất hữu.  
Vi nhi bất thị.  
Công thành nhi phát cư.”

*Nghĩa là, Cho nên bậc Thánh. Lấy “Vô vi” mà xử. Dùng “Bất ngôn” mà dạy dỗ. Khiến Vạn vật tự làm. Sinh ra như không có. Làm chẳng cậy công. Hoàn thành rồi không ở lại”.* [37, tr. 17-18]

“Vô vi” có nhiều hình thức. Ở đây chúng ta đề cập đến vài hình thức tiêu biểu:

*Một là, dạy dỗ người ta mà không dùng đến lời nói: Thánh nhân lấy chính mình làm gương mẫu để dạy dỗ những đức hạnh tốt như: nhân từ, tiết kiệm, khiêm nhường, đơn sơ, đạm bạc, chăm chỉ...*

*Hai là, để cho vạn vật sinh hoạt mà không khước từ: Trước khi dạy dỗ mọi người nên tốt, thánh nhân chấp nhận tất cả những sự bất toàn của họ, không khước từ, không phân biệt, khinh chê...như người mẹ bao dung các con không phân biệt đứa ngoan, đứa hư...*

*Ba là, sống mà không chiếm hữu: Thánh nhân sống như mọi người, không chiếm hữu người khác làm tôi tớ, nô lệ cho mình, không chiếm đoạt của cải người khác làm của riêng mình.*

*Bốn là, làm mà không cậy công: Thánh nhân ra sức phục vụ, nâng đỡ mọi người tùy từng hoàn cảnh, nhưng không tỏ ý cậy công với ai, không làm thương tổn đến lòng tự ái, tự trọng của họ.*

*Năm là, công thành mà không ở lại: sau khi hoàn thành công việc giáo hóa hay nâng đỡ...thấy người ta đã tự lực, tự cường được, thánh nhân lặng lẽ rút lui, tìm nơi ẩn dật mà không cần sự đền ơn đáp nghĩa, sự khen ngợi. Điều này trong lịch sử Việt Nam thời Hùng Vương được thể hiện rõ ở hành vi của Thánh Gióng, phá xong giặc Ân rồi phi ngựa lên Sóc Sơn ẩn mình, là một mẫu mực của hành động Vô vi.*

Trong các hành vi và cách xử thế theo đường lối Vô vi, Lão Tử còn nhấn mạnh đến một cách đặc biệt, đó là *giảm bớt*. Trong chương 48, ông nói:



“Vi học nhật ích,  
Vi Đạo nhật tồn.  
Tồn chi hựu tồn,  
Dĩ chí ư vô vi.”

*Nghĩa là, Theo học, ngày càng thêm. thêm Đạo, ngày càng bớt. Giảm rồi lại giảm, cho đến chỗ Vô Vi.” [37, tr.169-170]*

Sự học được nói ở nơi đây là sự học chạy đuổi theo vật chất. Nếu người ta càng tìm hiểu sự vật, càng chế tác ra nhiều sự vật mới, thì người ta càng thêm nhiều dục vọng, nhiều phiền muộn và trở thành kẻ nô lệ cho vật chất. Trái lại, nếu người ta trở về với Đạo, thì mỗi ngày mỗi giảm bớt được dục vọng. Giảm bớt dục vọng tức là giảm bớt được đau khổ, phiền muộn và đồng thời không gây nên đau khổ cho người khác. Đã giảm bớt, rồi lại giảm bớt thêm nữa, con người sẽ đạt đến mức huyền đồng với Đạo và cũng trở nên “vô vi” như Đạo. Đó là con đường hướng nội, con đường Tâm linh, trái với con đường hướng ngoại lệ thuộc vào sự vật.

Biết “Vô vi” là đường lối trở về phù hợp với quy luật của Đạo, con đường hạnh phúc, lấy lại thể quân bình sau khi đã quá thiên lệch về phía tạo vật, do đó, trong chương 64, Lão Tử viết:

“Thị dĩ thánh nhân  
Dục bất dục,  
Bất quý nan đắc chi hóa;  
Học bất học  
Phục chúng nhân chi sở quá,  
Dĩ phục vạn vật chi tự nhiên  
Nhi bất cảm vi.”

*Nghĩa là, Cho nên thánh nhân, muốn mà không muốn, không quý vật khó tìm, học cái không học, giúp kẻ lỗi lầm, quay về với tự nhiên, mà không nhúng tay vào”. [37, tr. 225-226]*

Muốn cứu vớt mọi người sa lầy trong “Hữu vi”, bậc thánh nhân đã vận dụng đường lối “Vô vi”, nghĩa là, không ham muốn vật chất, không quý vàng bạc, châu ngọc...học tập về Đạo mà không học về đời, cốt làm gương cho mọi người đã quá đuổi theo danh lợi, để giúp cho mọi người, mọi vật được sống tự nhiên mà không dùng đường lối cưỡng bức “hữu vi”.

### 2.3. LÝ THUYẾT QUÂN BÌNH VÀ PHẢN PHỤC

Có lẽ do trực giác mãnh liệt siêu việt hoặc do cảm nghiệm lâu ngày trong khi quan sát vũ trụ thiên nhiên, ở chương 25, Lão Tử đã nhận thấy rằng:

“Nhân pháp Địa  
Địa pháp Thiên  
Thiên pháp Đạo  
Đạo pháp Tự nhiên.”

*Nghĩa là, Người noi theo Đất, Đất noi theo Trời, Trời noi theo Đạo, Đạo noi theo Tự nhiên.* [37, tr. 92-93]

Đất là năng lực nâng đỡ, bồi dưỡng. Nhờ năng lực đất, các loài thảo mộc mới sinh sôi nảy nở, dùng làm thức ăn cho loài người, loài vật. “Người noi theo Đất” là người nuôi nấng, săn sóc lẫn nhau như cách thể của đất nuôi nấng vạn vật.

Trời là năng lực tỏa ánh sáng và sinh khí. Nhờ năng lực Trời mà vạn vật sống được. “Đất noi theo Trời” là năng lực Đất cũng như năng lực Trời cùng bảo tồn vạn vật.

Đạo là thực thể siêu việt, nguyên ủy của Trời, Đất, Người, “Trời noi theo Đạo” là Trời noi theo cái tính hiếu sinh bao trùm vạn vật của Đạo. Tự nhiên là tính xuất hoạt, triển khai sáng tạo không lệ thuộc vào đối tượng nào, không bị thế lực nào chi phối. Nguyên nghĩa chữ “Nhiên” là hiện tượng lửa cháy, bập bùng tự do. Tính cách tự nhiên cũng ví như tính cách biểu hiện của một trẻ thơ, do năng lực dồi dào của nó mà nó múa máy, la hét, lăn lộn...không làm vì ai, không làm cho ai, và cũng chẳng bắt mãi với ai...

“Đạo noi theo Tự nhiên” là Đạo tự triển khai, sáng tạo ra vạn vật, che chở vạn vật theo bản tính riêng của mình, không lệ thuộc vào một thế lực, một đối tượng nào khác ngoài chính mình. “Đạo noi theo Tự nhiên” có nghĩa là Đạo hành động một cách tự nhiên. Đạo không lệ thuộc vào ai, vào đâu để bắt buộc phải làm cái này, cái nọ, điều này, điều kia, hay thế này, thế kia. Như thế Đạo là khuôn mẫu cho Trời, Đất, Người.

Người phàm thì không như vậy, nhất là những người lệ thuộc vào lý trí nhị nguyên, vào thế gian. Người ta làm để khoe khoang, để cái chính, để lấy lòng, để che giấu, để hãm dọa...nghĩa là làm vì một nguyên nhân khác, một đối tượng nào đó. Không mấy ai làm một cách tự nhiên. Đó là đầu mối của thiện ác, thị phi, nhân nghĩa và bất nhân nghĩa...trong nhân loại.

Bởi vì Đạo tự nhiên hành động cho nên Lão Tử gọi là “Đạo thường vô vi”. Vi có nghĩa là làm. “Hữu vi” là làm theo ý này, ý kia, nhắm tới đối tượng này, đối tượng khác. “Vô vi” là làm một cách tự nhiên như trẻ thơ không có ý này, ý nọ, không vì người khen, kẻ chê. Đạo thường vô vi, thế mà trong vũ trụ bao la này, có biết bao kỳ công được sáng tạo và những kỳ công đó lại tồn tại lâu dài. Đạo thường vô vi, nhưng không hề ngừng nghỉ, cho nên vạn vật được tiếp thu năng lực vô vi của Đạo cũng không ngừng biến động, dịch hóa. Hai nguồn năng lực to lớn nhất trong vũ trụ là Trời và Đất nhờ cũng “Vô vi” cho nên mới trường tồn. Ở chương 7, Lão Tử nói:

“Thiên trường địa cửu  
Thiên địa sở dĩ năng trường  
Thả cửu giả  
Dĩ kỳ bất tự sinh,  
Cố năng trường sinh.

*Nghĩa là, Trời dài đất lâu. Trời đất sở dĩ lâu dài, Vì không sống riêng mình, Nên mới trường sinh”. [37, tr.33]*

Trời đất không sống cho mình tức là Trời đất cũng vô vi như Đạo. Trời đất vô vi có nghĩa là Trời đất không có tư tâm, tư ý thiên lệch như con người. Do thiên lệch trong tâm ý mà trong xã hội loài người có kẻ thân, người sơ, có con yêu, con ghét, vì thế sự đối xử không còn được công bằng nữa.

Để diễn tả sự bình đẳng trong hành động vô vi của trời đất, chương 5 Lão Tử nói:

“Thiên địa bất nhân,  
Dĩ vạn vật vi sở cầu.

*Nghĩa là, Trời đất không lòng nhân, coi vạn vật như chó rom”. [37, tr. 28]*

Câu này có ý nói rằng trời đất không định ái riêng với vật nào. Trời đất nuôi dưỡng vạn vật nhưng để cho vạn vật sinh hoạt tùy theo khả năng, tùy theo hoàn cảnh của mình, tự túc tự tồn, phát triển hay suy tồn như hoa rừng, cỏ nội, như chim trời, cá biển, thú hoang. Nhờ sự sinh hoạt tự do mà vạn vật mới phát triển được hết khả năng của mình. Trời đất không vì người này mà bỏ rét, dẹp nóng, giữ mùa Xuân, thái mùa Hạ, không vì người kia mà thêm nắng bớt mưa hay thêm mưa bớt nắng, cũng không vì con cá này mà tăng thêm lượng nước, không vì đàn nai kia mà tăng thêm lượng cỏ...Nếu có vật nào không thích ứng được với hoàn cảnh mà ra đi hay tàn lụi trước độ tuổi của mình thì trời lại thu lấy sinh khí, đất lại tiếp lấy cận bã, để rồi sự sinh hoạt của vạn vật lại được triển khai dưới những dạng thức mới.

Trời đất là hai đại thể Âm Dương được triển khai từ Đạo cho nên có năng lực vô biên, đã tiến hành thế nào thì vạn vật không thể cưỡng lại được. Chú trọng về năng lực trời, ở chương 73, Lão Tử nói:

“Thiên chi đạo bất tranh nhi thiện thắng  
Bất ngôn nhi thiện ứng  
Bất triệu nhi tự lai  
Xiển nhiên thiện mưu.  
Thiên võng khôi ngôi sơ nhi bất thất.

*Nghĩa là, Đạo trời không tranh thường thắng. Không nói mà người nghe. Không gọi mà tự đến. Ung dung tự thành. Lưới trời lỏng lẻo tuy thế mà không lọt”. [37, tr. 250]*

Đạo của trời tức là đường lối hành động của trời. Đường lối hành động của trời cũng vô vi như Đạo cho nên không ai thấy rõ hình dạng dấu tích ra sao, nhưng một khi đã tác động thì không vật nào có thể cưỡng lại được. Trời không nói nhưng những tuần tiết mùa màng cứ theo chu kỳ của trời mà ứng nghiệm, không hứa hẹn điều gì mà muôn nghìn năm cũng không sai chạy. Trời không kêu gọi nhưng năng lực trời có sức hấp dẫn kỳ diệu khiến cho vạn vật phải theo về, như cây cỏ đi tìm dưỡng khí và ánh dương. Năng lực trời chẳng tỏ ra cực nhọc mà mưu tính nên mọi việc: mây bay, gió thoảng, nắng dãi, sương rơi... mà cây cối đâm chồi nảy lộc, trở hoa kết trái tùy theo chủng loại.

Lão Tử đã cảm nhận được hành động của trời đất là thuận theo hành động vô vi của Đạo, nhân đó, ông đã tìm ra quy luật hành động của Đạo chi phối vạn vật. Có hai quy luật quan trọng cốt lõi chi phối mọi quy luật là: luật Quân bình và luật Phản phục.

### **2.3.1. Luật quân bình**

Đạo đặt luật Quân bình nội tại trong từng cá nhân, cá vật và trong vũ trụ thiên nhiên. Ở đâu có sự lệch lạc quy luật ấy thì tại tự nó có một phản lực để lấy lại thế quân bình. Nếu thế quân bình bị mất hẳn, người đó hoặc vật đó sẽ tận số. Chính vì vậy, chương 77, Lão Tử nói:

“Thiên chi đạo kỳ do trương cung dư?

Cao giả ức chi,

Hạ giả cử chi;

Hữu dư giả tổn chi;

Bất túc giả bổ chi.

Thiên chi đạo:

Tồn hữu dư nhi bổ bất túc.

*Nghĩa là, Đạo Trời ư? Khác nào cây cung giương lên: chỗ cao thì ép xuống, chỗ thấp thì nâng lên. Có dư thì bớt đi. Không đủ thì bù vào. Đạo của Trời: bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu.” [6, tr.379-380]*

Nếu ai để ý nhận xét sẽ thấy luật quân bình này thường xuyên hiện thực trong các hiện tượng thiên nhiên. Đối với cõi nhân sinh, đa số nhân loại đi trái ngược luật này như ra sức dồn vào chỗ thừa, chỗ thiếu lại bớt thêm, hoặc thờ ơ với chỗ thiếu. Do đó xã hội càng thêm khủng hoảng, thân xác con người càng thêm bệnh tật. Kẻ đã thừa ăn thì ăn thêm mãi, bồi dưỡng thêm mãi; kẻ đã thiếu ăn, suy dinh dưỡng thì lại càng thiếu thốn hơn nữa. Tuy nhiên khi sự mất quân bình đã diễn ra hết sức khắc nghiệt thì trong thiên nhiên hoặc trong nhân sinh cũng xảy ra một cuộc xáo trộn kinh khủng có thể coi như đó là một cuộc cách mạng để lập lại thể quân bình đã mất.

Chương 22, Lão Tử nói rõ về sự tái lập luật quân bình của Đạo:

“Khúc tắc toàn  
 Ủng tắc trực  
 Oa tắc doanh  
 Tệ tắc tân  
 Thiếu tắc đắc  
 Đa tắc hoặc.

*Nghĩa là, Khuyết toàn vẹn, cong thì thẳng, trũng thì đầy, cũ lại mới, ít thì thêm, nhiều mê muội”. [37, tr. 81]*

Xét một cuộc cách mạng xã hội, sau khi những bất công được tháo gỡ thì quy luật này xem ra đã phác họa được những điểm tích cực của nó: đối trá, áp bức, xáo quyết, vô đạo được giải trừ, những người có tài đức được đề cao để tham gia vào việc cải tạo đổi mới xã hội, công bằng được tái lập lại để bù đắp lại cho những người thiếu thốn đã chịu nhiều thiệt thòi, còn những kẻ giàu có tham lam mê muội vì của cải sẽ không còn cơ hội hoành hành.

Xã hội cũng như thiên nhiên thịnh thoảng lại có những cơn biến động làm cho thế quân bình nhất thời bị lệch lạc. Tuy nhiên sự biến động dù có khắc nghiệt tới mức nào cũng không thể diễn ra lâu dài được, càng khắc nghiệt lại càng chóng vánh, bởi vì quy luật của Đạo luôn luôn tiềm tàng trong vạn vật để lấy lại thế quân bình đã mất. Trong chương 23, Lão Tử đã nói:

“Hy ngôn tự nhiên  
 Cố, phiêu phong bất chung triêu  
 Sâu vũ bất chung nhật  
 Thục vi thử giả  
 Thiên địa.  
 Thiên địa thường bất năng cử  
 Nhi hưởng ư nhân hồ.

*Tức là, Nói ít hợp tự nhiên. Vì vậy, gió lốc chẳng suốt sáng. Mưa lớn không cả ngày. Ai làm ra thế? Trời đất. Trời đất còn không vĩnh viễn. hưởng hồ là người”. [37, tr. 85-86]*

Cho nên, kẻ nào muốn làm những gì quá khích, trái với tự nhiên dù tốt hay xấu, thì hãy coi chừng sự phản kích, bởi vì quy luật quân bình của Đạo luôn luôn làm ngược lại ý định của mình để duy trì sự ổn định trong thiên nhiên vạn vật. Ở chương 36, Lão Tử nói:

“Tương dục hấp chi  
 Tất cố trương chi  
 Tương dục nhược chi  
 Tất cố cường chi  
 Tương dục phế chi  
 Tất cố hưng chi.  
 Tương dục đoạt chi  
 Tất cố dữ chi.

Thị vị vi minh

Nhu nhược thắng cương cường.

*Tức là, Muốn rút co lại. Hãy mở rộng ra. Muốn người yếu. Hãy làm mạnh người. Muốn phứt bỏ ai. Hãy đưa họ lên. Muốn lấy vật nào. Hãy cho trước thêm. Đó là sáng suốt vi tế. Vì nhu nhược thắng cương cường”.[37, tr.127]*

Trong thiên nhiên cũng như trong nhân sinh, luôn luôn có hai lực cùng tồn tại ở thế đối đãi. Kinh Dịch gọi hai lực đối đãi đó là Âm Dương. Không bao giờ có sự triệt tiêu Âm hay triệt tiêu Dương. Khi người ta cố thu nhỏ Âm thì chính là làm cho Âm phát triển mạnh lên và ngược lại. Âm và Dương đeo bám nhau cũng như hai hiện tượng Thức và Ngủ trong một con người. Càng bị bó buộc phải Thức người ta càng ham ngủ. Càng muốn ngủ nhiều người ta lại thao thức không ngủ được. Sự duy trì Âm Dương là quy luật quân bình của Đạo. Cho nên, ai đó muốn triệt tiêu hẳn một cái gì ấy là vi phạm luật quân bình, điều đó sẽ gặp một phản lực hữu hình hoặc vô hình, có khi rất khốc liệt và nguy hiểm. Để diễn tả quy luật này, trong đoạn văn trên Lão Tử không chỉ thị hẳn một sự việc nào, một hiện tượng nào, để người ta có thể áp dụng nó cho mọi trường hợp như muốn thu rút một nguồn nước lại, ắt là vô tình làm cho nguồn nước đó mạnh lên hay muốn làm suy yếu một phong trào quần chúng, ắt là vô tình làm cho phong trào đó mạnh lên, hay kẻ nào đi sau lại đến trước; kẻ nào đến trước là người đến sau, ai hạ mình xuống thì sẽ được nâng lên; ai tự mình nâng lên sẽ bị hạ xuống...

Nhiều trường hợp khác nói lên quy luật quân bình này. Nó không bênh vực riêng ai. Ai khéo vận dụng thì sẽ thắng lợi, nhưng thắng lợi rồi thì hãy coi chừng quy luật ấy vật ngã. Quy luật ấy tinh tế, sáng tỏ huyền diệu chi phối mọi vật, mọi hiện tượng nên Lão Tử gọi là Vi Minh. Rốt cuộc, trong hiện tượng giới có cả Nhu lẫn Cương, nhưng Đạo vẫn dùng Nhu để khắc Cương.



Vì thế “Nhu nhược thắng cương cường” cũng giống như nước chảy lâu ngày làm mòn vách đá, giọt lệ mỹ nhân làm mềm dạ khách anh hùng.

Về luật *quân bình*, Lão Tử cũng nói thêm ở chương 42:

“Vật hoặc tồn chi nhi ích

Hoặc ích chi nhi tồn

*Nghĩa là, Vật có khi bớt mà lại thêm, có khi muốn thêm mà lại bớt*. [37, tr. 152-153]

Bớt đi sức nặng di chuyển trên cây cầu, tức là thêm tuổi thọ cho cây cầu. Bớt đi sự sử dụng ma túy, độc dược, tức là thêm tuổi thọ cho con người...Thêm sự chăm chỉ, tiết kiệm ấy là bớt đi sự nghèo khó của gia đình. Thêm nhiều dục vọng, thì con người sẽ bớt an vui...Bớt cái nọ, thêm cái kia chính là tác động của Đạo để duy trì thế quân bình trong vạn vật khiến cho không có sự bất cập hoặc thái quá.

Người nào không giữ luật quân bình ắt sẽ bị luật đó chế ngự và sẽ bị thiệt hại, tiêu vong. Về điểm này, trong chương 44, Lão Tử nói:

“Thậm ái tất thậm phí

Đa tàng tất hậu vong.

Tri túc bất nhục

Tri chi bất đãi

Khả dĩ trường cửu

*Tức là, Yêu lắm hao tổn nhiều. Cát chứa nhiều mất càng lớn. Biết đủ không nhục. Biết dừng khó nguy. Và có thể lâu dài*. [37, tr. 158-159]

Yêu thương quyến luyến cho lắm thì sẽ bị hao tổn tinh thần và thể chất. Biết đủ, không tham lam thì không bị nhục. Biết dừng lại, không háo thắng thì không nguy hiểm. Ai giữ được luật quân bình của Đạo thì tuổi thọ, uy tín và danh dự có thể tồn tại lâu dài.

### 2.3.2. Luật phản phục

Phản là trở về, là quay ngược lại cái hướng đã đi trước. Phản cũng là trở sang mặt trái của một sự vật. Phục là trở lại, lấy lại cái đã mất. Nhìn vũ trụ thiên nhiên, Lão Tử cho rằng *Phản phục* cũng là quy luật của Đạo. Ông đã nói về Đạo và hành động trở về của Đạo cụ thể ở chương 25:

“Ngô bất tri kỳ danh  
 Tự chi viết Đạo  
 Cường vi chi danh viết Đại  
 Đại viết Thệ  
 Thệ viết Viễn  
 Viễn viết Phản

*Nghĩa là, ta không biết tên, gọi đó là Đạo, gương cho là Lớn, Lớn là tràn khắp, tràn khắp là đi xa, đi xa là trở về”.*[6, tr.137-139]

Trong chương 40, Lão Tử cũng nói:

“Phản giả Đạo chi động.

*Nghĩa là, Trở lại là cái động của Đạo”.*[6, tr.201]

Tìm ra quy luật này, có lẽ là do Lão Tử đã quan sát những sự kiện thiên nhiên như sự chuyển dịch của mặt trăng và các chòm sao, chuyển động biểu kiến của mặt trời và nhất là sự chuyển dịch của thời tiết trong bốn mùa.

Mặt trăng di chuyển để cho những hình tròn, khuyết tùy theo từng ngày trong tháng và trở lại theo định kỳ trong tháng sau. Các chòm sao thì chuyển dịch, nhưng mỗi năm nếu nhìn từ mặt đất, người ta thấy chúng trở lại vị trí cũ ở một phương hướng nhất định. Mặt trời cũng chuyển động, mỗi năm một lần mặt trời lên đỉnh cao nhất trên vòm trời, ánh sáng chiếu thẳng xuống xích đạo vào ngày Hạ Chí, mặt trời xuống thấp nhất gần chân trời, ánh sáng tà tà xiên nghiêng vào ngày Đông Chí. Còn bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông cùng với hai mươi bốn tiết từ Lập Xuân cho tới Đại Hàn, mỗi năm đều trở lại đúng luật,

đúng thời. Mùa Xuân cây cối đâm chồi, nảy lộc, trở hoa...sang Thu lá úa, mùa Đông lá rụng. Tất cả những hiện tượng thiên nhiên ấy đã khiến cho người xưa và nhất là Lão Tử nhận ra tác động trở lại của Đạo để thiết định nên quy luật Phản Phục.

Sự chuyển biến từ một thực tại sang thực tại đối nghịch hiện rõ trong hai mùa: Hạ và Đông. Mùa Hạ nóng này oi ả, mùa Đông rét mướt lạnh giá.

Sự chuyển biến của thực tại để lấy lại cái đã mất hiện rõ trong hai mùa: Đông và Xuân. Mùa Đông cây cối trơ trụi, mùa Xuân cây cối trở lá đơm hoa. Hiện tượng này diễn ra rõ rệt nhất ở miền ôn đới.

Sự chuyển dịch Phản Phục này đã là cơ sở cho người xưa viết Kinh Dịch và Lão Tử viết câu:

“Họa hề phúc chi sở ý,  
Phúc hề họa chi sở phục.

*Nghĩa là, Họa là chỗ dựa của phúc, Phúc là chỗ núp của họa*”. [6, tr.285-287].

Họa và Phúc là hai bộ mặt Âm Dương của một thực tại. Theo Kinh Dịch, trong Âm có mầm Dương. Khi Âm biến thì biến sang Dương là đối cực của nó, khi Dương biến thì biến sang Âm là đối cực của nó. Cũng như vậy, trong Họa có mầm Phúc, trong Phúc có mầm Họa. Họa có thể biến thành Phúc, Phúc có thể biến thành Họa. Ví dụ như, thực phẩm là thức ăn nuôi sống con người, nhưng nếu không biết chọn lựa thực phẩm hay ăn quá mức, ăn không đúng thì thực phẩm sẽ đem lại bệnh tật cho con người khiến con người phải chết. Đó là luật Phản Phục của Đạo. Quy luật này thường xuyên chi phối mọi hiện tượng thiên nhiên và mọi hiện tượng nhân sinh. Do đó, tương truyền khi Phục Hy sắp xếp các quẻ dịch thì đã sắp thành từng cặp đối nghịch nhau: Kiền với Khôn, Thái với Bĩ, Bác với Phục...Ký tế với Vị tế.

Sự hanh thông, tốt lành có thể chuyển dịch thành bế tắc, cùng quẫn hoặc là sự bế tắc, cùng quẫn có thể biến thành sự hanh thông, tốt lành. Cho nên, cổ nhân thường khuyên người ta rằng khi thắng không kiêu, khi bại không nản, vì biết rằng nếu biết chờ đợi và vận dụng thì bại có thể biến thành thắng; còn thắng mà không biết khiêm nhường cảnh giác, thì bại sẽ đến như trở bàn tay. Vì thế, ở chương 79 Lão tử mới nói:

“Thiên Đạo vô thân,  
Thường dữ thiện hơn”

*Nghĩa là, Đạo Trời không thân ai, thường gia ân cho người lành*”. [6, tr. 386-387]

Phục là trở lại, lấy lại cái đã mất. Về phương diện thời tiết, quẻ Phục ứng vào tháng mười một Âm lịch (giữa mùa đông), sinh khí vãn hồi, cây cối đâm chồi, phục sinh, mở ra một chu kỳ phát triển mới. Cái tâm của trời đất chính là tác động của khí dương. Nhờ khí dương mà vũ trụ vạn vật có thể sinh hoạt được, làm cho sự sống triển khai mãi mãi. Khí dương cũng chính là chính khí nuôi dưỡng sự sống thể chất và tinh thần của con người, giúp con người trở nên thánh hiền.

Tuy nhiên, quy luật Phản Phục không phải chỉ có tính cách cơ học qua lại như thế. Lão Tử còn nhận thấy rằng:

“Vạn vật tịnh tác  
Ngô dĩ quan phục  
Phù vật vãn vãn  
Các phục quy kỳ căn  
Quy căn viết tĩnh  
Thị vị viết phục mạng  
Phục mạng viết thường  
Tri thường viết minh  
Bất tri thường, vọng tác hung”.

*Nghĩa là, Vạn vật cùng sinh. Ta đã quan sát. Ôi muôn vật trùng trùng. Đều trở về gốc. Về gốc là tĩnh. Tức là phục mạng. Phục mạng mới thường hằng. Hiểu thường hằng là sáng suốt. Không hiểu thường hằng bị họa hung”.*  
[37, tr. 62-63]

Như thế, theo Lão Tử, quy luật Phản Phục cốt yếu là đem vạn vật trở về với gốc rễ. Thế mà gốc rễ sinh ra vạn vật là Đạo. Vậy Phản Phục là quy luật đem vạn vật về với Đạo. Đạo vốn yên tĩnh, cho nên trở về với Đạo là trở về sự thanh lặng nội tâm (Qui căn viết tĩnh). Thanh lặng nội tâm (Tĩnh) là trở lại với cái phần Đạo trao cho mình hay là trở lại cái Đạo nơi mình (Phục mạng). Trở lại cái Đạo nơi mình là đạt tới vĩnh hằng (Thường). Biết có thực tại vĩnh hằng và trở lại thực tại vĩnh hằng gọi là sáng suốt (Minh). Nếu không biết như vậy, không trở lại thực tại vĩnh hằng, mà chỉ lang thang ở cõi đời hiện tượng, thì sẽ làm nhiều chuyện sai trái (vọng tác) và gặt hái được những tai họa, đau khổ (Hung).

Lão Tử còn nhấn mạnh thêm về cái lợi của con đường trở về (Phản Phục) ở chương 52, ông nói:

“Thiên hạ hữu thi,  
Dĩ vi thiên hạ mẫu.  
Ký đắc kỳ mẫu,  
Dĩ tri kỳ tử.  
Ký tri kỳ tử,  
Phục thù kỳ mẫu,  
Một thân bất đãi”.

*Nghĩa là, thiên hạ có nguồn gốc, dùng làm Mẹ của thiên hạ, hãy giữ được Mẹ, thì biết được Con, đã biết được Con, trở về giữ Mẹ. Thân đến chết không nguy”.*[6, tr. 249-250]

Đạo là khởi đầu tức là mẹ của thiên hạ. Ai đã giữ được Đạo tức là giữ

được sự thịnh lặng nội tâm ắt sẽ biết được con tức là biết rõ về vạn vật. Đã biết rõ về vạn vật thì phải giữ lấy Đạo. Được như vậy thì suốt đời không nguy hiểm. Nếu chạy theo vạn vật (con) mà bỏ quên Đạo (mẹ) thì vạn vật đa tạp sẽ đẩy lên vô số dục vọng, khiến cho người ta khủng hoảng bất an vì khát vọng khôn nguôi và hành động điên cuồng, càn bậy.

#### **2.4. VỀ ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ**

Triết học Lão Tử về thực chất không phải là triết học xuất thế hoặc tị thế như nhiều người lầm tưởng. Lão Tử không phải người quay lưng lại với xã hội, trái lại, ông rất thiết tha với sự ổn định và hạnh phúc của xã hội. Bằng chứng là trong tác phẩm “Đạo đức kinh” có rất nhiều chương, ở đó Lão Tử đưa ra nhiều ý kiến về chính trị, đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp đến một nền chính trị lý tưởng. Đó cũng chính là cách xử thế mà Lão Tử dùng để phản ứng lại cảnh tượng đại loạn vào thời Xuân Thu, Chiến Quốc ở Trung Hoa.

Chúng ta đã biết rằng nhân sinh quan của Lão Tử luôn luôn bám sát với vũ trụ quan, con người lý tưởng là con người hoàn toàn bắt chước theo Đạo, cho nên ngay cả việc chính trị, Lão Tử cũng lấy Đạo làm nền tảng, làm khuôn mẫu. Ở chương 32 của tác phẩm, ông nói:

“Đạo thường vô danh,  
Phác tuy tiều,  
Thiên hạ mạc năng thần dã.  
Hầu vương nhược năng thủ chi.  
Vạn vật tương tự tân.  
Thiên địa tương hạp dĩ giáng cam lộ.  
Dân mạc chi linh nhi tự quân.

*Nghĩa là, Đạo thường không tên. Tuy nhỏ, mộc mạc, Mà không gì thuần phục được. Bậc Vương hầu giữ lấy nó. Vạn vật sẽ xưng thần. Trời đất hòa hợp, sương ngọt rơi xuống chan hòa. Không cần sai khiến mà dân sẽ tự điều*

*hòa*". [37, tr. 117]. Lão Tử cho rằng bậc lãnh đạo chính trị chỉ cần giữ được Đạo, sống theo Đạo thôi thì mọi sự sẽ tự ổn định, mọi vật sẽ hướng về, dân chúng không cần có lệnh truyền cũng bắt chước mà cư xử phải chăng với nhau, không có bóc lột, tranh giành. Điều này có chỗ tương đồng với quan điểm của Khổng Tử khi coi bậc quân vương khi cai trị thiên hạ lấy chữ Nhân làm chủ thuyết thì tất cả đều tuân phục tự nguyện, ví như ngôi sao Bắc Đẩu được các ngôi sao khác châu xung quanh.

Ở chương 37, Lão Tử nói rõ hơn về thuật chính trị của bậc Vương hầu giữ được Đạo:

“Đạo thường vô vi  
 Nhi vô bất vi.  
 Hầu vương nhược năng thủ chi.  
 Vạn vật tương tự hóa.  
 Hóa nhi dục tác,  
 Ngô tương trản chi,  
 Dĩ vô danh chi phác.  
 Vô danh chi phác,  
 Diệc tương vô dục.  
 Bất dục dĩ tịnh.  
 Thiên hạ tương tự định.”

*Nghĩa là, Đạo thường không làm, mà không gì không làm. Bậc vương hầu nếu giữ được đạo. Thì vạn vật tự sinh hóa. Tự sinh hóa nên ta tham dự vào. Trản áp bằng cái “Vô danh thuần phác”. Vô danh thuần phác. Lại không tham dục. Không ham muốn sẽ thanh tịnh. Thiên hạ tự an định”. [37, tr. 131].*

Bậc Vương hầu giữ được Đạo thì cai trị dân theo đường lối Vô vi như Đạo, cư xử mộc mạc vô danh. Vương hầu mà sống mộc mạc vô danh thì sẽ không ham muốn quá phận mình, không đụng chạm tới quyền lợi của ai. Do

đó, dân chúng cũng bắt chước theo và xã hội được yên tĩnh, ổn định, không cần dùng tới những pháp lệnh khắc nghiệt, gắt gao. Lão Tử đã suy từ quy luật tâm lý để rồi viết nên đường lối chính trị, ông nêu rõ ở chương 45 như sau:

“Tĩnh thắng nhiệt  
Thanh tĩnh vi thiên hạ chính.”

*Nghĩa là, tĩnh thắng động, chỉ có thanh tĩnh mới là chuẩn tắc của thiên hạ*. [37, tr. 162].

Lão Tử cũng như Khổng Tử đều ở trong truyền thống Đông phương lấy con người là chính, coi trọng hơn thể chế chính trị. Với chính sách rộng rãi khoan dung, không quá can thiệp vào đời sống riêng tư của dân, thì dân sẽ thuần hậu tốt lành. Nếu chính lệnh soi mói, gắt gao quá đáng, thì dân sẽ trở nên dối trá, gian xảo. Cần thiết là người trên phải ngay thẳng, nếu không ngay thẳng, thì dân sẽ trở thành gian tà, nguy nghịch, ở chương 58, ông viết:

“Kỳ chính muộn muộn,  
Kỳ dân thuần thuần.  
Kỳ chính sát sát,  
Kỳ dân khuyết khuyết...  
Kỳ vô chính chính phục vi kỳ,  
Thiện phục vi yêu.

*Nghĩa là, Chính mệnh vừa phải, dân sẽ phục thuần. Chính mệnh nghiêm rõ, dân sẽ lỗi lầm....Kẻ không ngay chính, chính biến ra tà. Thiện biến thành ma*. [37, tr. 204]

Nếu không bắt chước Đạo theo đường lối Vô vi, mà cứ theo đường lối “hữu vi”, đặt ra nhiều cấm đoán phức tạp thì có hậu quả nghiêm trọng như Lão Tử đã nêu ra ở chương 57:

“Dĩ thử thiên hạ đa kỳ hứ,  
Nhi dân di bản.  
Dân đa lợi khí,



Quốc gia tư hôn.  
 Nhân đa kỹ xảo,  
 Kỳ vật tư khởi.  
 Pháp lệnh tư chương,  
 Đạo tặc đa hữu.

*Nghĩa là, Vì thiên hạ nhiều kiêng kỵ, thì dân càng nghèo, dân nhiều quyền mưu, nước càng tối ám, người nhiều kỹ xảo, việc bậy sinh nhiều, pháp lệnh càng hà khắc, trộm cướp càng thêm.” [37, tr. 201-202]*

Trong đoạn sách này, Lão Tử có ý nói rằng: Chính quyền mà đặt ra nhiều điều cấm kỵ trong dân, thì dân không biết xoay trở cách làm ăn nào cho nên sinh ra nghèo. Vì có nhiều điều cấm kỵ, dân càng phải tìm những mảnh khóc sắc sảo để tránh né, lừa lọc, do đó nước nhà càng tăm tối. Khi người người vận dụng những phương thế khéo léo để luồn lách, chui lủi thì xã hội sẽ nảy sinh ra những quái trạng lạ lùng. Pháp lệnh của nhà nước càng rõ rệt, chi tiết, chặt chẽ gò bó, dân chúng không thể làm ăn ngay thẳng được thì trộm cướp sẽ nổi lên khắp nơi. Cách lý luận này của ông dường như đối lập với đường lối chính trị mực thước đúng đắn của Khổng Tử, song dù sao cũng cho chúng ta một góc nhìn phản biện cho đường lối trị nước của các nhà tư tưởng thời Cổ đại ở Trung Hoa. Vì vậy, chương 65, Lão Tử đã nêu ra cách cai trị của cổ nhân như sau:

“Cổ chi thiện vi đạo giả  
 Phi dĩ minh dân  
 Tương dĩ ngu chi  
 Dân chi nan trị.

*Nghĩa là, người xưa giỏi thì hành Đạo, không để dân quá khôn ranh, mà dạy dân chân thật, dân mà khó trị, bởi vì nhiều trí mưu.”[37, tr. 229]*

Muốn cho dân thuần phác thì không nên trị dân bằng đường lối “hữu vi”,

nghĩa là không nên đem ý riêng của mình mà vẽ việc ra rồi bắt dân phải theo trái với nếp sống tự nhiên. Chương 29, Lão Tử nói:

“Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi  
 Ngô kiến kỳ bất đắc dĩ.  
 Thiên hạ thân khí bất khả vi dã.  
 Vi giả bại chi,  
 Chấp giả thất chi.

*Nghĩa là, Muốn lấy thiên hạ bằng cách hữu vi, ta cho là không thể được, vật thân như thiên hạ không dùng hữu vi mà lấy được, hữu vi là thua, chấp trước mất không ngờ.”*[37, tr. 105-106]

Lão Tử có ý muốn nói rằng nhà chính trị nào mà muốn đem một thể chế nhân tạo để khép mọi người vào một cái khung nhất định rồi xoay vần theo ý của mình thì sớm muộn sẽ thất bại. Bất cứ thể chế nào nếu không theo quy luật tự nhiên của Đạo cũng sẽ đổ vỡ, không tồn tại lâu được. Do đó, ông đã khẳng định ở chương 48 rằng:

“Thủ thiên hạ thường dĩ vô sự  
 Cập kỳ hữu sự bất túc dĩ  
 Thủ thiên hạ.”

*Nghĩa là, giữ thiên hạ nên vô vi, còn hữu vi không đủ giữ thiên hạ.”*[37, tr. 169-170]

Trước sau, Lão Tử vẫn nhấn mạnh rằng trị được dân phải bắt chước Đạo, hết sức khiêm hạ trong phục vụ, chương 66, Lão Tử nói:

“Giang hải sở dĩ năng vi  
 Bách cốc vương giả.  
 Dĩ kỳ thiên hạ chi.  
 Cố năng vi bách cốc vương.  
 Thị dĩ dục thượng dân tất dĩ ngôn hạ chi.

Dục tiên dân tất dĩ thân hậu chi.  
 Thị dĩ thánh nhân xử thượng nhi dân bất trọng.  
 Xử tiên nhi dân bất hại.  
 Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm.  
 Dĩ kỳ bất tranh.  
 Cố, thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.

*Nghĩa là, sở dĩ sông biển làm vua trăm khe lạch hang suối, vì giỏi ở dưới thấp, nên được làm vua trăm suối hang. Vì vậy muốn ở trên dân thì hãy tự nhiên nhường. Muốn ở trước dân hãy lùi về sau. Vì vậy Thánh nhân ở trên mà không nặng. Ở trước mà dân không thấy hại. Cho nên thiên hạ mừng vui đầy tới không chán, không tranh với người, nên thiên hạ chẳng ai tranh với mình.”[37, tr.232]*

Ở chương 78, Lão Tử trích dẫn lời thánh nhân nói rằng:

“Thụ quốc chi cầu thị vị xã tắc chủ.  
 Thụ quốc bất tương thị vị thiên hạ vương.

*Nghĩa là, nhận cái bản của nước mới làm chủ xã tắc. Nhận cái ương của nước mới làm vua thiên hạ.”[37, tr. 262-263]*

Một khi nhà vua đã bắt chước Đạo mà trị nước, sớm muộn gì dân chúng cũng có Đạo và cảnh tượng thái bình sẽ diễn ra. Ví bằng nhà vua không cai trị theo đường lối của Đạo, ắt dân chúng sẽ không có Đạo và đất nước sẽ không thoát được cảnh nội loạn hay chiến tranh. Về điều này, Lão Tử đã dùng hình ảnh bóng bẩy để chỉ thị hai tình trạng trái ngược, được nêu ở chương 46:

“Thiên hạ hữu đạo  
 Khước tẩu mã dĩ phân  
 Thiên hạ vô đạo  
 Nhung mã sinh ư giao.

*Nghĩa là, thiên hạ có đạo. Ngựa chiến dùng phân bón mọng. Thiên hạ vô đạo. Ngựa chiến được nuôi kỹ ngoài đồng.”[37, tr. 164-165]*

Ở chương 53, Lão Tử đã mô tả và lên án cảnh tượng một triều đình của vua quan vào thời Xuân Thu, Chiến Quốc ở Trung Hoa như sau:

“Triều thậm trừ,  
 Điền thậm vu,  
 Thương thậm hư.  
 Phục văn thái,  
 Đói lợi kiếm,  
 Yếm ẩm thực,  
 Tài hóa hữu dư.  
 Thị vị đạo khoa,  
 Phi đạo dã tai!

*Nghĩa là, Triều đình âm u. Ruộng đồng hoang vu. Kho dựn trống rỗng. Người mặc áo màu. Đeo kiếm quý báu. Ăn uống thừa mứa. Dư thừa tiền của. Đó là bọn trộm cướp. Chứ đâu phải đạo!”*[37, tr.186-187].

## **2.5. QUAN ĐIỂM VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN SINH**

Căn cứ vào việc quan sát vạn vật trong Trời Đất, Lão Tử đã rút ra một quy luật biện chứng của thực tại, sự vật biến đổi theo quan hệ hổ động, sinh khắc, chế hóa Âm Dương. Điều đó cho ta thấy được rằng, không có một nền triết học nào mà nhân sinh quan lại bám sát vũ trụ quan như triết học Lão Tử. Vũ trụ quan của Lão Tử nói về Đạo, về Đức, về hành động và quy luật của Đạo thì nhân sinh quan của ông nói về hành động của con người bắt chước Đạo và tuân theo triệt để quy luật của Đạo. Như sự tìm kiếm hạnh phúc trần tục xô đẩy con người ta vào lòng tham vô đáy của cái, danh vọng và bạo động, kiêu sa và ích kỷ, mà lãng quên định luật phân phục đanh thép của Trời Đất, hễ lớn mạnh thì đến già yếu, đầy gọi là không phải Đạo, không phải Đạo thì sớm hết, như ở chương 55, Lão Tử đã nói:

“Vật trắng tác lão,  
 Vị chi bất Đạo,  
 Bất Đạo tảo dĩ.

*Nghĩa là, Vật lớn thì già, Té ra nghịch Đạo, Không Đạo sớm qua*.”[37, tr. 194-195]

Ở đầu chương 70, Lão Tử đã than rằng:

“Ngô ngôn thậm dị tri thậm dị hành  
 Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành.

*Tức là, Lời nói ta rất dễ hiểu dễ làm. Mà thiên hạ không ai hiểu ai làm.*”[37, tr. 243]

Những lời than trên cho thấy rằng Lão Tử cũng như Khổng Tử không được thời đại hưởng ứng lắm. Thời đại mà con người đau đớn khổ sở vì xã hội rối ren, phiền phức, hỗn loạn, thối nát, trái hẳn với cái Đạo tự nhiên, vô vi. Cho nên ông chuyên chú vạch ra sự lầm lạc của thời đại, của các nhà cầm quyền cũng như của giới trí thức và khuyên họ nên trở về sống theo Đạo.

Con người lý tưởng mà Lão Tử gọi là thánh nhân trong quan niệm của ông là người huyền đồng với Đạo, nhất cử nhất động đều có Đạo hiện diện nơi mình. Thánh nhân biết rằng nếu theo Đạo của người mà trái với Đạo Trời thì sẽ đi đến chỗ hết sớm, cho nên cần phải bỏ cái quá đáng, bỏ cái xa hoa, bỏ cái thái quá, như ở chương 29, Lão Tử nói:

“Thị dĩ thánh nhân  
 Khử thậm, khử xa, khử thái.

*Tức là, Vì vậy thánh nhân. Bỏ cái nhiều, bỏ xa xỉ, bỏ thái quá.*”[37, tr. 106]

Một điều đáng nói nữa là đứng trước tình cảnh xã hội bấy giờ, Lão Tử muốn rửa sạch cái gì là nhân vi mà trở lại trạng thái giản dị, lành mạnh, bình đẳng tự do, tự nhiên như nhiên của xã hội nguyên thủy. Một xã hội thời hồng hoang còn

nguyên sơ tự nhiên. Xã hội nước nhỏ, dân ít, mọi người không qua lại với nhau; gà gáy, chó sủa đầu nước, cuối nước có thể nghe; mọi người đều ngây thơ như trẻ con; không cần đến nhận thức vì theo Lão Tử, không cần nhìn qua cửa sổ có thể biết thiên đạo. Xã hội an ninh tuyệt đối, ban đêm không phải đóng cửa, thấy của rơi ngoài đường không ai thèm nhặt. Một xã hội không cần đến giáo dục, pháp luật, không cần đến quân đội, vì theo Lão Tử, những cái đó là hữu vi, trái Đạo.

Luân lý của Lão Tử hoàn toàn đối lập với luân lý của Nho gia, nó vứt bỏ chữ “nhân”, chữ “nghĩa”, chữ “lễ”, chữ “trí” vì những cái đó đều làm hại cái bản tính thuần phác của con người tự nhiên. Lão Tử đứng trên đại đạo tự nhiên mà chủ trương tẩy rửa cho hết cái đạo đức nhân vi, cái lễ giáo của Nho gia.

Nhưng con người muốn trở lại với đại đạo tự nhiên thì phải làm thế nào?

*Một là*, theo Lão Tử thì nên bỏ lối sống ích kỷ, cá nhân như trong chương 7, ông nói:

“Thiên trường địa cửu  
Thiên địa sở dĩ năng trường  
Thả cửu giả  
Dĩ kỳ bất tự sinh.  
Cố năng trường sinh  
Thị dĩ Thánh nhân  
Hậu kỳ thân nhi nhân tiên  
Ngoại kỳ thân nhi nhân tồn.  
Phi dĩ kỳ vô tư da?  
Cố năng thành kỳ tư.

*Nghĩa là, Trời dài, đất lâu. Trời đất sở dĩ lâu dài, Vì không sống cho mình, nên mới trường sinh. Vì vậy Thánh nhân, Đặt thân ở sau mà thành trước; Đặt thân ngoài mà thành còn. Chẳng phải vì chẳng tự tư. Mà thành Thánh nhân ư?” [37, tr. 33]*

Lão Tử giải thích một hiện tượng bình thường ai cũng biết là trời đất tồn tại lâu dài, nhưng sở dĩ trời đất dài lâu được là vì lẽ rất tự nhiên là trời đất không hề sống cho riêng mình. Đời sống của trời đất là đời sống của vạn vật tự chuyển động, nghĩa là đời sống của Đạo. Vì vậy bậc Thánh nhân muốn trường tồn cũng phải giữ cái “bất tự sinh” như vậy. Đây là nguyên tắc xử thế chủ yếu của Lão Tử, muốn đặt “thân ở trước” thì hãy đặt “thân ở sau”, muốn thành công thì đừng ích kỷ lo lợi cho riêng mình.

*Hai là*, Con người phải biết đâu là “đủ”, không tham lam, đây được coi như là liều thuốc lánh nguy cầu an bất cứ ở vào thời đại nào, nhất là ở thời loạn lúc bấy giờ, như ở chương 44, Lão Tử nói:

“Tri túc bất nhục  
Tri chi bất đãi  
Khả dĩ trường cửu.

*Tức là, biết đủ không nhục, biết ngừng thì khó nguy, và có thể lâu dài*”.  
[37, tr.157-158]

Không có họa lớn nào hơn là không biết tri túc, không có cái nguy lớn nào hơn là muốn được, cho nên biết đủ của cái tri túc thì luôn luôn đủ vậy.

Ở chương 33, Lão Tử cũng viết:

“Tri nhân giả trí,  
Tự tri giả minh.  
Thắng nhân giả hữu lực.  
Tự thắng giả cường.  
Tri túc giả phú.

*Tức là, Biết người là bậc trí, tự biết mình là sáng suốt. Thắng người là có sức. Tự thắng mình là mạnh. Biết đủ là giàu có*”. [37, tr. 119-120]

Biết người đã khó nhưng tự biết mình càng khó hơn, thắng người chỉ là có sức nhưng tự thắng mình mới thực sự là mạnh. Biết đủ là giàu, kẻ không biết

đủ thì dù có dư bao nhiêu cũng vẫn nghèo thiếu mãi. Điều này còn được Lão Tử nói thêm ở chương 46:

“Thiên hạ hữu đạo  
 Khước tâu mã dĩ phần  
 Thiên hạ vô đạo  
 Nhung mã sinh ư giao  
 Họa mạc đại ư bất tri túc  
 Cữ mạc đại ư dục đắc  
 Cố tri túc chi túc  
 Thường túc hĩ

*Nghĩa là, thiên hạ có Đạo, ngựa chiến dùng phân bón mọng. Thiên hạ vô đạo, ngựa chiến được nuôi kỹ ngoài đồng. Không tai họa nào lớn bằng không biết đủ. Không hại nào lớn bằng lòng tham được. Vậy nên biết đủ là đủ. Luôn được thường đủ.” [37, tr. 164-165]*

Ba là, không tham lam tranh giành, khoe khoang, phô trương hình thức, sống hòa hợp với tự nhiên, không cần giàu sang, vinh hoa phú quý.

Bậc quân vương có đạo ngoài không gây thù oán gì với các lân quốc, mà trong thì ban bố ân đức cho nhân dân, bên ngoài các chư hầu không thù oán sẽ dùng lễ nghĩa mà đối xử, bên trong dùng ân đức dạy dỗ gốc bản cho nhân dân, dùng lễ nghĩa với chư hầu ắt chiến tranh không xảy ra dùng ân đức dạy dỗ dân ắt dứt được xa hoa dâm lạc, phàm ngựa mà có dùng tới chi là để ngoài gây chiến tranh và trong cung phụng cho sự ăn chơi xa xỉ mà thôi. Nay bậc quân vương có đạo, ngoài không dùng binh mã trong không xa hoa dâm lạc, chỉ dồn sức vào cày cấy, dồn sức vào cày cấy tức phải dùng phân bón cho nên nói: thiên hạ có đạo, ngựa chiến dùng phân bón ruộng.

Còn bậc quân vương vô đạo ắt là bên trong đối xử với dân bạo ngược và bên ngoài tìm cách gây thù oán với các nước lân cận. Trong bạo ngược dĩ nhiên



sự sinh sản của dân mất hết, ngoài gây thù oán với các nước lân cận tất nhiên phải khởi việc binh pháp. Sự sinh sản của dân hết tức thú nuôi ít, binh pháp khởi tức sĩ tốt chết nhiều, thú nuôi ít tất nhưng mã thiếu, sĩ tốt chết nhiều tức quân đội lâm nguy. Ngựa là vật tối cần trong quân nên phải nuôi ở ngoài đồng gần thành lũy nên nói: thiên hạ vô đạo, ngựa chiến được nuôi kỹ ngoài đồng.

Người ta tham muốn nhiều tất sự buôn bán làm ăn trở nên hỗn loạn, buôn bán làm ăn hỗn loạn lại càng kích động lòng tham muốn, lòng tham muốn càng nhiều tà dâm càng dữ, tà dâm mà lần át át mọi việc sắp đi đến chỗ tiêu diệt lẫn nhau, hạ nạn sinh ra từ đó. Do đó mà biết, họa nạn sinh ra từ tà dâm, tà dâm dụ hoặc lòng tham muốn, lòng tham muốn khiến dân trở thành gian xảo, đó là tội lớn nhất của bậc quân vương trị dân nên mới nói: không hại họa nào lớn bằng lòng tham được.

Vì vậy bậc thánh nhân không bị dẫn dụ bởi năm sắc màu, không tham nghe thanh nhạc. Bậc minh quân tiết kiệm vui chơi và bãi bỏ dâm lạc đẹp đẽ, trên không dám đối Trời dưới không dám lừa Đất, chỉ ăn căn bản cho no bụng. Lòng tham dục chưa trừ được tức thân phải lo lắng vì vậy thánh nhân mặc chỉ cầu không lạnh, ăn chỉ cầu không đói nên không có gì phải lo lắng, chúng nhân lại khác thế, lớn như các chư hầu, nhỏ như các nhà phú gia chỉ cầu tham dục mà không trừ mối lo, kẻ không biết đủ suốt đời chỉ lo lắng không yên cho nên nói: không tai họa nào lớn bằng không biết đủ.

Bởi lý do trên đây mà Lão Tử khuyên người ta không nên đua tranh, không nên bạo động, vì cạnh tranh gây thù oán, bạo động sẽ chết bất đắc kỳ tử. Vẫn theo cái luật thừa trừ tự nhiên, kẻ nào bớt đi, nhún đi sẽ được tăng lên, kẻ nào đòi hơn, thêm mãi thì lại bớt đi. Cho nên Lão Tử hay lấy nước làm kiểu mẫu của cái đức thiện, của Đạo mà ví với cái đức hạnh của bậc thánh nhân của ông, ở chương 8, ông nói:

“Thượng thiện nhược thủy  
 Thủy thiện lợi Vạn vật  
 Nhi bất tranh  
 Xử chúng nhân chi sở ố  
 Cố cơ ư Đạo  
 Cư thiện địa,  
 Tâm thiện uyên  
 Dữ thiện nhân  
 Ngôn thiện tín  
 Chính thiện trị  
 Sự thiện năng  
 Động thiện thời  
 Phù duy bất tranh  
 Cố vô vu.

*Nghĩa là, Bậc “thượng thiện” như nước, nước giúp ích vạn vật, mà không tranh, ở vào chỗ ai cũng ghét, nên Đạo rất gần, ở chỗ khiêm, lòng sâu trầm, với người nhân, nói lời thành, trị nghiêm chính, việc hiệu năng, động hợp lúc, vì không tranh, nên không lầm.” [37, tr.36-37]*

Bậc thượng hiền là người thiện vào bậc cao có bản chất như nước. Nước nhu hòa và giúp ích cho vạn vật mà không tranh giành với bất cứ ai vì tính nước là thuận theo mọi vật, đựng nước vào ống thì nước theo ống, đựng nước vào bầu thì nước theo bầu. Hình ảnh nước ví với bậc Thánh nhân là hình ảnh rất hay vì nước rất cần cho vạn vật, nước luôn luôn chảy theo dòng tránh mọi chướng ngại vật và đặc tính của nước là luôn luôn chảy. Đặc tính của Thánh nhân với ý khiêm nhường lúc nào cũng ở sau người nhưng đó mới là đứng trước mọi người, chính vì vậy mà thánh nhân không tranh giành đoạt lợi với ai, và vì không tranh nên không lầm lỗi.

*Bất tranh* ở đây không phải là nhất sợ, chịu thua ví như nước rất nhu yếu mềm mại, không tranh mà có thể đánh đổ những vật kiên cố. Bởi vì trong thiên hạ không có gì nhu nhược hơn là nước mà phá cái khôe cái rắn thì đều thắng hết cả không có gì thay nó được. Yếu mà thắng khôe, mềm mà thắng cứng, trong thiên hạ ai mà chẳng biết, chẳng làm được, chương 78 Lão Tử nói:

“Thiên hạ mạc nhu nhược ư thủy  
 Nhi công kiện cường giả mạc chi năng thắng  
 Kỳ vô dĩ địch chi  
 Nhược chi thắng cường  
 Nhu chi thắng cương  
 Thiên hạ mạc bất tri mạc năng hành.

*Nghĩa là, Trong thiên hạ không gì yếu mềm bằng nước, mà thắng hết vật cứng hơn, không gì thay thế được. Yếu thắng mạnh. Nhu thắng cương. Không ai không biết mà chẳng ai làm được. Nên Thánh nhân nói, nhận cái bản của nước mới làm chủ xã tắc. Nhận tai ương của nước mới làm vua thiên hạ*”.[37, tr. 262-263]

Lão Tử đã hơn một lần ví cái Đạo của Thánh nhân với nước, nước tuy yếu mềm nhưng có khả năng thắng tất cả mọi vật cứng hơn nó.

Một luân lý thực tế mà Trương Tử Phòng tức Trương Lương đã đem áp dụng với nhà Hán, đó là “công thành thân thoái”. Sau khi giúp nhà Hán thắng Tần Thủy Hoàng và Hạng Võ, ông không lưu luyến với triều đình mà xin thoái lui vào bóng tối sống đời ẩn dật để mong tránh được cái họa bất đắc kỳ tử của Hàn Tín. Hay như Phạm Lãi, sau khi giúp Việt vương Câu Tiễn đạt mục đích thì đi ở ẩn, lánh sang xứ khác thì được an vui, tránh được cái họa của Văn Chủng không thức thời.

Sở dĩ vũ trụ tự nhiên này trường cửu và giữ được hòa điệu điều lý là vì nó vận động vô tư, cho nên người ta cũng nên lấy đây làm gương mà bắt

chước. Người bắt chước Đạo của Đất, Đất phỏng theo đường lối của Trời, Trời phỏng theo đường lối của Đạo, Đạo tuân theo cái định luật tự nhiên, chương 25, Lão Tử nói:

“Nhân pháp Địa,  
Địa pháp Thiên,  
Thiên pháp Đạo,  
Đạo pháp Tự nhiên.

*Nghĩa là, Người học theo Đất, Đất học theo Trời, Trời học theo Đạo, Đạo học theo Tự nhiên*”.[37, tr. 92-93]

Bởi vì tự nhiên vận hành theo cái định luật biện chứng mâu thuẫn hỗ động nên trường cửu, cho nên không tư mà thực hiện được cái tư.

Chương 7, Lão Tử nói:

“Thiên trường địa cửu  
Thiên địa sở dĩ năng trường  
Thả cửu giả  
Dĩ kỳ bất tự sinh  
Cố năng trường sinh.  
Thị dĩ Thánh nhân  
Hậu kỳ thân nhi thân tiên,  
Ngoại kỳ thân nhi thân tồn,  
Phi dĩ kỳ vô tư da?  
Cố năng thành kỳ tư.

*Nghĩa là, Trời dài đất lâu. Trời đất sở dĩ dài lâu. Vì không sống riêng mình. Nên mới trường sinh. Vì vậy Thánh nhân. Đặt thân ở sau mà thành trước. Đặt thân ngoài mà thành còn. Chẳng phải vì chẳng tự tư. Mà thành Thánh nhân ư?*”[37, tr. 33].

Định luật vận hành biện chứng mâu thuẫn hỗ động ấy biểu thị ra tất cả vũ trụ. Chúng ta chỉ cần mở mắt ra nhìn thì thấy được ngay, ví như nước kia nuôi sống tất cả tràn ngập trên mặt đất mà không kể công hay tư hữu gì hết. Cái đạo lớn ấy cũng như nước vậy. Chương 34, Lão Tử nói:

“Đại Đạo phiếm hề  
 Kỳ khả tả hữu  
 Vạn vật thị chi nhi sinh nhi bất từ  
 Công thành bất danh hữu  
 Y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ  
 Thường vô dục, chi khả danh ư tiểu,  
 Vạn vật quy yên nhi bất vi chủ.  
 Khả danh vi đại  
 Dĩ kỳ chung bất tự vi đại  
 Cố năng thành kỳ đại”

*Nghĩa là, Đạo lớn tràn khắp. Bên trái bên phải. Vạn vật nhờ đó sinh sôi mà nó không can thiệp. Công thành không lưu tên. Nó nuôi dưỡng vạn vật mà không làm chủ. Thường không ham muốn nên có thể gọi là Tế Vi. Vạn vật quy thuận Đạo mà nó vẫn không làm chủ. Nên có thể gọi nó là vĩ đại. Vì cuối cùng nó không tự nhận là vĩ đại. Nên mới hoàn toàn thành được điều vĩ đại”. [37, tr. 122-123]*

Đây là phương châm luân lý ứng dụng để thành tựu cái “mình lớn” lâu dài, ấy là không chấp vào cái lớn lâu dài của hình danh biểu hiện mà bắt chước cái vô vi của thực thể ở trên hình danh vậy.

Màu sắc, âm thanh, mùi vị đều là những vật tác động rất mạnh đến con người làm cho người ta mờ mắt, ù tai, tê lưỡi. Vì ham mê săn bắn rong ruổi mà khiến người ta điên cuồng chạy theo của cải hiếm quý khó được khiến gây nên tai họa. Vì vậy, bậc Thánh nhân chỉ cầu no bụng chứ không để bị những ảo ảnh lừa con mắt. Thánh nhân theo Lão Tử là bỏ lòng tham muốn để giữ lấy

sự thuần phác, chương 12, ông viết:

“Ngũ sắc linh nhân mục manh  
 Ngũ âm linh nhân nhĩ lung  
 Ngũ vị linh nhân khẩu sáng  
 Trì sinh điền lạp  
 Linh nhân tâm phát cuồng  
 Nan đắc chi hóa  
 Linh nhân hành phương  
 Thị dĩ Thánh nhân  
 Vị phúc bất vị mục  
 Cổ khứ bi thù thù.

*Nghĩa là, Năm màu khiến người ta mờ mắt. Năm âm làm người ta ù tai. Năm mùi khiến người ta tê lưỡi. Rong ruổi săn bắn. Khiến lòng người điên cuồng. Của cải hiếm quý. Khiến người thèm muốn. Vì vậy Thánh nhân. Vì bụng không vì vui mắt. Bỏ cái tham dục”.*[37, tr. 48]

*Bốn là, dĩ đức báo oán.* Từ những phương châm luân lý ứng dụng, Lão Tử đi đến cái giá trị tiêu chuẩn của nhân sinh lý tưởng là lấy Đức để báo oán.

Với Không Tử lấy Đức báo oán thì lấy gì báo Đức, cho nên khuyên đệ tử lấy Đức báo Đức, lấy Trục báo oán, bởi vì quan niệm về Đạo của Không Nho là quan niệm hữu vi, hơn thế, Không Tử vốn trung thành với tinh thần truyền thống cho Đạo là đường ăn ở giữa người với người trong nhân quần xã hội. Còn Lão Tử quan niệm Đạo vô vi tuyệt đối là một nguyên lý đại đồng, ngoài danh từ ngôn ngữ trên hiện hữu tương đối, chỉ có thể lấy cái vô tư, vô dục để tích chứa cái đức là phương tiện biểu hiện của Đạo thì mới hợp thể được với Đạo. Đạo ấy đã không biết thiên vị, chỉ biết nuôi nguồn sống tràn ngập mà không cậy mình, nhìn muôn vật với con mắt bình đẳng khách quan. Vì thế, Lão Tử lấy tiêu chuẩn của giá trị nhân sinh là “Dĩ đức báo oán”.

Chương 63, ông nói:

“Vi vô vi  
 Sự vô sự  
 Vị vô vị  
 Đại tiểu đa thiểu  
 Báo oán dĩ đức.

*Nghĩa là, Làm cái “không làm”, làm cái “không lo”, ném cái “không mùi”, xem lớn như nhỏ nhiều như ít, lấy Đức bao oán”. [37, tr. 220]*

Có như thế thì mới thắng phục được lòng người, khuất phục được kẻ thù, không phải bằng vũ lực mà bằng cái đức cảm hóa.

Đây là cái tâm rộng yêu của bậc thánh, không có cái tâm riêng của mình mà lấy tâm thiên hạ làm tâm mình.

Chương 49, ông viết:

“Thánh nhân vô thường tâm  
 Dĩ bách tính tâm vi tâm.  
 Thiện giả ngô thiện chi  
 Bất thiện giả ngô diệt thiện chi, đức thiện.

*Nghĩa là, Lòng thánh nhân vô thường, dùng lòng trăm họ làm lòng mình, thiện với người thiện, thiện cả với người không thiện vậy nên ai cũng thiện”. [37, tr. 171-172]*

Và đây là cái đạo “Vô vi nhi vô bất vi” tức là, không làm riêng cho một cái gì là làm cho tất cả toàn thể” vậy. Đây là giá trị tiêu chuẩn lý tưởng của nhân sinh hành vi, là “chí công vô tư”

### CHƯƠNG 3

## NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀ HẠN CHẾ CỦA TRIẾT HỌC

### LÃO TỬ TRONG TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH”

#### 3.1. CÁC ĐÁNH GIÁ VỀ TÁC PHẨM “ĐẠO ĐỨC KINH”

Khi xây dựng hệ thống triết học cho mình các triết gia đều lấy một khái niệm hay phạm trù nào đó để làm cơ sở lý luận. Như Khổng Tử đã lấy phạm trù Nhân, để từ đó lý giải mọi vấn đề diễn ra trong xã hội. Triết học Ấn Độ cổ đại thì chủ yếu tập trung giải quyết mối quan hệ giữa cặp phạm trù Brahman (linh hồn vũ trụ) và Atman (linh hồn cá thể). Heraclite thì xây dựng chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng trên nền tảng khái niệm Logos, coi đó như là nguồn gốc sinh ra vạn vật và là quy luật chi phối vạn vật trong vũ trụ. Hạt nhân tư tưởng trong triết học Platon là Idea (ý niệm) – một khái niệm có tình trừu tượng và khái quát cao mà sau này Hegel chỉ cần bổ sung tính từ “tuyệt đối” (absolute) để thiết lập nên hệ thống chủ nghĩa duy tâm khách quan. Với tư cách là một khoa học, triết học Mác – Lênin cũng không phải là ngoại lệ, triết học Mác – Lênin đã xây dựng trên nền tảng khái niệm Material (vật chất). Là một triết học gia điển hình, Lão Tử cũng vậy, ông đã xây dựng tư tưởng triết học của mình dựa trên một phạm trù đậm nét văn hóa phương Đông đó là phạm trù Đạo.

Lão Tử là một trong ba nhà triết học danh tiếng nhất thời Xuân Thu – Chiến Quốc. Ông được coi là “cây đại thụ triết học” của giai đoạn xã hội có nhiều biến động lớn trong lịch sử cổ đại Trung Quốc, giai đoạn suy toàn của chế độ chiếm hữu nô lệ.

Tư tưởng triết học của Lão Tử được trình bày trong cuốn “Đạo đức kinh” bao gồm ba nội dung lớn, căn bản đó là: Học thuyết về đạo, tư tưởng về phép biện chứng, học thuyết “vô vi”. Trong đó, “Đạo” được coi là một phạm trù triết học quan trọng nhất trong hệ thống tư tưởng triết học của ông, mang ý nghĩa bản thể luận.



Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, phạm trù Đạo trong triết học Lão Tử đã gây ra nhiều tranh luận và có nhiều cách đánh giá khác nhau. Một số quan niệm cho rằng, Đạo có tính duy vật; các quan niệm khác tuyệt đối hóa những yếu tố tinh thần của Đạo, khẳng định Đạo là một phạm trù triết học có tính duy tâm. Quan điểm thứ ba mang tính chiết trung, cho rằng Đạo vừa có tính duy tâm lại vừa mang sắc thái duy vật.

Việc nghiên cứu triết học Lão Tử ở Việt Nam, đã lôi cuốn đông đảo các học giả thuộc nhiều thế hệ khác nhau. Như Ngô Tất Tố trong cuốn *Lão Tử* đã bàn về phạm trù Đạo một cách lý thú. Ông khẳng định: “xưa nay người ta thường hiểu Đạo là “đường đi”, là “đường phải”, là “chủ nghĩa”, “đạo lý”, “đạo đức”. Muốn tỏ triết lý của mình là chân chính là hợp với lẽ phải, Lão Tử đã mượn Đạo để chỉ một vật khác hẳn. Đạo của Lão Tử là vật cụ tượng, nhưng vô hình, vô ảnh, nó là nguyên thủy của trời đất, muôn vật” [56, tr. 40].

Qua việc phân tích nội dung phạm trù Đạo trong triết học Lão Tử, Ngô Tất Tố làm một phép so sánh nó với phạm trù Monad (đơn tử) của nhà triết học duy tâm người Đức – Leibniz (1646 – 1716). Ông viết: “Đạo của Lão Tử là nguyên thủy và toàn thể vũ trụ. Vạn vật trong vũ trụ đều là trạng thái khác nhau của Đạo, có thể ví nó với Monad của Leibniz. Hai đấng cũng là một chất sinh hoạt của tự nhiên. Lão Tử khác hẳn Leibniz ở chỗ không chia linh hồn và vật chất riêng ra làm hai” [56, tr.44]. Như vậy, theo Ngô Tất Tố, Đạo của Lão Tử là cội nguồn của mọi tồn tại, nó phản ánh cả phương diện bản thể luận lẫn phương diện triết lý nhân sinh, trong đó bản thể luận là điều cốt yếu.

Nguyễn Đăng Thục, nhà nghiên cứu chuyên sâu về triết học Trung Quốc, trong bộ sách *Lịch sử triết học phương Đông* đã nhận định: “Lão Tử quan niệm Đạo không phải là đường lối giềng mối luân thường đạo lý do tục lệ nhân quần xã hội tạo ra...Đạo bắt đầu là một thực thể đứng ở ngoài thời gian và không gian siêu lên trên hiện tượng tuyệt đối và biệt lập với hiện

tượng...Đạo không phải là một khái niệm trừu tượng duy lý mà là một thực thể tâm linh, nguồn gốc sinh thành vạn vật, ví như Mẹ của vạn vật...Đạo bản thể là đầu mối của tất cả vũ trụ” [51, tr. 152-153]. Từ nhận định trên, chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng, tác giả nhấn mạnh yếu tố tinh thần của Đạo, xem nó như một thực thể tâm linh. Nếu Ngô Tất Tố ví Đạo với Monad của Leibniz thì Nguyễn Đăng Thục so sánh Đạo với Mẹ của vạn vật- sinh ra tất cả, ông đã nhân cách hóa Đạo, xem nó như lực lượng có sức mạnh toàn năng chi phối sự sinh thành, vận động và phát triển của vạn vật.

Trong *Tinh hoa đạo học phương Đông*, và lời nói đầu của cuốn *Đạo đức kinh*, Nguyễn Duy Cần đã nhìn nhận Đạo như một nguyên lý huyền diệu quy định sự vận hành của vũ trụ: “Đối với Lão Tử, Đạo có một ý nghĩa mới mẻ mà từ trước chưa hề có, có lẽ Lão Tử là người đầu tiên trong những triết gia Trung Quốc đã dùng chữ Đạo để chỉ cái nguyên lý tuyệt đối đã có từ trước khi khai thiên lập địa, không sinh, không diệt, không tăng, không giảm. Đạo có thể quan niệm dưới hai phạm diện: “Vô” và “Hữu”. “Vô” thì đạo là nguyên lý của trời đất, nguyên lý vô hình. “Hữu” thì đạo là nguyên lý hữu hình, tức là mẹ sinh ra vạn vật. Như thế, Đạo không còn là một phương diện, một lẽ lối, một con đường mà là một nguyên lý hoàn toàn huyền diệu” [11, tr. 12]. Khác với hai tác giả trên, Nguyễn Duy Cần khai thác nội dung phạm trù Đạo từ phương diện nguyên lý tuyệt đối, ông nhấn mạnh tính nguyên lý – quy luật của Đạo nhiều hơn tính bản thể của nó.

Các học giả Trung Quốc trong bộ sách chuyên bàn về phạm trù Đạo cho rằng: “Đạo là một bản thể vô hình, vô danh, là căn cứ tồn tại của muôn loài. Nó vận động không ngừng, biến hóa thành vạn vật và tồn tại bên trong vạn vật. Là quy luật và căn cứ biến đổi vận động của vạn vật. Cái đức để thể hiện và biến đạo thành hiện thực, dùng tự nhiên vô vi, thực sự quay lại với mức độ chân thật nhất. Đạo là nguyên tắc trị vì quốc gia. Cần phải trị vì một nước

bằng đạo, vô vi nhi trị, mới có thể đạt được bền vững an dân. Đó chính là đạo luận của Lão Tử. Từ thiên đạo, Lão Tử lần hồi nghiên cứu rồi quy định đạo. Tư duy lý luận của ông đã vượt ra khỏi giới hạn của xã hội loài người, đi sâu vào nghiên cứu bản thể của vũ trụ. Chính điểm này đã làm cho ông có thể luận Đạo từ mức độ cao của bản thể luận. Đạo luận của Lão Tử không những mở ra học phái của Đạo gia, mà còn ảnh hưởng sâu xa đến sự phát triển đạo luận của Nho và cả nền triết học Trung Quốc” [59, tr. 93-94].

Lý Chân Anh – học giả nổi tiếng Trung Quốc hiện đại – viết rằng: “Đạo tức là con đường. Vạn vật không cái nào không từ con đường đó mà thành, sự tồn tại và hình thành của một vật, tất phải có con đường đưa đến, đồng thời con đường cũng là chỉ phương hướng, có được phương hướng thì mới có thể hướng dẫn vạn vật đến mục đích” [3, tr. 124]. Theo Lý Chân Anh, mục đích là điều căn bản quyết định sự tồn tại và phát triển của vạn vật trong thế giới; do vậy, Đạo quả thật có vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của thế giới.

Khi nói về Đạo trong triết học Lão Tử, nhà vật lý hiện đại người Mỹ - Fritjob Capra có cái nhìn so sánh khá tinh tường, trong cuốn *Đạo của vật lý – một khám phá mới về sự tương đồng giữa vật lý hiện đại và đạo học phương Đông*, ông viết: “Trong nghĩa nguyên thủy, nói về vũ trụ thì Đạo là bản thể cuối cùng, không thể định nghĩa và như thế nó ngang tầm Brahman của Ấn Độ giáo và Pháp thân của Phật giáo. Thế nhưng nó khác với các khái niệm Ấn Độ là Đạo mang tính năng động nội tại, nó là tiến trình vũ trụ trong đó mọi sự vật đều tham dự”. [5, tr. 128]

Từ góc nhìn triết học Mác – Lênin, chúng ta thấy, so với các nhà triết học đương thời, Lão Tử đã có một bước tiến lớn trong việc đặt ra và giải quyết vấn đề cơ bản của triết học. Như đã biết, vấn đề cơ bản của triết học là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử triết học; mọi hệ thống triết học dù là

duy vật hay duy tâm khi giải quyết bất kỳ vấn đề gì thuộc bản thể luận và nhận thức luận đều xuất phát từ việc giải quyết mối quan hệ giữa tồn tại và tư duy, vật chất và ý thức, tự nhiên và tinh thần. Tuy nhiên, đằng sau những mối quan hệ đó ẩn giấu quan hệ giữa tự nhiên và con người, giữa linh hồn và thể xác, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, giữa thế giới trần tục và thế giới tưởng tượng (thế giới tâm linh) của con người. Khác với các nhà triết học đương thời hoặc đi tìm bản nguyên sơ khai của vũ trụ trong các yếu tố mang tính trực quan cảm tính như nước, đất, lửa, không khí, hoặc truy tìm bản chất thế giới trong các yếu tố thuần túy tinh thần như ý niệm, con số, v.v..thì Lão Tử đưa ra một phạm trù ngoại diên của nó bao quát toàn bộ các sự vật, hiện tượng cả vật chất lẫn tinh thần. Quan niệm này đã thu hút sự chú ý của các nhà vật lý hiện đại. Nhà vật lý Fririjob Capra cho rằng: “trong những năm cuối cùng của đời mình, Einstein đã cố sức tìm một trường thống nhất bao gồm tất cả mọi hiện tượng vật lý. Cái Brahman của Ấn Độ giáo, cũng như Pháp thân trong Phật giáo hay Đạo trong Lão giáo có được xem là trường thống nhất này” [5, tr. 251]. Và nếu đúng như vậy thì “phải chăng khoa học hiện đại, với tất cả những máy móc tinh xảo của nó, chỉ đang phát hiện lại những gì đã được các thánh nhân phương Đông biết đến từ cả ngàn năm trước” [5, tr. 366].

Triết lý nhân sinh của Lão Tử mà cốt lõi là quan niệm về Đạo ảnh hưởng khá đậm nét trong tư tưởng và lối sống của người Việt, góp phần tạo nên những nhân cách lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Hải Thượng Lãn Ông – Lê Hữu Trác, Nguyễn Du, La Sơn phu tử - Nguyễn Thiếp, Ôn Như Hầu – Nguyễn Gia Thiều và đặc biệt là Nguyễn Công Trứ.

Là một lãnh tụ, đồng thời là nhân chứng lịch sử trong cuộc chiến tranh thường kỳ chống quân Minh xâm lược, Nguyễn Trãi đã tổng kết đạo lý truyền thống Việt Nam trong *Bình ngô đại cáo* với những câu thơ: “Việc nhân nghĩa

cốt ở yên dân, quân cứu nước trước cần trừ bạo” hoặc “Lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn; lấy chí nhân mà thay cường bạo” [57, tr. 77,79].

Nguyễn Bình Khiêm tuy đỗ trạng nguyên, nhưng ghét cảnh đời “còn bạc còn tiền còn đệ tử, hết cơm hết rượu hết ông tôi”, nên lựa chọn con đường tu tại gia, dựng am Bạch vân và mở trường dạy học. Ông gọi sự phát triển của tự nhiên là Thiên đạo, theo ông, “vạn vật sinh thành, vận động và phát triển không ngừng. Quan niệm về Thiên đạo là cơ sở để ông giải thích về Nhân đạo, sự phát triển của xã hội và vận mệnh của con người được ông gọi chung là Nhân đạo” [47, tr. 351]. Sống trong một xã hội mà còn lợi lộc thì còn bạn còn bè, nếu hết rồi thì chẳng thấy bè bạn đâu, nếu Nguyễn Bình Khiêm cứ tiếp tục khuyên nhủ người ta thực hiện những điều khuyên nhủ trong “Tam cương, Ngũ thường, Tam tông, Tứ đức” của Nho giáo thì thật là lỗi thời, do đó ông phải tìm đến Đạo trong triết học Lão Tử với một lối sống ung dung, tự tại, xa lánh mọi danh vọng của cuộc đời.

Nguyễn Du gần chục năm trời sống ẩn dật ở quê nhà, lấy biệt hiệu là Hồng sơn liệt hộ (người đi săn ở núi Hồng) và Nam Hải điếu đồ (người đi câu ở biển Nam). Chính trong những năm tháng lưu lạc chìm nổi này, ông đã trải nghiệm những nỗi khổ đau của đồng loại để từ đó tích lũy ngôn từ, lấy cảm hứng từ Kim Vân Kiều truyện mà viết lên những câu tuyệt tác trong Truyện Kiều: “Ngẫm hay muôn sự tại trời, Trời kia đã bắt làm người có thân. Bất phong trần phải phong trần, Cho thanh cao mới được phần thanh cao”. [17, tr. 270].

Là nho sĩ, nhưng La Sơn phu tử - Nguyễn Thiếp am hiểu khá sâu về Đạo giáo, ông viết: “Người không học không biết Đạo, Đạo là cái lẽ làm người thường ngày. Kẻ đi học, là học điều dạy ấy” [29, tr. 244].

Là một quốc gia với nền văn hóa và hệ tư tưởng hình thành trên cơ sở giao thoa giữa Nho – Phật – Lão, phạm trù Đạo trong triết học Lão Tử khi du

nhập vào đất Việt đã bị khúc xạ ít nhiều do môi trường văn hóa mới, nội dung phạm trù này chuyển dần sang hướng phản ánh đời sống nhân sinh hơn là thế giới quan và bản thể luận. Hiện nay trên hương án bàn thờ, trong phòng khách hay thậm chí tại văn phòng công sở, người ta thờ chữ Đạo viết bằng nhiều kiểu dáng khác nhau của nghệ thuật thư pháp Trung Quốc; điều này khẳng định, phạm trù Đạo có tầm quan trọng như thế nào đối với tâm thức và văn hóa người Việt.

Trong từ ngữ thông dụng tiếng Việt, Đạo được hiểu và vận dụng với tính cách là một thuật ngữ mang tính mờ, hàm nghĩa sâu xa và càng thật là đa nghĩa, nó được dùng làm từ gốc hoặc từ ghép để tạo nên các thuật ngữ, cụm từ khác nhau. Chẳng hạn như “chủ đạo”, “chính đạo”, “độc đạo”, “địa đạo”,...; “đạo đức”, “đạo lý”, “thiên đạo”, “nhân đạo”, “chủ nghĩa nhân đạo”, “đạo làm con”, “đạo làm người”, “sống phải đạo”, “sống trái đạo”, ...Đạo còn được dùng để định danh các giáo lý và tổ chức tôn giáo như: Đạo Kitô, Đạo Phật, Đạo Cao Đài,...Nhưng gọi thế nào đi chăng nữa thì trong tiếng Việt, Đạo vẫn được hiểu một cách thống nhất như nhân cách, chân lý, niềm tin và lẽ sống mà nếu ai đó vô tình hay hữu ý đi chệch, làm sai thì sẽ bị dư luận xã hội lên án, người đời nguyên rủa. Với tư cách là phạm trù nằm ở vùng giáp ranh giữa khoa học, triết học và tôn giáo, Đạo trong triết học Lão Tử đã góp phần to lớn vào trong việc tạo dựng cốt cách con người Việt Nam, một cốt cách được tôi luyện, trầm tích qua mấy nghìn năm lịch sử dựng nước và giữa nước đầy gian khổ.

### **3.2. NHỮNG ĐÓNG GÓP**

*Đạo đức kinh*, không phải là một tác phẩm có kết cấu lô-gíc của một thế giới quan, mà nó chỉ là tập hợp của những câu triết lý rời rạc. Tuy vậy, tác phẩm đã thể hiện được một quan điểm rõ ràng, nhất quán về tư tưởng triết học của một trường phái và có một giá trị lâu dài. Triết lý uyên thâm, trừu tượng

về Đạo của Lão Tử, chính vì thế có sức sống trường tồn vì trong đó có nhiều yếu tố chân lý mà soi vào đâu cũng thấy được sự lấp lánh và uyên áo của nó. Không phải ngẫu nhiên mà tác phẩm tuy đã xuất hiện từ lâu, mà hiện nay vẫn được triết học hiện đại bàn đến vì mức độ thâm sâu và trừu tượng của nó. Thậm chí các nhà khoa học hiện đại khi bàn đến bản nguyên thế giới thường viện dẫn đến quan điểm về Đạo của ông. Họ cho rằng nhiều yếu tố hợp lý trong học thuyết về Đạo của ông cũng với các tư tưởng của Phật giáo rất gần với Vật lý học hiện đại khi tìm về bản nguyên thế giới. Điều đó cho thấy giá trị trong tư tưởng triết học của ông.

Là một triết lý thể hiện quan điểm chủ đạo của Đạo gia. Đặc biệt là sự khác biệt với các triết gia khác trong cách nhìn nhận về Đạo. Theo Lão Tử, Đạo là nguyên thủy của trời đất, của vạn vật:

“Hữu vật hỗn thành,  
Tiên thiên địa sanh...  
Ngô bất tri kỳ danh,  
Tự viết chi Đạo.

*Nghĩa là, Có vật hỗn độn mà nên, sanh trước Trời Đất,...Ta không biết tên, Gọi đó là Đạo.*[6, tr. 137, 139]. Đạo được hiểu là cái hết sức trừu tượng, sâu rộng, bao chứa tất cả.

Chính vì thế, Lão Tử thừa nhận là không thể dùng ngôn ngữ để mô tả được bản chất của Đạo:

“Đạo khả đạo, phi thường Đạo;  
Danh khả danh, phi thường Danh”

*Nghĩa là, Đạo (mà ta) có thể gọi được, không (còn) phải là Đạo “thường”; Danh (mà ta) có thể gọi được, không (còn) phải là Danh “thường”.*[6, tr. 37-38]

Như vậy, ông đã thể hiện được quan điểm chủ đạo trong vấn đề nhận

thức thể giới vạn vật thông qua sự nhìn nhận về khái niệm Đạo. Điều này có một giá trị rất lớn trong việc đánh giá sự vật.

Từ quan niệm về Đạo, Lão Tử - đại diện của Đạo gia đã phủ nhận quan điểm: Trời sinh ra mọi vật. Tuy mơ hồ nhưng ông cũng đã đưa ra được luận điểm về nguồn gốc của mọi vật đều phải xuất phát từ một bản căn nào đó, ngay cả trời đất cũng không phải là sự xuất hiện đầu tiên

“Hữu vật hỗn thành,

Tiên thiên địa sanh.

*Nghĩa là, Có vật hỗn độn mà nên, sanh trước Trời Đất. [6, tr.137, 139]*

Cái nguồn gốc của mọi sự vật ấy được ông gọi là Đạo. Trong câu:

“Nhân pháp Địa,

Địa pháp Thiên,

Thiên pháp Đạo,

Đạo pháp tự nhiên.

*Nghĩa là, Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước Tự nhiên”. [6, tr. 138-139]*

Từ việc quan sát các hiện tượng muôn hình muôn vẻ của thế giới Lão Tử đã rút ra cái nhìn rất tinh tế về phép biện chứng giữa cái mềm thắng cái cứng. Liên hệ gần gũi đến hình ảnh của nước là khái niệm “mềm mại” và tất cả những hàm ý của nó:

*“Người ta sinh ra thì mềm yếu*

*Khi chết mới đờ cứng*

*Cây có vạn vật mới sinh thì mềm dịu*

*Khi chết khô cứng*

*Thực vậy, cứng mạnh là con đường chết*

*Yếu mềm là con đường sống*

*Thế nên binh mạnh ắt bị tan rã*



*Cây cứng ắt bị đốn  
Thực vậy, cứng mạnh thì ở dưới  
Yếu mềm thì vươn lên trên”*

Hơn thế:

*“Sự tối thiện thì giống như nước  
Nước giúp ích vạn vật  
Mà không tranh giành sự chú ý  
Bằng lòng ở vào những chỗ ai cũng khinh mạn  
Chính vì vậy mà nước rất gần với Đạo”*

Đoạn thơ trên ý nói đến đức tính ưu trội của những vật tượng trưng cho nước. Như giới nữ (hoặc giống cái) của các chủng loại; nó mang đến sự sống cho vạn vật thông qua việc sinh đẻ và dưỡng dục, nhưng chính nó lại không tranh giành sự quan tâm trong khi làm việc đó. Nước là một hình ảnh ưa thích của Lão Tử, và nó luôn tồn tại như một biểu tượng tinh túy của Đạo. Cũng như cái trống không, nước lưu chuyển gần như không trông thấy được, vậy mà nó chứa nhiều sức mạnh hơn cả những yếu tố đối lập với chính nó.

*“Không có gì dưới bầu trời này mềm mại hơn nước  
Nhưng khi nó công phá các vật cứng rắn và đề kháng lại nó  
Thì không gì có thể lướt thắng nó nổi  
Rằng sự mềm mại đánh bại sự đề kháng  
Và sự nhu thuận chiến thắng sự cứng rắn  
Đó là điều mà ai cũng biết  
Nhưng không ai áp dụng cho mình”*

Đây là một dẫn chứng thú vị về sự đa nghĩa ẩn giấu trong mỗi dòng chữ của *Đạo Đức Kinh*. Trước nhất, đoạn văn này tiêu biểu cho một lời diễn đạt tự nhiên, đơn giản của triết lý Đạo giáo. Nó đồng nhất Đạo với sự nhu thuận, uyển chuyển và sức mạnh bất kháng của nước. [63]

Lão Tử còn đưa ra một khái niệm về quan hệ tương quan giữa con người và tự nhiên (trời, đất) cũng như sự ảnh hưởng lẫn nhau của các thành phần này. Cũng lại xuất phát từ bản căn của sự vật, Lão Tử cho rằng vạn vật trong vũ trụ đều tác động lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau mà nguyên nhân chính là cái bản căn của mọi vật (Đạo). Tức là nhìn nhận sự tác động lẫn nhau của vạn vật dựa trên quan điểm bản thể luận mà không phải xuất phát từ quan niệm duy tâm.

Lão Tử cũng chỉ ra quy luật tự nhiên của vạn vật. Tất cả mọi vật hình thành, biến đổi đều tuân theo quy luật tự nhiên chứ không phải do trời hay các đấng thần linh tối cao quyết định. Và bản chất của mọi vật vốn xuất phát từ tự nhiên, tuân theo quy luật tự nhiên mà biến đổi. Lẽ tự nhiên ấy sinh ra Đạo-nguồn gốc của mọi sự vật, do vậy mọi vật đều phụ thuộc nhau và phụ thuộc tự nhiên (Người noi theo Đất, Đất noi theo Trời, Trời noi theo Đạo mà Đạo thì noi theo lẽ tự nhiên). Quan điểm của Lão Tử cho thấy sự nhìn nhận quy luật tự nhiên như là một tất yếu của sự vật. Tôn trọng quy luật tự nhiên và tuân theo quy luật tự nhiên mà tồn tại là một quan điểm lớn nhất của Lão Tử.

Câu “Nhân pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên”, cho ta một sự nhìn nhận về hệ thống quan điểm triết học và tư tưởng của Lão Tử trong cách đánh giá sự vật. Nó mang nhiều ý nghĩa và có những giá trị lớn trong hệ thống các tư tưởng triết học cổ đại của Trung Quốc.

Cống hiến to lớn của Lão Tử là “Phép biện chứng chất phác” – như giới triết học hậu thế kết luận và tôn vinh. Theo ông thì do sự chi phối của Đạo cho nên vũ trụ luôn luôn và không ngừng, luôn luôn biến hóa – vận động: có cái tiến lên, có cái lùi lại, có cái lớn lên, có cái bé đi, có vật đang hình thành, có vật đang mất đi.

Trái ngược hoàn toàn với quan niệm của Khổng Tử, từ những phương châm luân lý ứng dụng, Lão Tử đi đến cái giá trị tiêu chuẩn của nhân sinh lý

tướng là lấy Đức để báo oán. Lão Tử quan niệm Đạo vô vi tuyệt đối là một nguyên lý đại đồng, ngoài danh từ ngôn ngữ trên hiện hữu tương đối, chỉ có thể lấy cái vô tư, vô dục để tích chứa cái đức là phương diện biểu hiện của Đạo thì mới hợp thể được với Đạo. Đạo ấy đã không biết thiên vị, chỉ biết nuôi nguồn sống tràn ngập mà không cậy mình, nhìn muôn vật với con mắt bình đẳng khách quan. Cho nên Lão Tử lấy tiêu chuẩn của giá trị nhân sinh là “Dĩ đức báo oán”.

Lão Tử khuyên người ta không nên đua tranh, không nên bạo động, vì cạnh tranh gây thù oán, bạo động sẽ chết bất đắc kỳ tử. Bất tranh ở đây không phải hèn nhát chịu thua ví như nước rất nhu yếu mềm mại, không tranh mà có thể đánh đổ những vật kiên cố, cho nên Lão Tử bảo:

“Nhơn chi sở giáo,  
Ngã diệc giáo chi.  
Cường lương giả bất đắc kỳ tử,  
Ngô tương dĩ vi giáo phụ.”

*Nghĩa là, Chỗ mà người xưa dạy, ta nay cũng dạy: dùng bạo động, chết bạo tàn. Người nói câu ấy là Thầy ta”. [6, tr. 211-212].* Đây cũng là một đóng góp to lớn của Lão Tử, đặc biệt đối với xã hội ngày nay với nhiều nghịch lý cần phải lên án tháo bỏ. Hơn thế là triết lý sống kêu gọi sự hòa hợp trong thế giới đầy biến động.

Cũng chính sự ganh đua đấu tranh mà dẫn con người đến biết bao tai họa khiến cho cuộc sống của họ đi vào ngõ cụt. Cho nên Lão Tử đã phản đối lối sống bạo lực và đấu tranh, ông nói:

“Dĩ Đạo tá nhơn chủ giả,  
Bất dĩ binh cường thiên hạ,  
Kỳ sự hảo hườn (hoàn),  
Sư chi sở xử.”

Kinh cực sanh yên.

Đại quân chi hậu,

Tất hữu hung niên.

*Nghĩa là, Ai lấy Đạo phò vua, không dùng binh mà bức thiên hạ, sẽ thấy đặng kết quả tốt. Chỗ đóng sư đoàn, gai góc mọc đầy. Sau cuộc chiến chinh, nhiều năm mất mùa.” [6, tr.156-158]*

Trong những giai đoạn khác nhau, dù ở hoàn cảnh xã hội nào đi nữa thì nó cũng luôn tồn tại sự đối nghịch nhau, có người sống chan hoà, nhân ái, luôn muốn đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho người khác, nhưng cũng có người lại sống ghê lạnh, thờ ơ, chẳng quan tâm đến người thân, đồng loại. Và ngay trong chính bản thân của mỗi người cũng tồn tại hai mặt tốt-xấu, cao thượng-thấp hèn, vị tha-ích kỉ,...(*Nhân vô thập toàn*). Do vậy, trong cuộc sống không thể chỉ có một chiều ca ngợi đức vị tha, lòng yêu thương mà thiếu đi tiếng nói đấu tranh, phê phán thái độ thờ ơ, ghê lạnh đối với con người. Bởi xét đến cùng, bản chất của hai sự việc trên đều cùng chung mục đích: hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn, muốn con người được sống trong biển đời giàu tình yêu thương. Sống trong một xã hội lúc bấy giờ, một xã hội đạo lý bị đảo ngược, nên Lão Tử đã phản đối lối sống cá nhân, ích kỷ, ông nói:

“Thiên trường địa cửu

Thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả,

Dĩ kỳ bất tự sinh,

Cố năng trường sinh.

Thị dĩ Thánh nhơn

Hậu kỳ thân nhi thân tiên

Ngoại kỳ thân nhi thân tồn

Phi dĩ kỳ vô tư da?

Cố năng thành kỳ tư.

*Nghĩa là, Trời dài đất lâu. Trời đất sờ dĩ dài lâu, là vì không sống cho mình, nên mới dựng trường sinh. Vì vậy Thánh nhơn, để thân ra sau, mà thân ở trước; để thân ra ngoài mà thân dựng còn. Phải chăng vì không riêng tư, mà thành được việc riêng tư?” [6, tr. 64-65]*

Lão Tử còn khuyên con người không nên phô trương, khoe khoang:

“Thị dĩ thánh nhơn bao nhất,  
Vi thiên hạ thức.  
Bất tự kiến, cố minh,  
Bất tự thị, cố chương,  
Bất tự phạt, cố hữu công,  
Bất tự căng, cố trường.  
Phù duy bất tranh,  
Cố thiên hạ mạc năng dĩ chi tranh.  
Cố chi sở vị khúc tắc toàn giả,  
Khởi hư ngôn tai!  
Thành, toàn nhi quy chi.

*Nghĩa là, Bởi vậy, Thánh nhơn “ôm giữ cái Một” để làm mẫu mực cho thiên hạ. Không xem mình là sáng, nên sáng; không cho mình là phải, nên chói; không cho mình có công, nên có công; không khoe mình, nên đứng đầu. Chỉ vì không tranh, nên thiên hạ không ai tranh nổi mình. Chỗ người xưa gọi là “khuyết thì lại toàn”, há phải lời nói sai đâu? Thành, là trở về chỗ toàn vậy.” [6, tr. 124-126]*

Biết sống một cách giản dị, không ăn chơi xa hoa, lãng phí, Lão Tử nói:

“Ngũ sắc lịnh nhơn mục manh.  
Ngũ âm lịnh nhơn nhĩ lung.  
Ngũ vị lịnh nhơn khẩu sáng?  
Trì sính diên liệt,

Lịnh nhơn tâm phát cuồng.  
 Nan đắc chi hóa,  
 Lịnh nhơn hành phương.  
 Thị dĩ thánh nhơn,  
 Vị phúc bất vị mục.  
 Cố khứ bi thù thù.

*Nghĩa là, Năm màu khiến người tối mắt. Năm giọng khiến người điếc tai. Năm mùi khiến người tê lưỡi. Sỏi ngựa săn bắn, khiến lòng người hóa cuồng. Của cải khó đặng, khiến người gặp nhiều tai hại. Bởi vậy Thánh nhơn, vì bụng mà không vì mắt. Nên bỏ cái này mà lấy cái kia.” [6, tr. 83-84].*

Hơn thế nữa, triết lý tri túc, tri chi (biết đủ, biết dừng) đúng lúc, tuy có nhiều hạn chế, song ít nhiều cũng giúp cho con người nghiệm ra những điều có ích, thú vị, giúp hạn chế bớt lòng ham muốn quá đà của con người. Nếu biết dừng đúng lúc, đúng chỗ thì sẽ mang hạnh phúc, yên vui cho con người hơn là ham tranh giành, đấu đá nhau vì một mối lợi cùn con. Triết lý sống hài hòa với tự nhiên, giúp con người sáng khoái thư giãn tâm hồn trong một xã hội đầy đua tranh danh lợi.

Triết lý hạnh phúc- tri túc, tri chi và triết lý sống tự nhiên của Lão Tử được ví như làn gió mát thổi vào xã hội ngột ngạt Trung Quốc với sự ràng buộc chặt chẽ của đạo lý cương thường, của tam tông- tứ đức và vòng cương tỏa khắc nghiệt của luật pháp Pháp gia. Không phải ngẫu nhiên mà con người từng tung hoành ngang dọc khắp trời Nam là Nguyễn Công Trứ, đến cuối đời lại tìm đến triết lý này với câu thơ bất hủ:

Kiếp sau xin chớ làm người  
 Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.

### 3.3. NHỮNG HẠN CHẾ

Bên cạnh những yếu tố tích cực thì triết học Lão Tử vẫn có những yếu tố hạn chế nhất nhất định.

Lão Tử cho rằng mâu thuẫn đấu tranh chỉ là thứ yếu, sự thống nhất mới là chủ yếu. Ở chương 11 ông nói:

“Tam thập phúc, cộng nhưt cốc,  
 Đương kỳ vô, hữu xa chi dụng.  
 Duyên thực dĩ vi khí,  
 Đương kỳ vô, hữu khí chi dụng.  
 Tạc hộ dĩ dĩ vi thất,  
 Đương kỳ vô, hữu thất chi dụng.  
 Cố,  
 Hữu chi dĩ vi lợi,  
 Vô chi dĩ vi dụng.”

*Nghĩa là, Ba chục phúc, cộng nhưt cốc, nhưng nhờ chỗ “không”, mới có cái “dụng” của xe. Nhồi đất để làm chén bát, nhờ chỗ “không” mới có cái “dụng” của chén bát. Khoét cửa nẻo, làm buồng the, nhờ chỗ “không” mới có cái “dụng” của buồng the. Bởi vậy, lấy cái “có” đó để làm cái lợi, lấy cái “không” đó để làm cái dụng.” [6, tr. 80-81]*

Công dụng của bánh xe, của chén bát, của nhà cửa là sự thống nhất giữa cái “không” và cái “có” hơn là kết quả của sự đấu tranh giữa cái “không” và cái “có”.

Trong các sự vật đều có những mặt đối lập như đẹp-xấu, thiện-ác, trước-sau, hay-dở, khó-dễ, v.v...Chúng chuyển hóa lẫn nhau một cách tất nhiên, nhưng vì chúng là những vật vô thường (không trường tồn), cho nên đấu tranh giữa chúng chỉ là tương đối, thứ yếu, mà thống nhất giữa chúng là tuyệt đối, chủ yếu.

Về kinh tế cũng như về chính trị, sai lầm của Lão Tử là ở chỗ muốn căn cứ vào trật tự tự nhiên, quy luật vận động tự nhiên để tìm ra cái quy luật xã hội tuyệt đối. Trật tự tự nhiên là “bất hữu”, “vô vi”, bình đẳng, tự quản v.v... Đó là quy luật vĩnh cửu của vũ trụ, một thứ quy luật bất biến, tuyệt đối, siêu việt mọi thời đại, siêu việt mọi trường hợp. Vì trật tự tự nhiên là siêu thời đại, cho nên nó không phân biệt thiện ác, công tư, chủ quan, khách quan, trên dưới, to nhỏ và do đó nó là tuyệt đối bình đẳng. Lão Tử căn cứ vào cái trật tự tự nhiên ấy, đem xã hội hiện thực đời Chiến quốc so sánh với nó để tìm ra cái xã hội hợp lý. Xã hội hiện thực đời Chiến quốc là tự tư tự lợi, như thế là trái với tự nhiên. Theo Lão Tử cái xã hội lý tưởng ấy là xã hội “nhỏ nước ít dân”. Chúng ta có thể thấy xã hội “nhỏ nước ít dân” của Lão Tử chính là công xã nguyên thủy. Nhưng xã hội nguyên thủy chỉ là một giai đoạn đặc biệt trong lịch sử phát triển của xã hội. Thế là Lão Tử đã lấy tính chất vĩnh cửu bất biến của trật tự tự nhiên làm căn cứ để tuyệt đối trừu tượng hóa cái xã hội “nhỏ nước ít dân”; quy nó thành một xã hội siêu thời đại và tuyệt đối hợp lý. Khi Lão Tử nói rằng: “Đạo trời [...] bớt chỗ thừa để bù vào chỗ thiếu; đạo người thì không thế, nó bớt chỗ thiếu để thêm vào chỗ thừa” (Chương 77) thì ông mặc nhiên thừa nhận rằng quy luật tự nhiên và quy luật xã hội là căn bản trái ngược nhau.

Khi Lão Tử nói đến có – không, khó – dễ, dài – ngắn, cao – thấp, thanh – âm, trước – sau, họa – phúc, sang trọng – bần tiện, cao lớn – thấp bé cùng tồn tại, tương tác, liên hệ với nhau, là ông đã nói đến quy luật về sự thống nhất của các mặt đối lập trong tự nhiên và trong các xã hội nhân sinh. Sự liên hệ, tương tác giữa các mặt đối lập, các khuynh hướng đối lập nhau trong sự vật và hiện tượng là nguyên nhân tạo ra sự vận động, biến đổi không ngừng của vũ trụ mà lại theo quy luật tất yếu, đó là Đạo. Không có sự vật hiện tượng nào có thể đứng ngoài quy luật đó mà tồn tại được – kể cả thần linh, trời đất, vũ trụ.



Hiển nhiên, Lão Tử không thể đưa ra bản chất bên trong của sự biến đổi không ngừng hoàn toàn có thật ấy. Đó là sự hạn chế tất yếu mang tính thời đại trong một bối cảnh xã hội nông muội cách đây hơn hai thiên niên kỷ.

Ở chương 40, Lão Tử nói:

“Trở về với cái động của Đạo, Yếu nhược là cái dụng của Đạo, Vạn vật trong thiên hạ sinh ra từ “có”, Mà “có” lại sinh ra từ “không””. Đây được coi là điểm yếu của học thuyết Lão Tử. Cái động của Đạo, không phải là đi ra ngoài, mà là trở vào trong. Trở vào trong tức là trở về gốc. Bởi vậy, những hành động theo Đạo lại luôn luôn trái ngược với cái Đạo hữu vi của người đời thường hiểu và thường làm. Người thích lên cao thì ông bảo đứng dưới thấp, người ta thích tranh đua thì ông bảo đừng tranh, người ta thích làm con trổng thì ông bảo người ta làm con mái, người ta thích cứng thì bao bảo nên mềm, người ta thích đứng trước thì ông bảo nên đứng sau.

Theo ông thì yếu mềm không phải là nhu nhược như người đời thường hiểu. Nhược ở đây là biết thuận theo, biết chiều theo mà đừng cố cưỡng, không chống lại với những luật bất di bất dịch của Tạo hóa, của tự nhiên, không dùng ý chí mà cưỡng lại với Đạo, như người lội trong nước mà không cưỡng lại với nước nên không biết có nước.

Trong các giai đoạn lịch sử, xã hội muốn phát triển phải có một đội ngũ những người có tài năng và đức độ làm rường cột. Đó là những nhân tài của đất nước. Ông cha ta thường nói, hiền tài là nguyên khí quốc gia, quốc gia hưng thịnh hay suy vong phụ thuộc rất lớn vào việc trọng dụng nhân tài. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc trọng dụng nhân tài cho Đảng, cho đất nước. Hơn thế, trong giai đoạn đất nước hiện nay nguồn nhân lực cho sự phát triển đất nước rất quan trọng. Vậy mà Lão Tử lại đi ngược lại với chính sách “thượng hiền” của Nho gia, Mặc gia, Lão Tử chủ trương:

“Bất thượng hiền,  
 Sứ dân bất tranh;  
 Bất quý nan đắc chi hóa,  
 Sứ dân bất vi Đạo.  
 Bất kiến khả dục,  
 Sứ dân tâm bất loạn.

*Nghĩa là, Không tôn bực hiền tài, khiến cho dân không tranh giành; Không quý của khó đặng, khiến cho dân không trộm cướp; Không phô điều ham muốn, khiến cho lòng dân không loạn.” [6, tr. 49-50]*

Đi vào nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, một nền đạo đức mới đã và đang hình thành là nguồn lực quan trọng của công cuộc phát triển đất nước, trong đó con người là trung tâm. Xem qua cách hành xử, ứng xử cùng với những nghi thức, lễ nghi đúng thủ tục, hợp lòng người trong cuộc sống đương thời mà qua đó xã hội đánh giá đến sự hiểu biết của một cá nhân, phải đạo với trời đất, hợp đạo với đời. Qua đó, thể hiện vai trò, trách nhiệm của người với người, giữa người với đời, với xã hội hiện tại. Người không trí, không hiểu biết thì quả là một thiệt thòi lớn, có thể nói người không trí không làm được gì cả. Chính những phẩm chất đó góp phần làm hoàn thiện con người. Vậy mà Lão Tử lại phản đối việc giáo dục nhân, nghĩa, lễ, trí của Nho gia, ông nói:

“Tuyệt thánh khí trí,  
 Dân lợi bách bội.  
 Tuyệt nhân khí nghĩa,  
 Dân phục hiếu từ,  
 Tuyệt xảo khí lợi,  
 Đạo tặc vô hữu.

*Nghĩa là, Dứt thánh bỏ trí, dân lợi trăm phần. Dứt nhân bỏ nghĩa, dân lại thảo lành. Dứt xảo bỏ lợi, trộm cướp không có.”* [6, tr. 110-111].

Trong xã hội mà tri thức, hiểu biết được coi là động lực phát triển, việc Lão Tử phản đối tri thức, học vấn xem ra có vẻ ngược đời. Vì chủ trương: không nhìn qua cửa sổ cũng biết thiên đạo và một xã hội mọi người đều ngây thơ như trẻ con để quay lại xã hội thời hồng hoang là ảo tưởng, phản tiến bộ.

Về triết lý vô vi của ông nhằm gạt bỏ luân lý, pháp luật, tri thức ra khỏi xã hội cũng khó mà đứng vững. Học giả Ngô Tất Tố, khi bàn về Lão Tử, đã chỉ rõ: “Đạo đức, luân lý, tri thức cần phải có, không thể tránh khỏi và chủ nghĩa vô vi thực là một chủ nghĩa có hại cho mọi người về cả tinh thần lẫn vật chất” [56, tr.114]. Việc trở lại xã hội mông muội thời xưa có lẽ chỉ là mơ ước tuy đẹp nhưng hết sức ảo tưởng của ông, chẳng khác gì việc Khổng Tử muốn làm như Nghiêu, Thuấn. Hiện thực cho thấy, khi tìm ra một số bộ lạc cổ xưa còn rơi rớt lại, người đương đại chắc chẳng có chút cảm hứng gì để học hỏi ở họ.

Kêu gọi một xã hội nước nhỏ, dân ít, mọi người không đi lại với nhau là hoàn toàn không đúng cho sự giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt đối với thời kỳ hội nhập thế giới như hiện nay. Tư tưởng ích kỉ *trọng mình* hơn người khác lại ngăn cản tình yêu thương đồng loại, khiến con người thu mình hơn trong xã hội phát triển.

Sở dĩ Lão Tử xem trọng thống nhất hơn đấu tranh là vì những mâu thuẫn khốc liệt của thời Chiến quốc, Lão Tử muốn giải quyết chúng bằng cách tiêu diệt cái động nhân của chúng: những sự vật đối lập đều dựa vào nhau, làm tiền đề cho nhau, do đó thù tiêu một trong hai sự vật đang xung đột, tức là thù tiêu toàn bộ mâu thuẫn: “Người nhiều kỹ xảo [...] trộm cướp có nhiều” (Chương 57); “Vứt bỏ xảo lợi, trộm cướp không có” (Chương 19).

Chính vì Lão Tử xem trọng thống nhất, cho nó là chủ yếu và tuyệt đối mà Lão Tử đã đi đến chủ nghĩa tuần hoàn, Lão Tử viết: “Vạn vật sinh ra nhan

nhân, ta sẽ xem sự vãng phục của nó. Mọi vật sinh sôi nảy nở rồi cũng trở về với gốc. Về gốc là tĩnh, tĩnh là phục mệnh, phục mệnh là thường (trường tồn)” (Chương 16). Trở về gốc là trở về với Đạo, Đạo là sự thống nhất cái “thường hữu” và cái “thường vô”. Cho nên nói: “Phục mệnh là thường”. “Vạn vật sinh ra nhan nhân”, sinh sôi nảy nở, là sự phát triển và chuyển hóa lẫn nhau giữa các mặt đối lập, chúng phát sinh từ Đạo rồi lại trở về với Đạo như một cái vòng (tuần hoàn).

Có thể nhận thấy, trong cách ứng xử của hai mặt đối lập, Lão Tử thiên về thống nhất mà không hề nói đến, thậm chí thủ tiêu sự đấu tranh. Đây là hạn chế lớn trong cách xử thế của ông. Đành rằng, nhìn chung với người phương Đông thì thường thiên về cách giải quyết bằng cách tìm ra điểm tương đồng thống nhất thích hòa bình một cách âm tính khác hẳn với người phương Tây, nhưng nếu tuyệt đối hóa sự thống nhất mà quên mất đấu tranh cũng là một cực của quan điểm siêu hình, máy móc. Chúng ta từng biết trong cách giải quyết mâu thuẫn, Hồ Chí Minh tuy cố gắng tìm ra điểm giống nhau giữa ta và địch (Pháp và Mỹ), song khi thấy không thể thống nhất được, trước sự hiếu chiến của kẻ thù, Người vẫn cứng rắn giải quyết bằng đấu tranh với kẻ thù một cách kiên quyết, không khoan nhượng. Cứng hay mềm ở đây được Người giải quyết một cách linh hoạt, đúng lúc, đúng chỗ, tùy hoàn cảnh lịch sử cụ thể chứ không cứng nhắc. Đó là cách ứng xử mềm dẻo, biện chứng của vị lãnh tụ thiên tài nước ta, được thế giới công nhận.

## KẾT LUẬN

Nhìn chung, trong toàn bộ tác phẩm *Đạo đức kinh*, tư tưởng của Lão Tử đã và đang gây ra nhiều tranh luận trong giới học giả thế giới. Dù tư tưởng đó là đã được kiểm định, đánh giá đúng sai như thế nào chưa ngã ngũ, song theo chúng tôi, quan trọng là Lão Tử đã xới lên vấn đề để hậu thế tranh luận, điều đó đã nói lên tầm vĩ đại, sự uyên thâm trong tư tưởng triết học của ông.

*Đạo đức kinh* là một tác phẩm viết từ thời cổ đại cách đây gần 2.500 năm nhưng cho đến nay vẫn được nhiều người lưu tâm, điều đó đã tự bộc lộ giá trị vĩnh hằng của nó. Có thể, trong đó có những luận điểm không hẳn được nhiều người đồng tình. Song những vấn đề do Lão Tử đặt ra *đó lại được người đời sau suy ngẫm, đặc biệt là những* quan niệm về phép biện chứng đã được ông nêu ra từ rất sớm với lối tư duy hết sức khác thường. Tư tưởng của ông trong triết lý nhân sinh, triết lý hạnh phúc, tri túc, tri chi, về luật quân bình phản phục... vẫn để lại cho người đọc về sự thú vị, độc đáo lóe ra từ sự liên tưởng với thực tiễn.

Những vấn đề mà ông nêu ra, càng đọc kỹ, càng suy ngẫm mới thấy được phần nào sự uyên thâm của ông và dường như những vấn đề đó luôn luôn mới. Không phải ngẫu nhiên mà ngày nay khi đề cập đến các vấn đề thời sự, các học giả và cả các chính trị gia hàng đầu trên thế giới vẫn thường viện dẫn những lời nói của ông cách đây hàng ngàn năm. *Đạo đức kinh* vẫn là một trong số ít những tác phẩm từ thời cổ đại tiếp tục được tranh luận để phát lộ ra những tia sáng mới trong tư tưởng của ông mà lớp bụi thời gian không thể xoá nhoà. Thay cho lời kết, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với nhận xét sau đây về Lão Tử: “Trong cái “mập mờ, thấp thoáng”, mơ hồ nhưng luôn chói sáng tính chất gợi mở, vạch đường, tư tưởng của ông đã làm người đời sau phải kinh ngạc và thán phục trước sức mạnh tư duy độc đáo của ông. Tuy triết học Lão Tử vẫn còn những thiếu sót do hạn chế bởi điều kiện xã hội đương thời, nhưng dù sao về phương diện lịch sử, chúng ta cũng phải nghiêng mình trước di sản tài hoa và sắc sảo của ông” [14, tr. 448].

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] I. A. Abra-mốp và V. N. Đê-min (1999) *Những kiệt tác của nhân loại*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [2] Dương Thu Ái – Nguyễn Kim Hanh ( 1998), *Trí tuệ của các bậc thánh hiền*. Nxb Thời đại, Hà Nội.
- [3] Lý Chân Anh (2007), *Nghiên cứu triết học cơ bản*, Nxb Tri thức
- [4] Bộ giáo dục và đào tạo (1999), *Giáo trình Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Fritjob Capra (1999), *Đạo của vật lý – một khám phá mới về sự tương đồng giữa vật lý hiện đại và đạo học phương Đông*, Nxb Trẻ.
- [6] Nguyễn Duy Cần (2013), *Lão Tử: Đạo đức kinh*. Nxb Trẻ.
- [7] Nguyễn Duy Cần (2013), *Lão Tử tinh hoa*. Nxb Trẻ. Tr 11-32
- [8] Nguyễn Duy Cần (2013), *Tinh hoa đạo học phương Đông*. Nxb Trẻ.
- [9] Nguyễn Duy Cần (2013), *Nhập môn triết học phương Đông*. Nxb Trẻ.
- [10] Nguyễn Duy Cần dịch (1962), *Trang Tử- Nam Hoa kinh*, Nxb Khai Trí.
- [11] Nguyễn Duy Cần (1995), *Đạo đức kinh*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [12] Giáp Văn Cường và Trần Kiệt Hùng (1995), *Lão Tử- Đạo đức huyền bí*, Nxb Đồng Nai.
- [13] Gian Chi, Nguyễn Hiến Lê (1966), *Đại cương triết học Trung Quốc*, Nxb Cào Thơm.
- [14] Doãn Chính và Nguyễn Thế Nghĩa (1999) (Chủ biên), *Lịch sử triết học, tập 1, Triết học cổ đại*, Nxb. Khoa học xã hội.
- [15] Doãn Chính, Nguyễn Thế Nghĩa (Chủ biên) (1998), *Đại cương triết học phương Đông cổ đại*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [16] Doãn Chính, (Chủ biên) (1999), *Đại cương Lịch sử triết học Trung Quốc*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [17] Nguyễn Du (2009), *Truyện Kiều*, Nxb Văn học, Hà Nội.

- [18] Đường Đắc Dương (Chủ biên), *Cội nguồn văn hóa Trung Hoa*. Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- [19] Kim Định (1969), *Những dị biệt giữa hai nền triết lý Đông Tây*, Nxb Ra khơi Nhân Ái.
- [20] Kim Định (1967), *Chữ Thời*, Nxb Khai sáng.
- [21] IAN. P. Mc Grean (2005), Biên dịch: Phạm Khải: *Những tư tưởng gia vĩ đại phương Đông*. Nxb Lao động, Hà Nội.
- [22] Hội đồng biên soạn sách lý luận (1999), *Giáo trình Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [23] Nguyễn Tấn Hùng, Lê Hữu Ái (2012), *Triết học* (dùng cho đào tạo Sau đại học không thuộc chuyên ngành triết học). Nxb Đà Nẵng.
- [24] Cao Xuân Huy (1995), *Tư tưởng phương Đông - gợi những điểm nhìn tham chiếu*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [25] Lưu Hồng Khanh (1999), *Lão Tử: Đạo đức kinh - Bản thể, hiện tượng, siêu việt của Đạo*. Nxb Trẻ.
- [26] Phùng Hữu Lan (1999), *Đại cương Triết học sử Trung Quốc*. Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [27] Nguyễn Hiến Lê (1998), *Khổng Tử*, NXB Văn hóa thông tin.
- [28] Nguyễn Hiến Lê (1994), *Lão Tử: Đạo Đức Kinh*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [29.] Tạ Ngọc Liễn (1998), *Chân dung văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
- [30] . Hầu Ngoại Lư, Triệu Kỳ Bân, Đỗ Quốc Tường (1959), *Hiển học Khổng Mặc*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [31] Hầu Ngoại Lư – Triệu Kỳ Bân – Đỗ Quốc Tường (1960), *Học thuyết Tư Tử, Mạnh Tử*. Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [32] Trần Hồng Lưu (2004), “Đạo- triết lý vô vi, tri chi trong Đạo đức kinh của Lão Tử”, *Khoa học xã hội*, số 8, tr. 19-23.

- [33] Đặng Nguyên Minh (Biên soạn) (2000), *Triết học thế giới nên biết*. Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- [34] Hà Thúc Minh, (2000), *Nghiên cứu lịch sử tư tưởng Trung Quốc*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [35] Hoàng Lê Minh (Biên soạn) (2001), *Danh nhân trong lĩnh vực triết học*. Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [36] . Ôn Hải Minh (2012), *Tư tưởng triết học Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, tr. 33-38.
- [37] Trần Văn Hải Minh (1991), *Bách gia chư tử*. Hội nghiên cứu và giảng dạy văn học. Thành phố Hồ Chí Minh.
- [38] Nguyễn Tôn Nhan (1999), *Lão Tử: Đạo đức kinh*. Nxb Văn học.
- [39] Vũ Thế Ngọc (Dịch) (1998). *Lão Tử: Đạo Đức Kinh*. Nxb Lao động.
- [40] Lưu Ngôn. Biên dịch Vũ Ngọc Quỳnh (1997): *Đàm đạo với Lão Tử*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [41] Trần Đăng Sinh (Chủ biên) (2012), *Lịch Sử Triết học*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội. tr. 44-47.
- [42] M.T. Stepaniants (2003), *Triết học phương Đông*. Nxb Khoa học xã hội.
- [43] *Sử ký Tư Mã Thiên* ( 2003), Biên dịch: Phan Ngọc. Nxb Văn học.
- [44] Lê Văn Quán (1995), Chu Dịch: *Vũ trụ quan*. Nxb Giáo dục.
- [45] Trương Tùng Quân – Triệu Hiểu Lộ (Biên soạn), Thanh Minh (Biên dịch) (2000), *100 câu chuyện về Đạo giáo*. Nxb Từ điển bách khoa.
- [46] Bùi Thanh Quất (1999), *Lịch sử triết học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [47] Hà Văn Tấn (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội.
- [48] Hoàng Thần Thuần, *Lão Tử: Tinh hoa trí tuệ qua danh ngôn*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [49] Nguyễn Đăng Thục (1991), *Lịch sử triết học phương Đông, tập 2*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh,



- [50] Nguyễn Đăng Thục (1973), *Triết lý đối chiếu*, Nxb Nhị Khê.
- [51] Nguyễn Đăng Thục (1958), *Lịch sử triết học Đông phương*, Nxb Đông Phương.
- [52] Ngô Tất Tố (1992), *Lão Tử*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh,
- [53] Lý Minh Tuấn (2005), *Lão Tử: Đạo đức kinh giải luận*. Nxb Phương Đông
- [54] Lý Minh Tuấn (2005), *Đông Phương triết học cương yếu*, Nxb. Thuận Hóa.
- [55] Nguyễn Anh Tuấn (2002), *Vấn đề quản lý nhà nước trong triết học Trung Quốc cổ đại*. Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [56] Trí Tuệ (2003), *Lão Tử: Tư tưởng và sách lược*. Nxb Mũi Cà Mau.
- [57] Nguyễn Trãi (toàn tập) (1976), Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- [58] Trường đại học khoa học xã hội và nhân văn (2013), *Triết học phương Đông và phương Tây- Vấn đề và cách tiếp cận*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [59] Trương Lập Văn (chủ biên) (1998), *Đạo - Triết học phương Đông*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [60] Nguyễn Hữu Vui (chủ biên) (2004), *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [61] Nguyễn Hữu Vui (chủ biên) (1991), *Lịch sử triết học*, Nxb Tư tưởng – Văn hóa, Hà Nội
- [62] <http://reds.vn/>
- [63] <http://Triethoc.edu.vn>. *Tiểu luận về Đạo đức kinh* (thứ 6, 26/04/2013).
- [64] [http:// wikipedia](http://wikipedia)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Số: 7386 /QĐ-ĐHĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 11 năm 2013

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc giao đề tài và trách nhiệm hướng dẫn luận văn thạc sĩ

#### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3020/QĐ-ĐHĐN ngày 07 tháng 6 năm 2012 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc công nhận học viên cao học trúng tuyển;

Xét Công văn số 255/ĐHBK-KH,SDH&HTQT ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc đề nghị ra Quyết định giao đề tài và trách nhiệm hướng dẫn luận văn thạc sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao cho học viên cao học **Thị Lý Phục**, lớp **K25.TRI.ĐN**, chuyên ngành **Triết học**, thực hiện đề tài luận văn *Tư tưởng triết học của Lão Tử trong tác phẩm Đạo đức kinh*, dưới sự hướng dẫn của **TS. Trần Hồng Lưu**, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

**Điều 2.** Học viên cao học và người hướng dẫn có tên ở Điều 1 được hưởng các quyền lợi và thực hiện nhiệm vụ đúng theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Quyết định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Đà Nẵng.

**Điều 3.** Các ông Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, các Ban hữu quan, người hướng dẫn luận văn và học viên có tên trên căn cứ Quyết định thi hành./.

GIÁM ĐỐC *TV*

  
*Trần Văn Nam*  
PGS.TS. Trần Văn Nam

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, Ban ĐTSDH.

